

PHÁP HOA  
HUYỀN NGHĨA  
(SADDHARMA PUNDARIKA  
SUTRA)



Chánh Trí  
MAI THỌ TRUYỀN

PHÁP HOA  
HUYỀN NGHĨA  
(SADDHARMA PUNDARIKA SUTRA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Chịu trách nhiệm xuất bản:  
**NGUYỄN CÔNG OÁNH**  
Biên tập: **ĐỖ THỊ QUỲNH**  
Sửa bản in: **TRẦN ĐỨC HẠ**  
Vi tính: **KHÁNH CHI**  
Bìa: **TÚ MINH**

\*\*\*

Thực hiện liên doanh:  
**CTY TNHH VĂN HÓA**  
**PHÁT QUANG**  
**Email: phatquangco@gmail.com**

In 1000 cuốn khổ 14,5x20,5cm tại Công ty cổ phần in Khuyến học phía Nam. Giấy phép số 412-2011/CXB/06-77/TG cấp ngày 21/7/2011. In xong và nộp lưu chiểu quý 4 năm 2011.



CHÁNH TRÍ MAI THỌ TRUYỀN

1905-1973

- |                         |        |
|-------------------------|--------|
| 1. Cư sĩ Lâm Hoàng Lộc  | 500 bộ |
| 2. Chùa Phật học Xá Lợi | 300 bộ |
| 3. Cư sĩ Trần Đức Hạ    | 100 bộ |
| 4. Quỹ ấn tống Hoa Sen  | 500 bộ |
| 5. Cư sĩ Trần Phi Hùng  | 100 bộ |

*Thuta quý vị độc giả thân mến,*

**Bộ Pháp Hoa Huyền Nghĩa** xuất bản hôm nay không có một liên quan nào, về mọi phương diện, với những bộ Kinh danh đề tương tự mà chúng ta thấy trong Đại Tạng. Chúng tôi đã cố tìm một danh từ khác vừa gãy gọn, vừa nói lên được cái “nghĩa sâu kín” mà chúng tôi mong vạch ra được trong một công trình khảo cứu, phiên dịch và chú thích khá dày công. Nhưng tìm mãi không được, chúng tôi đành giữ hai chữ “huyền nghĩa”.

Vì chủ đích của chúng tôi là trình bày nghĩa ẩn, chúng tôi đã nhẹ phần phiên dịch, nghĩa là chúng tôi không dịch sát và đầy đủ chánh văn mà chỉ ghi đại cương thôì, để cho độc giả khởi tán ý và dễ nhận cốt yếu lời Phật dạy.

**Bộ Pháp Hoa Huyền Nghĩa** này đã được giảng hai lần tại Chùa Xá Lợi của Hội Phật Học Nam Việt, lần đầu hồi năm 1959, lần sau vào đầu tháng ba Nhâm Dần (5-4-1962). Số thính - giả kỳ nào cũng trên dưới ba trăm và mỗi kỳ kéo dài cả năm. Rất thỏa mãn, nhiều bạn trí thức thúc giục chúng tôi xuất bản để giúp ích

*trong muôn một những bạn đang tìm hiểu Diệu pháp của Phật. Chúng tôi xin tuân hành. Nhưng xin thưa trước: chỉ có Phật mới hiểu được trọn vẹn lời Phật, vì vậy những cố gắng của kẻ hậu sanh thiếu học như chúng tôi, dầu có tột độ đi nữa, vẫn không làm sao nói hết ý Phật được, và nhất là khó tránh những thiếu sót sai lầm mà chúng tôi thành tâm mong mỗi các bậc cao minh chỉ bảo cho. Chúng tôi trân trọng ghi ơn trước.*

P.L. 2507 Saigon, tháng 3 Giáp Thìn

CHÁNH TRÍ hiệp thập

### **Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật**

*Kính bạch Thế Tôn,*

*Trong phẩm **Pháp Sư**, Thế Tôn có dạy: “Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người thiện nam, thiện nữ nào, muốn vì bốn chúng mà nói Kinh Pháp Hoa này, thời người thiện nam hay thiện nữ ấy phải vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai, rồi mới nên vì bốn chúng rộng nói Kinh này”.*

*Con nay tâm đại từ bi chưa rộng mở, nhu hòa nhẫn nhục khi có khi không, còn đối với nhất thế pháp “không” vẫn chưa thực chứng, vậy quả con chưa đủ điều kiện để diễn nói Kinh Ngài.*



*Nhưng trước đó, Thế Tôn lại có lời khuyến khích: “Kinh điển của ta nói, nhiều vô lượng ngàn muôn ức, trong đó Pháp Hoa là rất khó tin khó hiểu nhất, vì là kho tàng bí yếu của các Phật, chẳng thể chia bửa, vọng trao cho người... Nhưng sau khi Như Lai diệt độ, người nào có thể biên chép, thọ trì, đọc tụng, cúng dường, vì người khác mà nói Kinh, thời người ấy được Như Lai lấy y trùm lên mình, lại được chư Phật hiện tại ở mười phương khác hộ niệm”.*

*Chính câu này đã giúp con đủ can đảm đem chỗ hiểu biết nông cạn của con, vạch bày lý huyền, để giúp các bạn đồng học đồng tu thông đạt phần nào ý nghĩa nhiệm mầu vi diệu của kinh. Vậy đề đầu thành khẩn, nguyện Thế Tôn từ bi lân mẫn, lấy tay xoa đầu, lấy y trùm thân, hộ niệm cho con đầy đủ biện tài, hầu làm sáng tỏ giáo pháp Đại thừa khó tin, khó hiểu này.*

*Và xin hồi hướng công đức giải Kinh cho toàn pháp giới chúng sanh, nguyện tất cả nhất thời đồng chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.*

CHÁNH TRÍ  
phần hương khế thủ

## SÁCH THAM KHẢO:

### Hán văn:

- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú (Trí Khải)
- Pháp Hoa Huyền Luận (Trạm Nhiên)
- Pháp Hoa Nghĩa Sở (Kiết Tạng)
- Pháp Hoa Du Ý (Kiết Tạng)
- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Tán (Khuy Cơ)
- Pháp Hoa Tông Yếu (Ngươn Hiểu)
- Pháp Hoa Tông Chỉ Đề cương (Minh Chánh Thiên Sư)

### Pháp văn:

- Le Lotus de la Bonne Loi (E.Burnouf)
- Le Bouddhism (C.Humphreys)
- Les Sectes bouddhiques japonaises (E.Steinillber Oberlin)

### Việt văn:

- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh (T.Trí Tịnh)
- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh (Đoàn Trung Còn)

# PHÁP HOA HUYỀN NGHĨA

(Saddharma Pundarika Sutra)



## LỜI NÓI ĐẦU

*Để giảng Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA, chúng tôi, về mặt văn từ, đã dựa theo những bộ sau đây:*

**- Chữ Hán:** Bản dịch dưới danh hiệu *DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH* của Ngài Cưu Ma La Thập (Kumarajiva), một nhà Sư Ấn Độ sang Trung Hoa truyền giáo vào đời Hậu Tấn, đầu thế kỷ thứ 5. Trước đó, hồi đời Tây Tấn, dưới trào Huệ Đế, năm Vĩnh Khương, có nhiều nhà Sư khác như Quách Hoàng, Trúc Pháp Hộ cũng có dịch, đề tên là *CHÁNH PHÁP HOA* (chữ Hán). Nhưng thông dụng nhất là bản dịch của Ngài Cưu Ma La Thập mà hiện nay chúng ta đang đọc.

**- Chữ Việt:**

a) Bản dịch của Thượng tọa Thích Trí Tịnh, xuất bản năm 1948, theo bản của Ngài Cưu Ma La Thập.

b) Bản dịch của Ô. Đoàn Trung Còn, xuất bản lần đầu hồi năm 1936, dung hòa bản Hán văn của Cưu Ma La Thập và bản dịch chữ Pháp của Eugène Burnouf.

- *Chữ Pháp: Bản dịch của E. Burnouf, nhan đề LE LOTUS DE LA BONNE LOI, XUẤT BẢN NĂM 1925 và dịch ngay từ chữ Phạn (sanskrit), chiếu tài liệu thu thập được ở Nê Bạt Nhĩ (Nepal).*

*Cứ như trên thì chỉ có hai bản dịch phải kể là có giá trị nhất, vì xuất phát từ nguyên văn chữ Phạn. Đó là bản của Ngài Cưu Ma La Thập và của Ông E. Burnouf. So sánh hai bản văn này, thấy Ngài Cưu Ma La Thập quǎ đại tài, vì là người Ấn mà viết văn Trung Hoa rất trôi chảy và có một lối dịch vừa gọn gàng vừa đầy đủ ý nghĩa.*

*Bản dịch của E. Burnouf có lẽ dịch sát chánh văn hơn vì có nhiều chi tiết, nhưng phải cái lỗi là một vài chỗ hình như không được sáng nghĩa hay ngược ý khi đối chiếu với các đoạn trước. Nguyên nhân quan trọng của khiếm khuyết này là sự khó khăn của chữ Phạn mà chính Ô. Sylvain Levy, trong bài cáo bạch đăng ở đầu sách đã phàn nàn rằng Ông E. Burnouf đã làm việc trong một hoàn cảnh “không ngữ vựng chuyên môn, không một tự điển nào khác hơn là bộ giản yếu dụng từ của Wilson, hoàn toàn căn cứ trên các văn phẩm của Bà la môn giáo (sans vocabulaire technique, sans autre dictionnaire que le maigre lexique de Wilson, exclusivement basé sur les oeuvres du Brahmanisme...)”.*

*Về hai bản dịch ra Việt văn, phải kể bản của Thượng Tọa Thích Trí Tịnh là có phần hơn.*

*Bản chữ Hán của Ngài Cưu Ma La Thập chia làm 7 quyển, 28 phẩm.*

*Bản chữ Pháp của E. Burnouf, không chia thành quyển và có 27 phẩm.*

*Đối chiếu thì thấy đôi bên từ phẩm I đến X giống nhau. Còn từ phẩm XI đến XXI, Hán văn có 11 phẩm, Pháp văn chỉ có 10, vì hai phẩm “Hiện bảo tháp” và “Đề bà đạt đa” của Hán văn bị nhồi làm một trong bản Pháp văn, dưới đề.*

*“L'ù apparition d'ùun stuâpa”. Lại nữa, hai phẩm “Chúc lỵ” (số XXII) và “Đà la ni” (số XXVI) của Hán văn thì lại thành phẩm chót “Le dépôt” (số XXVII) và phẩm “Les formules magiques” (số XXI) của Pháp văn.*

*Dưới đây là bản đối chiếu:*

<b>Hán văn</b>	<b>Pháp văn</b>
<b>Quyển I.</b> 1- Phẩm tự 2- Phương tiện	1- Le sujet 2- L'habileté des moyens
<b>Quyển II.</b> 3- Thí dụ 4- Tín giải	3- La parabole 4- Les inclinations
<b>Quyển III.</b> 5- Dược thảo	5- Les plantes medicinales

6- Thọ ký đại đệ tử	6- Les prédictions
<b>Quyển IV.</b>	
7- Hóa thành dụ	7- L'ancienne application
8- Ngũ bách đệ tử thọ ký	8- Prédiction relative aux 500 religieux
9- Thọ học, vô học	9- Prédiction relative à Anan
10- Pháp sư	10- L'interprète de la loi
11- Hiện bảo tháp	11- L'apparition d'un stupa
12- Đề-bà-đạt-đa	12- L'Effort
13- Trì	13- La Position commode
<b>Quyển V.</b>	
14- An lạc hạnh	14- Apparition des Bodhisattvas
15- Tùng địa đồng xuất	15- Durée de la vie du Tathâgata
16- Như Lai thọ lượng	16- Proportion des mérites
17- Phân biệt công đức	17- Indication du mérite de la satisfaction
<b>Quyển VI.</b>	
18- Tùy hỷ công đức	18- Exposition de la

<p>19- Pháp sư công đức</p> <p>20- Thường bất khinh Bồ tát</p> <p>21- Như Lai thần lực</p> <p>22- Chúc lụy...</p> <p>23- Dực vương Bồ tát</p>	<p>satisfaction des sens</p> <p>19- Le Religieux Sadâpasibhuâta</p> <p>20- Effet de la puissance surnaturelle du</p> <p>21- Les formules magiques Tathâgata</p> <p>22- Ancienne méditation de Bhaicha djaradja</p> <p>23- Le Bodhisattva Gadgadasvara</p>
<p><b>Quyển VII.</b></p> <p>24- Diệu âm Bồ tát</p> <p>25- Quán thế Âm Bồ tát</p> <p>26- Đà la ni...</p> <p>27- Diệu trang Nghiêm vương Bồ tát</p> <p>28- Phổ Hiền Bồ tát</p>	<p>24- Le récit parfaitement heureux</p> <p>25- Ancienne méditation du Roi</p> <p>26- Satisfaction de Samantabhadra</p> <p>27- Le dépôt Cubhavyuâtha</p>

*Như quý vị biết chữ Pháp thấy giữa hai lối dịch Hán và Pháp, có chỗ bất đồng. Về sau, khi học đến cuối mỗi phẩm, chúng ta sẽ tìm hiểu những sai biệt này.*

*Hình thức của Kinh, chúng ta đã thấy sơ qua. Nay thử tìm xem nội dung hay chủ nhãn của Kinh.*

1- Theo Ngài Hải Ấn, một trong nhiều bậc cổ đức chú thích, chú giải Pháp Hoa, chủ nhãn của Kinh không ngoài cái hoài bão của Phật khi xuất thế là **khai, thi, ngộ, nhập Phật tri kiến** (Mở, chỉ, nhận, và vào cái thấy biết của Phật). Vì vậy Ngài Hải Ấn sắp:

- Phẩm Tự: Tổng hiển Pháp giới sự tướng (hiển bày một cách tổng quát sự tướng)

- Từ phẩm 2 đến phẩm 10: Mở cửa kho “thấy biết” của Phật (khai Phật tri kiến)

- Phẩm 11: Chỉ tri kiến của Phật (ngộ Phật tri kiến)

\* Tín, Giải (nhân)

- Phẩm 17 đến 22: Nhận tri kiến Phật đến chỗ thâm diệu (Diệu Phật tri kiến)

- Phẩm 23 đến 28: Vào chỗ thấy biết của Phật (nhập Phật tri kiến)

\* Hành, Chứng (quả)

Nhưng nếu sắp theo nội tông Hoa Nghiêm, thì:



- 22 phẩm đầu: làm rõ cái lý, để lấy đó làm phát khởi lòng tin (tín) và trí hiểu biết (giải): Hiểu lý, dĩ phát Tín, Giải

- 6 phẩm chót: làm rõ sự tu hành, để lấy đó chứng minh kết quả: Hiểu hành, dĩ minh hành, chứng

2- Theo thiển kiến chúng tôi, chủ nhân của Kinh là đưa ra cái Chân lý tuyệt đối “Tất cả là một” và “Một là tất cả”, chủ là khách và khách là chủ (sujet et objet sont la même chose). Vì vậy Kinh mới “phá tam hiển nhất” phá cái giáo pháp trước kia chia có 3 cấp (tam thừa hay tam thặng) mà chỉ cho thấy rõ chỉ có một giáo pháp (nhất thừa hay nhất thặng) mà thôi. Chủ, khách là Một thì:

a) Tất cả cùng nằm trong Nguồn Sáng Trí duy nhất là “Tâm huyền diệu có khả năng tự giác” (Bổn giác diệu tâm), và tất cả đều có đầy đủ và sẵn sàng khả năng thông hiểu như nhau giáo pháp nhất thừa.

b) Tất cả đều có khả năng thành Phật như nhau.

Nhưng muốn hiểu được Sự thật tuyệt đối, có một không hai này, phải bỏ giáo lý Tứ diệu đế (Thanh văn), giáo lý Thập nhị nhân duyên (Duyên giác), bỏ giáo lý Lục độ Vạn hạnh (Bồ tát). Tất cả những giáo lý, đạo quả ấy đều là tạm bợ mà nói, đều là Hoá thành, đều là *tam xa*, để dụ người sống trong “hoả trạch” ra khỏi nơi nóng bức đau khổ.

\*\*\*

Tóm lại, Kinh Pháp Hoa là giáo pháp tột cùng (tối thượng thừa, tôn vô quá thượng) bày rõ cái “Chân” đả phá cái “Vọng”. Đó là một trái bom nguyên tử mà Phật đợi đến sau 40 năm diu dặt đệ tử đến chỗ thuận thực mới dám đem ra ném. Và sau khi bày điềm lạ để thức tỉnh tất cả, để cho tất cả dừng tin lục căn, lục thức nữa. Quả bom đó là Chân lý tuyệt vời là Tri kiến hay Trí tuệ (Sagesse) của Phật, là Lý Sự không hai.

**P.L. 2507**

Saigon, ngày 5-4-1962

**CHÁNH TRÍ**

# PHẨM THỨ NHẤT



## TỰ (Le sujet)

Một lúc nọ Phật ở tại núi Kỳ xà quật (Gridhrakuta), tức núi Linh Thứu (Pic du Vautour). Tụ họp xung quanh Phật có 12.000 Đại Tỳ khưu và Đại A la hán, 2.000 bậc hữu học và vô học, 6.000 Tỳ khưu ni, 80.000 Bồ tát, 20.000 chư Thiên, 8 Long vương và quyến thuộc, Vua A Xà Thế và tùy tùng.

Sau khi “tứ chúng” cúng dường và xưng tán Phật xong, Phật nói Kinh “Vô Lượng Nghĩa” rồi nhập vào chánh định “Vô lượng nghĩa xứ”, thân tâm không lay động.

Kế đó, từ chòm lông trắng ở giữa đôi mày, Phật phóng một luồng hào quang chiếu khắp một muôn tám ngàn thế giới ở phương Đông, dưới thấu địa ngục A tỳ, trên suốt Cõi trời Sắc cứu cánh.

Toàn pháp hội đều trông thấy ở các thế giới đó:

- 6 loại chúng sanh (thiên, nhân, a tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh)

- Các đức Phật đang nói Pháp và tứ chúng

- Các vị Bồ tát đang hành hạnh Bồ tát
- Lúc Phật nhập Niết bàn
- Lúc Phật nhập Niết bàn xong, việc xây tháp phụng thờ xá lợi.

Bồ tát Di Lạc và tứ chúng đều lấy làm lạ điềm lành này. Thay mặt cho tất cả, Di Lạc xin Bồ tát Văn Thù là bậc xuất chúng, giải thích cho hiểu.

Văn Thù đáp:

- Theo chỗ tôi biết thì Thế Tôn sắp diễn một “pháp lớn”.

Rồi Văn Thù thuật lại một chuyện xưa như sau:

- Ở vô số kiếp xa xưa, có 2 muôn đức Phật nối nhau, đồng một hiệu là NHẬT NGUYỆT ĐĂNG MINH, và đồng một họ là PHẢ LA ĐOÀ, mỗi Ngài đều đầy đủ “Mười hiệu” và pháp của các Ngài nói ra từ đoạn đầu, đến đoạn giữa và đoạn chót đều lành như nhau.

Đức Phật NHẬT NGUYỆT ĐĂNG MINH chót, lúc chưa xuất gia, có 8 vương tử tên là HỮU Ý, THIÊN Ý, VÔ LƯỢNG Ý, BẢO Ý, TĂNG Ý, TRỪ NGHI Ý, HUỞNG Ý và PHÁP Ý. Nghe vua cha xuất gia và thành đạo, 8 con đều xuất gia theo, phát tâm Đại thừa tu hạnh thanh tịnh.

Lúc đó, đức Phật NHẬT NGUYỆT ĐĂNG MINH cũng như đức Thích Ca bây giờ, nói Kinh VÔ LƯỢNG

NGHĨA và nhập chánh định VÔ LƯỢNG NGHĨA XỨ. Xong, Ngài cũng phóng quang chiếu một muôn tám ngàn thế giới phương Đông, rồi từ chánh định dậy, Ngài nói Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA cho Bồ tát Diệu Quang nghe, trải qua 60 tiểu kiếp không rời chỗ ngồi. Người trong pháp hội cũng ngồi một chỗ mà nghe cho đến 60 tiểu kiếp, thân tâm đều không lay động, nhưng xem thời gian ấy mau như bữa ăn, không ai thất thân tâm lưỡi mồi.

Sau 60 tiểu kiếp, đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh tuyên bố: “Hôm nay, vào lúc nửa đêm, Như Lai sẽ nhập Niết bàn”. Và đúng như thế, Ngài đã nhập Niết bàn sau khi thọ ký cho Bồ tát Đức Tạng, về sau sẽ thành Phật TỊNH THÂN NHƯ LAI.

Bồ tát Diệu Quang trì Kinh DIỆU PHÁP trải 80 tiểu kiếp và vì người diễn nói, và dạy bảo cho 8 vương tử ở vũng trong đường “Vô thượng chánh đẳng chánh giác”. Tất cả 8 vị đều lần lượt thành Phật và vị chót hiệu là NHIÊN ĐĂNG.

Trong 800 đệ tử của Bồ tát Diệu Quang, có một người tên là Cầu Danh. Sở dĩ người này có cái tên ấy, vì còn tham ưa danh ưa lợi, tuy đọc tụng kinh điển rất nhiều nhưng chẳng thuộc rành. Dầu vậy, đó cũng là một “căn lành”.

Sau khi nhắc lại câu chuyện trên, Bồ tát Văn Thù kết luận:

- Hôm nay đức Thích Ca ra điêm lạ là cũng để nói Kinh Đại thừa DIỆU PHÁP LIÊN HOA.

### **Huyền nghĩa:**

*Trước khi nói Kinh Diệu Pháp, tức là truyền trao giáo pháp tốt cùng, cái Chân lý tuyệt đối, đức Phật nói Kinh Vô lượng Nghĩa, nhập chánh định Vô lượng nghĩa xứ, rồi lại phóng quang hiện cảnh, ba điều mà xưa nay Phật chưa từng làm trước khi nói các kinh khác.*

*Tuyệt đối là Vô cùng, Vô cực, Vô lượng. Phải hiểu thế nào là Vô lượng (l'incommensurable), mới hiểu được thâm lý của Diệu pháp. Đó là huyền nghĩa của việc Phật nói Kinh Vô Lượng Nghĩa.*

*Hiểu được thế nào là Vô lượng, nhưng chỉ hiểu sơ qua và không sống mãi trong cái nghĩa Vô lượng, cũng không được. Vì vậy, nói kinh rồi, Phật nhập vào “vô lượng nghĩa” và định ở đó.*

*Hiểu nghĩa của cái “Vô lượng”, định được trong cái “Vô lượng”, sẽ có một cái thấy lạ lùng, thông suốt từ cõi trời “Sắc cứu cánh” đến địa ngục A tỳ; tức là thông suốt ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, hay nói một cách khác, thấy rõ tất cả vũ trụ luôn hai mặt hữu hình và vô hình.*

*Thấy được như thế là thấy được cái thực tướng của Chân cảnh, là thấy toàn thể pháp giới (vũ trụ hữu hình và vô hình) là Một, một cái Một chân thật chứ không phải giả dối như cảnh thế gian. Vì là Một cho nên cái Một ấy*

“bình đẳng”, nghĩa là luôn luôn như vậy, không dờ, không đổi, không tăng không giảm (*L'Univers Unréel et identique à soi même = Nhất chân bình đẳng pháp giới*).

Theo cái thấy của chúng sanh thì có hai cảnh giới: cảnh giới của chúng sanh và cảnh giới của chư Phật và Bồ tát, nói tóm là cảnh giới của thiện và cảnh giới của ác, cảnh giới của triền phược và cảnh giới của giải thoát, cảnh giới của vô minh và cảnh giới của giác ngộ, cảnh giới của sanh tử biến dịch và cảnh giới của Niết bàn thường hằng.

Sự thật không phải thế: không có hai cảnh riêng biệt, và chúng sanh tuy sống trong “động loạn, căn trần, thức giới”, vẫn cùng chư Phật, Bồ tát ở trong Một cái duy nhất, cái đó là “Phổ quang minh trí”.

“Động loạn, căn trần, thức giới” chỉ là cảnh thế gian, của chúng sanh, là thế giới hiện tượng của hiện tượng (*monde manifesté, monde des manifestations*). Đã là hiện tượng thì phải động loạn (*en mouvement, en perpétuel devenir*), sanh ra, rồi trụ, rồi dị, rồi diệt. Và cảnh ấy, thế giới ấy không phải là thế giới chân thật, mà là một thế giới do căn, trần và thức hỗ tương chi phối mà thành có (*monde conditionné par les organes des sens, les objets des sens et la conscience*).

Vạn vật trên thế giới trăm ngàn sai biệt, nhưng không ngoài sáu loại:

- 1- Loại có hình có tướng (sắc)
- 2- Loại tiếng (thanh)
- 3- Loại mùi (hương)
- 4- Loại vị (vị)
- 5- Loại sờ đụng được (xúc)
- 6- Loại suy nghĩ, quan niệm, khái niệm (pháp).

Biết được có 6 loại “trần” ấy là nhờ chúng sanh có 6 cái khí cụ (căn) để thu nhận: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Có trần mà không có căn, cũng như trong xứ có đài phát thanh mà nhà mình không có máy thu thanh.

Nhưng có phát thanh, có máy thu thanh mà không có người ngồi vặn máy thu thanh và nghe, thì hai cái trước dầu có cũng như không. Vậy vạn vật trên thế gian được biết là có, cái “có” ấy do ba điều kiện căn, trần, thức tương quan chi phối, dung hòa mà thành. Nếu một trong ba điều kiện ấy thiếu hoặc đổi tánh cách thì cái “có” kia cũng đổi theo. Thí dụ tất cả chúng sanh đều điếc hết thì chúng sanh sẽ bảo nhau rằng thế giới này có 5 loại “trần” mà thôi, trong khi các thứ tiếng (âm) chưa hẳn là không có. Vậy quả thế giới này không phải là thế giới “chân thật”, vì hễ chân thật thì không từng điều kiện nào cả.

Thế giới chân thật là thế giới của Thế, căn bản, nguồn cội của vạn vật, là luồng điện duy nhất và vô hình



ứng hiện ra trong nhiều cái hữu hình khác nhau như đèn sáng, quạt quay, tủ lạnh...

Điện thì trước sau như một, chỉ có một tánh, hôm nay thế này mà mai cũng thế, không suy không giảm, còn đèn, quạt, tủ thì có mới, cũ, hư (sinh, dị, diệt).

Có thể lấy đèn và quạt thí dụ Phật và chúng sanh, một cái sáng, một cái không sáng. Nhưng trong hai cái sai khác đó, có một cái chung là điện. Vì vậy Phật và chúng sanh không khác nhau, không sai biệt, về mặt Thể, và Thể đó cũng gọi là Tâm một danh từ tạm dùng vậy thôi. Bởi lẽ này, Kinh Phật dạy: Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt (Tâm, Phật và chúng sanh là ba, nhưng không sai khác nhau).

Chúng sanh lại “mù quáng”, thấy có sự sai khác giữa chúng sanh và Phật, thấy có hạng thấp, hạng cao (dualité), cho nên lúc đầu thuyết giáo, Phật phải nương theo đó mà tạm nói có ba đường giải thoát: Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát. Nay, phần đông các đệ tử đã tiến được nhiều, sự thật có thể phanh phui. Phật mới đem ra nói.

Nói mà vẫn còn ngại, cho nên phải trước nói Kinh Vô Lượng Nghĩa để chỉ rằng từ trước tới nay Phật mới đề cập đến cái “Hữu lượng” (limité), mà chưa nói đến cái “Vô lượng” (l'illimité, l'Incommensurable), tức là Chân lý tuyệt đối.

*Biết được Chân lý tuyệt đối rồi phải sống mãi (định) trong đó. Ấy là nghĩa của việc nhập chánh định “Vô lượng nghĩa” như đã nói.*

*Vì Chân lý tuyệt đối trước sau như một cho nên 2 muôn đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đều nói Kinh Pháp Hoa, và giáo pháp của các Ngài đều lành như nhau, Nhật Nguyệt Đăng Minh là thí dụ cho Trí tuệ đầy đủ của các bậc đã giác ngộ, đã thành Phật, nghĩa là đã trở về với nguồn Ánh sáng như đèn trời đèn trăng sẵn có nơi mình, Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai chính là nguồn Ánh sáng ấy.*

*Thêm vào việc nói Kinh Vô Lượng nghĩa và nhập định Vô lượng nghĩa, Phật còn phóng quang để cho chúng sanh sáng mắt thấy ba cõi tuy khác, nhưng đều chung ở trong một nguồn ánh sáng tượng trưng ở đây bằng luồng hào quang từ giữa đôi mày phóng ra. Nguồn Ánh sáng ấy là Thể, là Tâm. Do đây mà có câu: “Nhất thể do tâm tạo”.*

*Cho chúng sanh thấy để dễ tin lời Phật sắp nói. Đoạn chót bài trùng tuyên của Văn Thù có câu: “Kim Phật phóng quang minh, trợ phát thực tướng nghĩa”<sup>(1)</sup> là nghĩa đó.*

---

1. Nay Phật phóng hào quang sáng, là để giúp sự khai phát nghĩa của Thực tướng.

*Thực tướng là chân cảnh, mà chân cảnh là Chân lý tuyệt đối vậy.*

*Lấy cái biết của thể nhân mà muốn biết cảnh này, không sao biết được (phi tâm thức khả tri). Mà không phải người trí cũng không hiểu được (phi trí bất nhập).*

*Vậy muốn học Kinh Diệu Pháp phải “triệt lục căn tứ đại chướng ngại”<sup>(1)</sup>. Còn 8 vương tử phải theo cha xuất gia, nghĩa là kiến Tánh chưa đủ, phải sửa 8 thức theo Tánh mới được: Tánh quy, Thức quy.*

*Phẩm đầu lấy tên là Phẩm Tự mà E. Burnouf dịch là: Le sujet (đề tài).*

*Vậy đề tài của Kinh Diệu Pháp như thế nào?*

*Đề tài ấy là: Chỉ Thật tướng Chân cảnh (montrer le monde de la Réalité) và cảnh đó là cảnh của thân Tâm vậy.*

---

1. Phải xô ngã những chướng ngại do 6 căn của thân “tứ đại” dựng lên.

## PHẨM THỨ HAI



### PHƯƠNG TIỆN (L'habileté des moyens)

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn xuất định và nói với Xá lợi Phất:

- “Trí huệ” (Sagesse, Science) của các đức Phật rất sâu, vô lượng, khó hiểu, khó vào, dầu là hàng Thanh văn, Bích chi Phật cũng vậy. Tại sao thế?

Vì trí huệ ấy là kết quả của sự gôn gũ trăm nghìn muôn ức Phật, của sự trọn tu vô lượng đạo pháp Phật (discipline de Bouddha), của sự đồng mãnh, tinh tấn, của sự hiểu biết trọn vẹn các pháp (lois) rất sâu. Vì sâu khó như thế cho nên các đức Phật phải dùng lời nói khó hiểu mà nói và dùng vô số phương tiện dìu dắt chúng sanh làm cho xa lìa lòng chấp. Nhưng thôi, không nói thêm nữa làm gì, vì chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu tột chân tướng của các pháp.

Các hàng Thanh văn, La hán và tứ chúng đều lấy làm lạ, không biết tại sao hôm ấy Phật lại ân cần nói đến cái khó của Pháp và ca ngợi những phương tiện như thế. Đến như vấn đề giải thoát (xa lìa lòng chấp) thì nhờ

Phật dạy từ trước tới đó, tất cả đều được giải thoát và chứng Niết bàn, cố sao nay Phật còn đề cập đến nữa?

Xá lợi Phát biết tứ chúng có chỗ nghi trong lòng, và chính ông cũng chưa rõ lời Phật nói. Ông liền xin Phật giải thích.

Phật từ chối bảo:

- Thôi thôi! Chẳng nên nói nữa, vì nếu nói ra thì tất cả trời, người đều kinh sợ.

Xá lợi Phát lại tha thiết cầu xin hai lần nữa. Đến lượt thứ ba, Phật mới nhận lời:

- Ông đã ba phen thưa thỉnh, tôi không thể không nói. Vậy hãy lắng nghe và suy nghĩ cho khéo.

Phật vừa dứt lời là trong Pháp hội, 5.000 tỷ khuru, tỷ khuru ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di đứng dậy lễ Phật rồi lui, vì họ tư tưởng đã chứng đạo rồi, không cần nghe.

Thế Tôn yên lặng không ngăn cản và bảo Xá lợi Phát:

- Thế là trong chúng ta đây còn rất hột chắc (giống tốt, hột to). Họ đi như thế là hay. Vậy ông nên khéo nghe lời tôi nói.

Pháp mầu, các đức Phật khi đúng thời mới nói, như hoa linh thoại, đến thời tiết mới nở một lần.

Pháp ấy không phải lấy óc suy lường, phân biệt mà hiểu được, vì vậy phải dùng vô số phương tiện như nhân duyên, lời lẽ, thí dụ mà diễn nói.

Các đức Phật ra đời chỉ vì một duyên cố là:

- Khai mở tri kiến của Phật (tức trí huệ của Phật).
- Chỉ cho chúng sinh thấy.
- Làm cho chúng sinh nhận rõ.
- Để cho chúng sinh đi vào con đường tri kiến ấy, tức là thành Phật.

Vậy chỉ có một cỗ xe (thặng thường đọc là thừa), cỗ xe chở đến chỗ thành Phật; không có cỗ xe nào khác, cũng không có hai ba cỗ khác nhau. Ba đời chư Phật (quá khứ, hiện tại, vị lai) đều dạy như vậy và chúng sinh nghe hiểu đều thành Phật. Nhưng vì gặp đời ô trược (kiếp trược, chúng sinh trược, kiến trược, mệnh trược, phiền não trược) cho nên Phật phải quyền nói ba “cỗ xe” (ba thừa).

Lý “nhất thừa” tuy dành cho hàng Bồ tát, nhưng nếu La hán và Duyên giác mà không cố hiểu thì chẳng phải đệ tử Phật. Tưởng mình đã chứng Niết bàn mà không tin pháp “Nhất thừa” là tăng thượng mạn, là chưa thực chứng La hán.

Thế Tôn nhắc lại những dẫn đo khi Ngài muốn đem trí huệ tuyệt luân của Ngài ra dạy đời, lúc Ngài mới đắc đạo dưới gốc Bồ đề. Suốt 21 ngày, Ngài suy

nghĩ: Tri kiến, trí huệ của Ngài bậc nhất, còn chúng sinh thì bị tham vui, mê muội làm mù, làm thế nào hiểu được. Chư Thiên thấy vậy, cung kính lễ bái, ai cầu Thế Tôn “chuyển pháp luân”.

Thế Tôn bèn suy nghĩ tiếp: Nếu đem “Phật thừa” (chân lý tuyệt đối) ra nói thì làm sao chúng sinh tin được, và như thế là làm cho chúng sinh rơi vào ba nẻo ác, chìm mãi trong biển khổ. Nhớ lại lối phương tiện hóa độ của chư Phật trong quá khứ, Thế Tôn bèn phân biệt giáo pháp thành ba thừa để cho hạng trí kém, không dám tự tin sẽ thành Phật, đều được độ.

Nhưng Phật ra đời là để chỉ bày chân lý cứu cánh chứ chẳng phải để dùng những pháp phương tiện mãi. Nay xét đã đến lúc, nên Thế Tôn quyết định đem Phật thừa ra dạy.

Tuy nhiên đừng tưởng những việc làm tầm thường như tu lục độ, cúng dường xá lợi, tạo tháp, tô tượng, niệm Phật, nghe Pháp là sai với nẻo giải thoát. Đó là những bước tiến trên “Đường Phật”.

\*\*\*

## Huyền nghĩa

*Sự giác ngộ của Phật là Vô thượng, trí huệ của Phật là vô lượng, vô biên, cái thấy biết của Phật (tri kiến) đã đạt đến mức tuyệt đối.*

*Cái thấy biết đó là gì?*

*Là “Tất cả là một, tất cả chúng sinh đều từ phổ quang minh trí (nguồn ánh sáng bao trùm vũ trụ vô biên cũng vừa là trí huệ sáng ngời: *Lumière omniprésente* – *Intelligence éclairante*) mà ra thì tất cả sẽ trở về với Ánh sáng Trí huệ ấy, tức là thành Phật”.*

*Nhưng sự thật một trăm phần trăm đó, khó hiểu, khó nhận. Nói ra chỉ làm cho chúng sinh kinh khủng, không tin, như thế là làm cho chúng sinh càng sa đọa vào nẻo ác, chìm sâu trong biển khổ.*

*Nhưng không nói không được, vì lý do xuất thế của chư Phật là phát minh sự thật ấy cho chúng sinh biết đường mà quay đầu đổi hướng.*

*Chúng sinh khó thấy biết như Phật chỉ vì chúng sinh sống vào một kiếp ô trược trụy lạc (kiếp trược), vì chúng sinh bị bụi đời làm hoen ố cái căn bản lành sạch của mình (chúng sinh trược), vì cái thấy của chúng sinh bị vọng hoặc quá nhiều (kiến trược), vì đời sống của chúng sinh quá thiên về dục lạc thành đen tối (mệnh trược), vì chúng sinh quá nhiều phiền não (phiền não trược).*

*Bệnh đã nặng như thế, Phật không thể cho chúng sinh uống phương thần dược quá mạnh bằng cách nói sự thật, mà phải dùng phương tiện, nghĩa là lấy thuyết nhân duyên, lấy lời nói, dùng thí dụ mà khiến chúng sinh lần*



*lần xa lìa lòng chấp (attachements) để khi thời cơ đến, đem Chân lý tuyệt đối ra nói.*

*Đại cương pháp phương tiện ở điểm vì chúng sinh sợ khổ mà cảnh thế gian lại là cảnh khổ, cho nên Phật mới đưa ra một cảnh ngược là Niết bàn an vui. Đó là một sự quyền biến, tạm bợ để dẫn dắt chúng sinh từ thấp lên cao, từ dễ tới khó, chớ không có Niết bàn thật sự.*

*Đến như chia có cấp bậc như Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát ấy cũng tạm mà dạy vậy thôi. Không có ba thứ xe chở chúng sinh đến mút con đường Đạo, mà chỉ có một chiếc xe (Nhất thặng hay Nhất thừa). Chiếc xe ấy là chiếc xe Phật.*

*Những chiếc xe tạm gọi là Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, thật ra là chiếc xe Phật vừa nói. Bất quá đó là những giai đoạn của một con đường dài nhất.*

*Có những việc xem tâm thường như tu lục độ, sửa tâm cho mềm dẻo, cúng dường xá lợi, tô tượng, tạo tháp, niệm Phật, nghe pháp. Nhưng đó cũng là “Phật thừa”, vì đó là những bước hướng về Vô thượng chánh đẳng chánh giác.*

*Vậy nên tin, nên mừng: tất cả sẽ thành Phật đạo.*

\*\*\*

*Dem lý Phật thừa ra dạy là từ cứu cánh trên cao đi xuống.*

*Tam thừa Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát là bắt từ dưới đi lên cái cứu cánh cao tột kia.*

# PHẨM THỨ BA



## THÍ DỤ (La Parabole)

Lúc bấy giờ, Xá lợi Phất hớn hởi vui mừng, liền đứng dậy cung kính bạch Phật:

- Hôm nay con được nghe mấy lời Phật dạy, thật là việc chưa từng có. Bao nhiêu nghi ngờ của con đã dứt sạch. Trước kia con thường tự hỏi: Phật cũng ở trong pháp tánh như mình, cớ sao Phật được là Phật còn mình lại không? Vậy ra mình đã mất cái khả năng thành Phật của mình rồi sao?

Nay nghe Phật dạy, con mới hiểu rằng Phật đã tùy nghi mà dạy bảo.

- Vì xưa con thấy sai, hiểu lầm (tà kiến), nên Phật, để trừ tà kiến ấy, phải tạm đem cảnh Niết bàn ra mà dụ dẫn con (phương tiện).

- Kế đó, tà kiến trừ được, con không còn tham Niết bàn và đạt đến cái lý “Không” chân thật, con tự cho là đã “diệt độ” rồi.

- Nay con mới hiểu rằng như thế cũng chưa diệt độ hoàn toàn. Thật diệt độ là khi nào đạt đến chỗ thành Phật, đủ 32 tướng tốt và làm Thầy của trời, người.

Xá lợi Phật nói tiếp:

- Lúc mới nghe Phật nói con sẽ thành Phật, con thật nghi ngờ và tự hỏi Ma giả Phật để náo loạn lòng con. Nhưng sau nhờ thí dụ của Phật, con mới hết nghi, và tin quả quyết rằng con sẽ thành Phật.

Phật bèn nói với Xá lợi Phật:

- Tôi xưa kia đã từng giáo hóa ông, đã từng dìu dắt ông trên đường thành Phật, nhưng ông lại quên mà tưởng là được diệt độ trong khi chưa tới đích. Tuy nhiên, tôi nói trước cho ông biết, trong vị lai vô lượng số kiếp, ông sẽ thành Phật hiệu là Hoa Quang Như Lai, nước tên Ly Cầu, kiếp tên Đại Bảo Trang Nghiêm.

Thính chúng thấy Phật “thọ ký” cho Xá lợi Phật lấy làm vui mừng hơn hở.

Xá lợi Phật bèn thưa:

- Trước kia Phật dạy hễ lìa sanh, già, bệnh, chết là đến Niết bàn. Các hàng Thanh văn hiện diện đã nghe và làm theo, ai cũng tưởng là đã được Niết bàn rồi. Nay Phật lại đưa ra một giáo pháp mới chưa ai từng nghe, là Niết bàn ấy chưa phải rốt ráo, mà rốt ráo là phải thành Phật, con sợ hàng Thanh văn còn chỗ nghi ngờ. Cúi xin Thế Tôn giải thích.

Phật đáp:

- Trước đây, tôi há chẳng nói rằng tất cả các giáo pháp đã dạy đều là phương tiện đưa đến Vô thượng

chánh đẳng chánh giác (thành Phật) sao? Nhưng thôi, để cho bậc trí hiểu được, tôi có cái thí dụ này: Có một ông nhà giàu to, tuổi đã già suy. Nhà cửa ông rộng lớn, sức chứa nhiều người, trong số có các con của ông, nhưng phải cái nguy là nhà ấy mục nát, rấn rết rất nhiều thêm nổi đang bị lửa cháy mà cửa ra thì chỉ có một cái, lại bé hẹp.

Ông lão đứng ngoài, lo sợ cho các con, muốn xông vào cứu chúng, nhưng nhớ đến cửa nhỏ, sợ các con giãy giụa mà không đem ra được hết. Trong lúc ấy, dầu nguy hại trước mắt, các con của ông cứ nô đùa, không biết sợ sệt gì hết và cũng không muốn ra vì không biết lửa là gì, chết thiêu là gì.

Ông bèn lập kế. Ông hô to: “Các con ơi! Cha có những đồ chơi đẹp lắm đây nè, nào là xe dê, xe hươu, xe bò, chiếc nào cũng trang sức lộng lẫy. Đứa nào ra đây cha cho!”.

Các con nghe, ùn ùn kéo nhau chạy ra khỏi nhà cháy rồi bu lại đòi đồ chơi. Ông nhà giàu bèn ban cho các con đồng một thứ xe lớn, tốt đẹp vô cùng. Vì sao không cho ba thứ xe lớn, nhỏ, tốt đẹp khác nhau, mà lại cho ròng một thứ tuyệt đẹp? Vì ông lão giàu có, kho tàng đầy ngập.

Đến đây, Đức Phật hỏi Xá lợi Phất:

- Ông trưởng giả đã hứa cho ba thứ xe, nay lại cho có một thứ, mà là thứ lớn và tốt nhất, vậy ông có nói dối không?

Xá lợi Phất bạch:

- Dạ không. Dầu cho thứ xe nhỏ nhất, xấu nhất, ông cũng không nói dối, hà huống cho thứ lớn và tốt. Vì sao? Vì việc hứa cho xe chỉ là một phương thế, phương tiện cứu các con ông ra khỏi nhà cháy.

Phật khen:

- Đúng đấy! Như Lai là cha của tất cả thế gian. Tuy đã ra khỏi thế gian, vẫn vì sự lợi ích của tất cả mà trở vào nhà lửa ba cõi cũ mục này để độ chúng sanh ra khỏi nạn sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não, ngu si, tối tăm, ba độc (tham, giận, mê muội). Sống trong cảnh khổ nhà cháy như thế mà chúng sanh cứ vui chơi, hỷ hả, chẳng hay đang bị lửa đốt, chẳng biết sợ sệt, không nhàm không chán, không cầu ra khỏi (giải thoát).

Như Lai mới nghĩ phương cứu độ. Dem trí huệ, thân thông ra giảng nói ư? Không thể được, chúng sanh đang bị thiêu đốt (đau khổ, mê muội), làm gì nghe hiểu. Vậy phải dùng một phương thế nào đó, miễn cứu chúng ra khỏi là được. Do đây mà có việc quyền lập phép tu sửa. Một là Thanh văn thừa (xe dê), hai là Duyên giác thừa (xe hươu), ba là Bồ tát thừa (xe bò), tùy căn cơ trí huệ của mỗi hạng chúng sanh.

Như ông nhà giàu cho đồng đều các con mỗi đứa một cỗ xe to khi chúng ra khỏi nhà lửa, Như Lai cũng thế, khi chúng sanh đã ra khỏi sự khổ não, bất luận là do xe Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, bèn cho cái vui, cái lợi ích to lớn hơn xưa: thiền định, giải thoát... là những cỗ xe đưa đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Và cũng như ông trưởng giả kia, Phật không phạm tội nói dối.

Nhưng coi chừng! Đừng đem kinh này, sự thật này mà nói với những hạng người vô trí là hạng:

- 1- kiêu mạn (làm phách)
- 2- lười biếng
- 3- ngã chấp (quá tự ái)

Họ sẽ không tin, phỉ báng lời Phật để rồi sẽ chịu những quả báo ghê rợn. Nên chỉ nói cho hạng người lợi căn, trí huệ sáng láng, học rộng, nhớ dai, lòng mong cầu giải thoát (Phật đạo), lìa xa phàm phu, bạn ác, thích thanh tịnh, tu hành v.v...

\*\*\*

## Huyền nghĩa

*Ở phẩm này, Kinh dùng một thí dụ để giải tại sao chỉ có một con đường Phật đạo, mà trước kia Phật dạy tới ba. Hay để nói theo Kinh, chỉ có một cỗ xe chớ không phải ba.*

*Trong thí dụ nhà lửa (nhà bị cháy):*

- Ông nhà giàu chỉ Phật, những đứa con chỉ chúng sanh.

- Lửa cháy, mục nát, rấn rết, chỉ cảnh khổ của chúng sanh là sanh, già, bệnh, chết, sầu não, mê muội;

- Ba xe chỉ ba thừa hay ba bậc tu hành: Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát. Hai bậc trước tu vì mình cho nên ví với xe dê, xe hươu, là những xe nhỏ, sức chở một người mà thôi (tự độ). Bậc Bồ tát vì người quên mình, cho nên ví với xe bò chở không phải xe trâu là thứ xe lớn, sức chở nhiều người (độ tha).

Trước kia, sử dĩ Phật quyền chia giáo pháp của Ngài ra ba bậc, ấy vì chúng sanh mê sống trong cảnh của thể xác và tâm tình, tức của ba giới (dục, sắc và vô sắc giới), Phật không thể đem cái Chân lý tuyệt vời là cái thấy biết (tri kiến) của Phật ra dạy ngay được, dầu có dạy đi nữa, cũng không ai hiểu, bởi cái thấy biết của Phật là cái thấy biết của bậc đã ra khỏi ba giới. Do đây, phải dạy tu tập lần hồi, tùy khả năng của từng hạng người, để ai cũng được an ổn (paix intérieure) và khoái lạc (sérénité) là điều kiện cốt yếu, nhiên hậu mới đem sự thật cuối cùng ra dạy.

Những con của trường giả ra khỏi nhà lửa, chỉ chúng sanh, nhờ sự dụ dẫn của ba thừa, ra khỏi ba giới, được an ổn và khoái lạc, tạm gọi là Niết bàn.



*Ông cha cho các con một thứ xe vừa to, vừa tốt, đó là giáo pháp Đại thừa, là giáo pháp năng sanh cái lạc tịnh diệu hạng nhất, là mức cuối cùng của con đường tiến hóa tâm linh từ phàm đến Thánh, từ chúng sanh đến Phật, nghĩa là từ ô trược đến thanh tịnh hoàn toàn, từ trôi trần mắt cả tự do đến giải thoát tự tại hoàn toàn, từ đau khổ đến an lạc, từ sanh tử đến bất sanh bất diệt.*

Nhà to mà chỉ có một cửa ra, chỉ Tam giới rộng lớn, muốn ra khỏi chỉ có một con đường, chỉ có một cửa. Cửa tuy mở nhưng khó ra, ám chỉ công phu tu học khắc khổ và kiên nhẫn.

Ở trên đã nói ông nhà giàu chỉ cho Phật, mà Phật là Tâm. Vậy câu: “ông trưởng lão giàu có, kho tàng đầy ngập” có nghĩa là Tâm đầy đủ mọi công đức (Đức tạng), mọi pháp (Pháp tạng). Mà Tâm thì ai cũng có và không sai biệt. Vậy ai cũng có sẵn nơi mình mọi khả năng, mọi điều kiện để đạt đến cái kết quả cuối cùng là Phật quả. Điều cần yếu là mỗi người phải tự biết mình có cái kho tàng quý báu vô song đó và phải biết khai thác, diệu dụng. Đó là mục đích của Đại thừa giáo.

Tuy chia có ba xe, tất cả đều là xe mà công dụng là đưa người từ một địa điểm này sang một địa điểm khác. Giáo pháp của Phật tuy chia có ba bậc, vẫn đồng một công dụng là đưa chúng sanh ra khỏi nhà lửa, hướng về cái đích duy nhất là Giác ngộ. Giải thoát hoàn toàn, cho nên hứa cho ba thứ xe, rốt cuộc lại cho có một.



# PHẨM THỨ TƯ



## TÍN GIẢI (Les inclinations)

Tu bồ đề, Ca chiên Diên, Đại Ca Diếp, Mục kiên Liên, vui sướng thấy Phật thọ ký cho Xá lợi Phất, bèn phát tâm tin tưởng mình cũng được đến quả Phật, là một lợi ích hiện tiền vô giá, không cầu mà tự đặng.

Để chứng tỏ sự tin tưởng và thông hiểu của mình, các Bồ tát này bèn giải thích lời Phật dạy bằng một câu truyện thí dụ như sau:

Có một người, lúc bé thơ, đã bỏ cha đi hoang. Sau mấy mươi năm trôi giạt, tuổi lớn thêm nghèo đến phải đi ăn xin, từ nơi này sang nơi khác. Tình cờ chàng ta trở về xứ sở mà không hay.

Trong lúc ấy, ông cha tìm con khắp nơi mà không gặp. Ông là nhà giàu lớn, tiền của đầy kho, tôi trai tớ gái chật nhà. Ông chẳng những là một nhà giàu trong xứ mà còn có của cải tận các nước khác.

Không tỏ với ai việc cha con biệt ly, ông thường suy nghĩ: “Ta nay giàu có như thế này mà con không có, một mai chết rồi, ai đâu là người giao phó, của cải ắt

phải tan mất. Phải chi ta gặp con để giao cho nó thì đâu có chết cũng an lòng!”.

Một hôm, đưa con lạc loài lại tình cờ đến trước nhà ông. Đứng ngoài cổng ngó vào, nó thấy phú ông sang trọng, uy nghi, đang ngồi trên ghế cao, xung quanh có người hầu hạ, trong nhà thì ngọc ngà châu báu không biết bao nhiêu. Chàng ta đâm hốt hoảng, thầm bảo là đã lạc bước đến chỗ vua chúa. Nghĩ xong, chàng sợ bị bắt, bỏ chạy đi tìm một xóm nghèo, hợp với tình cảnh của chàng, để kiếm việc làm độ nhật.

Nhưng phú ông đã thấy và nhận biết chàng là con của ông. Hai gia nhân liền được ông sai rượt bắt chàng lại. Bị bắt, chàng ta sợ quá, van xin mà không được thả, chàng ngã xuống đất chết ngất.

Ông cha thấy vậy ra lệnh: “Thôi ta không cần người ấy đâu. Hãy lấy nước rưới lên mặt cho nó tỉnh rồi cho nó đi”.

Vì biết con mình quen sống với cảnh nghèo hèn ty tiện, nay nếu đột nhiên nhận nó là con mình, mà mình lại giàu sang tốt bậc, nhất định nó không tin mà còn đem lòng sợ sệt. Chi bằng thả nó đi rồi lập kế dẫn dụ nó. Đó là thâm ý của ông cha.

Kế đến, ông mật sai hai người giả dạng bần khổ, tìm đến anh chàng và rủ chàng đi làm thuê hốt rác.

Sau khi biết sẽ được trả công gấp đôi, anh chàng nhận lời và cả ba vào làm việc hốt rác ở nhà sau phú ông.

Thấy con tiêu tụy, đất cát bụi bặm cùng mình, ông lão thương xót quá. Ông thay bỏ quần áo sang cả, mặc đồ thô rách, lân la với đám người hốt rác. Một hôm, ông bảo người con: “Anh này, nên tiếp tục làm ở đây, ta sẽ trả thêm tiền cho. Còn có cần dùng gì cứ nói, ta sẽ cấp cho và nên xem ta như cha”.

Nói xong, lấy lẽ ông là người tuổi tác còn anh chàng còn trai trẻ, ông kêu anh bằng con.

Chàng ta rất mừng, nhưng không dám quên mình là người hạ tiện.

Ít lâu sau, ông lão có bệnh. Ông cho kêu anh chàng đến, giao cho anh việc quản lý gia tài ông và cho anh được quyền xuất nhập bất cấm trong nhà. Anh làm tròn bổn phận, nhưng không bao giờ dám tiêu phí quá sự cần dùng của anh, còn ở thì cũng tiếp tục ở nhà sau, chỗ cũ, không dám bén mảng lên nhà trên.

Trải qua một thời gian ngắn, phú ông biết mình sắp lìa trần. Ông hội cả thân tộc và trước mặt vua quan, ông chỉ anh chàng mà tuyên bố: “Anh này là con ruột tôi, bấy lâu xa cách vì anh bỏ nhà ra đi lúc nhỏ. Nay cha con chúng tôi đã trùng phùng, tôi giao cho anh tất cả gia tài của tôi mà trước đây anh đã quản lý và biết rõ”.

Người con nghe nói, mừng quá, cho là việc chưa bao giờ có và tự nghĩ: “Không mong mà được, thật là lạ!”.

Chấm dứt câu chuyện thí dụ, Tu bồ Đề, Ca chiên Diên... bạch Phật:

- Ông trưởng giả thí như Đức Như Lai còn chúng con như gã thất lạc kia. Như Lai là cha, chúng con là con Phật mà không biết.

Chúng con vì ba món khổ<sup>(1)</sup> mãi ở trong cảnh sanh tử chịu các sự nóng đốt, lo phiền, mê lầm, ngu dốt, cho nên ưa thích những “giáo pháp nhỏ” (tiểu pháp). Làm cái việc hốt rác rến “giáo pháp trò đùa” mà tự cho là thỏa mãn với cái giá trả công Niết bàn.

Như Lai không **bắt**, không cưỡng bách chúng con theo con đường “tất cả đều có phần hưởng thọ kho tàng tri kiến Như Lai” mà **tha** cho chúng con theo cái khuynh hướng<sup>(2)</sup> thấp hèn, rồi phương tiện thuận theo chúng con mà dạy bảo.

1. Ba món khổ (tam khổ): 1) Khổ khổ: sự khổ đã đến thì làm phát sanh cái khổ phiền não. Do đây nói khổ khổ; 2) Hoại khổ: một loại khổ phiền não khác do cái mất vui, mất sướng mà ra; 3) Hành khổ: loại khổ phiền não thứ ba, sanh ra bởi tính cách vô thường, dời đổi, hợp tan.
2. Thú hướng hay khuynh hướng: Inclinations, có lẽ vì điểm này mà Ô.E.Burnouf dịch tựa của phẩm này là “Les Inclinations”.

Chúng con là con của Phật (Phật tử) mà không biết. Vì không biết nên không dám mong hưởng thọ sự nghiệp vĩ đại của Cha là Phật, mà chỉ cam phận với đồng tiền làm thuê Nhị thừa. Ấy vì tại chúng con không dám tự nhận là con Phật (mong tu Đại thừa) nên hóa ra Phật cũng không tự nhận là Cha được (không thể nói pháp Đại thừa).

Nay tạng báu của Pháp vương lại tự nhiên mà đến, quả thật không cầu mà được.

\*\*\*

## Huyền nghĩa

*Kinh Hán văn gọi anh chàng bỏ nhà bỏ cha trốn đi là “cùng tử”, nghĩa là đứa con bần cùng, Ô.E.Burnouf dịch là “le fils prodigue”, là đứa con hoang.*

*Có bỏ nhà bỏ cha ra đi, là trước kia cha con cùng ở chung một chỗ. Chỗ đó là “Phật độ viên giác, thanh tịnh”.*

*Không riêng gì Tu bồ Đề, Ca chiên Diên...mà tất cả chúng ta và Phật đều cùng nguyên quán, đều cùng ở một chỗ là nơi hoàn toàn sáng suốt (viên giác) và trong sạch (thanh tịnh).*

*Nhưng khi “vô minh bất giác” nổi lên, như thấy vàng mà ham, thấy sắc mà động chẳng hạn, thì bị vàng bị sắc cám dỗ đến nỗi bỏ nhà viên giác thanh tịnh mà ra đi, dấn thân vào cảnh phàm phu, làm đứa con hoang, làm*

anh chàng cùng tử, một mảnh trí huệ quý báu không có, thành phải chịu phiền não luân hồi.

Nhớ thương, cha bỏ xứ đi tìm, dụ cho việc Phật xuất thế hạ trần, chịu ngũ trước để độ chúng sanh.

Nhưng khi gặp nhau lại quá cách biệt, cha thì giàu tốt bậc (Phật đầy đủ đức tướng) còn con thì bần cùng khổ sở (chúng sanh phúc bạc tội dày).

Cha biết con, mà con thì thấy mình quá hèn quá thấp không dám nói, đừng nói tới việc nhìn cha. Chúng ta cũng thế, tuy miệng tự xưng là Phật tử, nhưng nào ai dám tưởng rằng mình là con ruột của Phật và có quyền thừa hưởng tất cả kho tàng vô giá bảo pháp của Như Lai.

Bị bắt mà sợ đến chết giả, chẳng khác người đời khi nghe Phật dạy “tất cả sẽ thành Phật” là hốt hoảng thất thanh.

Ông cha biết: vì đã quen sống đời sống ăn xin bần tiện, con ông nay không làm sao đột ngột đổi khuynh hướng được. Ông bèn dùng kế cho hai người (Thanh văn và Duyên giác thừa) tìm rủ con ông vào nhà ông (nhà Phật) làm cái việc ty tiện hốt rác, không xứng với cái địa vị chân thật là con Phật. Và biết tánh vụ lợi của kẻ nghèo (trí huệ), ông hứa trả công gấp hai.

Đứa con hoang rất thích làm việc dơ bẩn, thấp hèn này, như chúng sinh thích nghe những giáo pháp thấp thấp của tứ quả Thánh và tu tập theo những giáo pháp ấy, không dám nghĩ đến cái cao hơn.



*Muốn gần con để lần hồi dạy bảo, dẫn dụ, ông cha bỏ quần áo sang cả, mặc bộ vải thô xấu, là dụ cho Phật dùng quyền xảo phương tiện, hạ thấp tri kiến mình để nói bày theo cái hiểu nông cạn của chúng sanh. Gần được con, ông cha đốc suất làm việc như Phật khuyến khích sự tinh tấn tu hành, và hứa ban thưởng xứng đáng muốn gì cho nấy, như Phật hứa cho niết bàn an lạc.*

*Nhưng con không bỏ cái ý hèn kém, chẳng rời nhà tranh (Thanh văn, Duyên giác) dù đã trải qua 20 năm làm việc hốt rác và vô ra nhà cha (Như Lai).*

*Cha có bệnh, kêu con giao gia tài cho quản lý, như Phật đã đem tri kiến của Phật ra lần dạy bảo và cho tu tập. Nhưng con không dám dùng cũng như không có ý muốn dùng, đó là lòng hoài nghi của tất cả chúng sanh đối với khả năng thành Phật của mình.*

*Đến giờ sắp chết (Phật nhập Niết bàn), cha hội thân tộc (Hội Pháp hoa), tuyên bố chàng cùng tử là con ruột (thọ ký thành Phật), nay trao cho tất cả của quý (từ, bi, hỷ, xả) mà bấy lâu đã tập cho chàng thu xuất, nay đã thông thuộc.*

*Con rất vui mừng, nghĩ thâm; không cầu mà có, tự nhiên mà đến.*

*Thuở xưa có một con sư tử cái đang có mang. Vì có mang nên không đi kiếm mồi được, phải đói khổ. Một hôm, gặp một bầy cừu, chị gom tàn lỵc nhảy vô. Chị sảo thai và ngã ra chết. Bầy cừu nuôi chú sư tử mất mẹ. Đến lớn chú ăn cỏ và kêu la như cừu, và luôn luôn tin mình là cừu. Một hôm gặp một con sư tử già, sư tử già bắt chú nhỏ soi mặt dưới khe trong.*

*Thấy mình cũng nanh nhọn, đầu bờm, chú cừu tự giác mình là sư tử chúa sơn lâm chớ không phải là cừu con ty tiện, chú rống lên một tiếng nhảy phóc vô rừng, hết đời cừu con!*

*Người là sư tử con, không phải cừu. Nay Phật đã cho ta soi mặt ở khe, vậy ai cũng phải rống lên một tiếng cho chuyển động đất trời, rồi trở về bảo lâm mà đừng theo đồng cỏ nữa!*

## PHẨM THỨ NĂM



### DUỘC THẢO DỤ (Les plantes médicinales).

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo Ma ha Ca Diếp và các đại đệ tử:

- Hay lắm! Hay lắm! Ca Diếp đã khéo nói về những công đức chân thật của Như Lai. Đúng như lời các ông, Như Lai còn có vô lượng vô biên công đức khác nữa, mà các đệ tử, dầu có trải qua vô lượng ức kiếp không làm sao kể ra cho hết được. Ca Diếp nên biết, Như Lai là vua của các “pháp”<sup>(1)</sup>; những gì Như Lai nói ra đều không sai dối. Như Lai biết hướng của các pháp, lại cũng biết những gì chúng sanh lo nghĩ trong thâm tâm. Vì vậy tuy biết tất cả các pháp, Như Lai vẫn đứng trên phương tiện mà nói. Nói tuy có khác, tất cả các pháp dạy đều đưa đến cái “biết tất cả” (nhất thế trí hay nhất thế chủng trí = Omniscience).

Nay thí dụ: một trận mưa đổ xuống. Các loại cây cỏ kể luôn các loại dùng làm thuốc được (dược thảo), dầu

---

1. “Pháp”: lois, những định luật thiên nhiên.

lớn đầu nhỏ, đầu thấp đầu cao, đều hứng lấy, nhưng tùy sức của mỗi loại mà sức hấp thụ có khác nhau. Bởi cố, tuy cùng mọc trên một miếng đất, tuy cùng thấm nhuần một trận mưa, sự đơm hoa kết quả vẫn có sai khác.

Như Lai hiện ra đời như vầng mây, nói pháp như mây thành mưa, bao trùm chúng sanh. Cũng như cây cỏ, chúng sanh đều được lãnh một phần nước mưa, tùy sức hấp thụ của mình và đều được sự lợi lạc.

Nếu mưa không riêng tư cho ai, thì Như Lai cũng bình đẳng nói pháp cho tất cả chúng sanh. Nhờ vậy mà cỏ nhỏ (chư thiên và loài người) cỏ bậc trung (Thanh văn và Duyên giác), cỏ cao (hàng tự tin thành Phật), cây nhỏ (hạng làm hạnh từ bi, quyết định thành Phật) và những cây cao bóng cả (hàng Bồ tát hóa độ chúng sanh) đều đồng hưởng tùy sức mình.

Pháp của Như Lai còn có thể tỷ dụ như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, bình đẳng chiếu<sup>(1)</sup>.

Ca Diếp hỏi:

- Nếu như thế, tại sao có ba thừa?

Thế Tôn đáp:

- Có một thứ đất sét, nhưng vì nhu cầu sai khác mà những bồn đựng đường, đựng mỡ, đựng sữa v.v... mới

---

1. Từ đoạn này tới chót là lấy bản Pháp văn.

được nắn ra. Cũng thế, chỉ có một giáo pháp là Phật thừa, không có cái thứ hai, thứ ba.

Ca Diếp hỏi tiếp:

- Thừa chỉ có một, còn Niết bàn có mấy thứ?

Đức Phật đáp:

- Chỉ có một thứ. Hãy nghe tỷ dụ này: Một người bị chứng mù mắt từ khi lọt lòng mẹ. Đối với anh thì không có vấn đề hình dáng, màu sắc, cũng không trời, không sao, và cũng không có ai là người ngắm sắc, xem sao. Dầu ai nói tất cả những cái ấy là có, anh vẫn không tin. Nhưng may, có một ông thầy thuốc có tài trị bá chứng. Thấy chàng mù, ông thương, mới nghĩ phương điều trị. Ông tự bảo: chỉ trên núi mới có 4 thứ dược thảo trị được bệnh mù: 1) loại có tất cả các vị và các màu; 2) loại trị tất cả các chứng bệnh; 3) loại trừ các thứ thuốc độc; 4) loại cho sự an lạc trong mọi hoàn cảnh. Nghĩ xong, ông lên núi lấy về cho người bệnh dùng. Uống xong, người mù sáng mắt, thấy ngoại cảnh, nội thân, thấy xa, thấy gần, thấy việc trên trời, thấy việc dưới đất. Tỉnh biết trước kia mình quá ngu ngốc, chàng tự bảo: Bây giờ tôi thấy hết, tôi đã thoát khỏi bệnh mù, tôi đã sáng suốt trở lại, trên đời này còn ai hơn tôi đâu?!

Lúc ấy có những ông Tiên đắc ngũ nhãn đến nói với anh: Anh đã biết gì đâu mà tự mãn như vậy. Ngồi trong nhà, anh có thấy được những gì ngoài đường đâu.

Người khác thương hay ghét anh trong lòng họ, anh đã biết chưa? Về cái nghe thì cách anh một khoảng xa, tiếng trống, tiếng còi, tiếng người nói gọi, đầu có, đối với anh vẫn như không. Đi thì anh phải dùng chân, không dùng, anh không đi xa hơn 4 trăm khuỷu tay (coudeés); kết thai, trưởng dưỡng trong lòng mẹ mà nay anh không nhớ gì cái cảnh sống chật chội ấy, thì anh đã biết gì mà tự cho, mình là “thấy hết”? Anh nên nhìn nhận rằng cái sáng đối với anh, thật ra là cái tối, còn cái anh cho là tối, thật ra là sáng.

Nghe xong, anh chàng mới hỏi: Bạch Tiên ông, bây giờ làm thế nào để “thấy hết”? Tiên bảo: Hãy tìm nơi thanh vắng núi rừng mà suy gẫm về Pháp và hãy tự giải thoát mọi sự cảm dỗ. Khi đã đắc định, anh sẽ có trí huệ.

Anh chàng nghe theo và sau đó được ngũ nhãn. Chừng ấy anh mới thấy rằng trước kia anh quả là kẻ mù. Dù đôi mắt đã sáng lại.

Phật bảo Ca Diếp:

- Phải hiểu thí dụ ấy như thế này: Mù từ khi lọt lòng mẹ là chỉ chúng sanh bị kẹt trong vòng sinh tử luân hồi; chúng không biết Pháp và tích lũy những hắc ám của sự cảm dỗ. Vì vô minh làm mù, chúng để cho những cái tên (danh = nom), những hình dáng (sắc = forme), những quan niệm (conceptions) làm đau khổ triền miên.

Như Lai phải được xem như Đại Y sư. Bốn thứ cổ thuốc là: Không (giữ lòng không: état de vide). Vô tướng (đừng lấy tướng bề ngoài làm trọng: absence de forme). Vô nguyện (đừng cầu mong gì: absence de désir, de voeu) và Niết bàn (vắng lặng).

Thanh văn, Duyên giác như kẻ mù trở lại sáng, giải thoát các xiềng xích đau khổ của sanh tử luân hồi và ra khỏi tam giới, rồi tưởng như thế là đầy đủ rồi.

Nhưng cái thấy của bậc ấy nào phải cái thấy của Phật, vì vậy Phật phải dạy Phật thừa, mở tâm bồ đề cho họ.

\*\*\*

**Huyền nghĩa**

*Phật thuyết pháp bình đẳng và chỉ có một thừa. Trong những giáo pháp thường được xem như Tiểu thừa, vẫn có cái mầm của Tối thượng thừa.*

*Tùy sức hấp thụ của chúng sanh mà Phật phải quyền chia có ba thừa.*

*Tất cả pháp của Như Lai đều có một vị là giải thoát thành Phật.*



# PHẨM THỨ SÁU



## THỌ KÝ (Les Prédications)

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo đại chúng:

- Ma ha Ca Diếp, trong đời vị lai, sẽ phụng sự 3.000 muôn ức Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen và rộng nói vô lượng đại pháp của chư Phật, và ở nơi thân cuối cùng, sẽ thành Phật hiệu là Quang Minh (Raçmiprabhâsa), kiếp tên Đại trang Nghiêm (Mahâvyuha). Phật Quang Minh thọ 12 tiểu kiếp, Chánh pháp trụ thế 20 tiểu kiếp, Trụ pháp 20 tiểu kiếp. Cõi nước của Phật tốt đẹp, không có các thứ dơ xấu, ngói sỏi, gai góc, bằng phẳng, đất bằng lưu ly, cây báu thẳng hàng, vàng ròng làm dây, giăng ranh bên đường, hoa báu rải cùng, khắp nơi trong sạch.

Bồ tát trong nước đó đông vô lượng, các Thanh văn cũng vô số. Không có việc làm của ma. Tuy có ma và dân ma, nhưng đều hộ trì Phật pháp.

Nói xong, đức Phật thuyết một bài kệ lập lại ý này.

Mục Kiên Liên, Tu Bồ Đề, Đại Ca Chiên Diên... thấy đều run sợ, một lòng chấp tay chiêm ngưỡng đức Phật, đồng cùng nhau (thầm) nói bài kệ đại ý như sau:

Thế Tôn, nếu Ngài rõ thâm tâm chúng con thì xin Ngài rưới nước cam lồ mà thọ ký cho chúng con. Chúng con nay như kẻ đói mà gặp tiệc vua ban, thấy mà chưa dám ăn. Dầu nghe Phật nói tất cả sẽ thành Phật, nhưng chưa được Phật thọ ký thì lòng chúng con vẫn còn lo ngại, nghi ngờ.

Biết tâm niệm của các đại đệ tử đó, Thế Tôn bèn bảo:

- Tu Bồ Đề, trong tương lai, sẽ phụng thờ 300 ức na do tha đức Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng và tu hạnh thanh tịnh, đủ đạo Bồ tát, và ở thân cuối cùng, sẽ thành Phật hiệu Danh Tướng (Cacikêtu), kiếp tên Hữu Bảo, nước tên Bảo sanh. Cõi đó bằng phẳng đất bằng lưu ly, cây báu trang nghiêm... (như trên).

Rồi đức Phật cũng nói một bài kệ lập lại ý trên.

Kế đó, Thế Tôn bảo Ca Chiên Diên: Trong tương lai Ca Chiên Diên sẽ cúng dường chư Phật, xây dựng và cúng dường tháp miếu, rồi đủ đạo Bồ tát, sẽ thành Phật hiệu Diêm Phù Da Đề Kim Quang (Djambunadaprabha).

Rồi Phật cũng nói một bài kệ lập lại nghĩa trên.

Rốt hết, đức Phật thọ ký cho Muc Kiền Liên thành Phật nhờ sự cúng dường chư Phật và xây dựng tháp miếu, hiệu là Đa Ma Ba Bát Chiên Đàn Hương (Tamâlapatra tchanagandha).

Rồi Phật cũng lập lại bằng một bài kệ.

\*\*\*

### **Huyền nghĩa**

*Thành Phật, với nghĩa đạt đến sự thanh tịnh, giác ngộ, giải thoát hoàn toàn là phần dành cho mỗi chúng sanh.*

*Và con đường đưa đến mức cuối cùng ấy chỉ có một.*

*Nhưng kẻ bộ hành không bị bắt buộc cùng dùng một phương tiện di chuyển. Ai có khả năng đi bộ, đi thuyền, đi xe... thì tùy mình.*

*Vì vậy mà Ma ha Ca Diếp theo phương tiện “rộng nói đại pháp của chư Phật”, tức là dùng trí huệ. Mà trí huệ là sáng suốt, cho nên hiệu Phật là Quang Minh.*

*Tu Bồ Đề chuyên hạnh thanh tịnh, tức là giữ giới. Mà giữ giới thuộc việc làm bề ngoài, cho nên hiệu Phật là Danh Tướng.*

*Đến như Ca Chiên Diên thì chuyên cúng dường, xây tháp, đầy đủ đạo Bồ tát vị tha, cho nên hiệu là Diêm Phù Da Đề Kim Quang (ánh sáng vàng của cõi Diêm phù đề, tức là thế gian).*

*Mục Kiên Liên cũng thế.*

\*\*\*

*CƯỚC CHÚ: Theo bản Hán văn thì Mục Kiên Liên, Tu Bồ Đề, Ca Chiên Diên... đồng cùng nhau nói bài kệ “người đói gặp tiệc vua mà không dám ăn”. Nhưng theo bản dịch Pháp văn thì những ông ấy tụng “thầm” bài kệ chớ không nói ra tiếng. So sánh thấy tụng thầm mới hợp với đoạn văn sau là Phật biết tâm niệm của các vị đại đệ tử ấy, vì vậy tôi đã thêm chữ (thầm).*

# PHẨM THỨ BẢY



## HÓA THÀNH DỤ (L'ancienne application)

Phật bảo các Tỳ khưu:

- Trong quá khứ vô lượng vô biên có một đức Phật là Đại Thông Trí Thắng Như Lai. Nước của Phật tên Hảo Thành, kiếp tên Đại Tướng.

Từ khi đức Phật Đại Thông diệt độ đến nay, cũng rất lâu xa không thể tính được.

Đức Phật Thích Ca sở dĩ biết sự tích của đức Phật Đại Thông là nhờ sức tri kiến của Như Lai, cho nên việc dù cách xa như thế, Ngài vẫn thấy như việc hiện nay.

Đức Đại Thông Trí Thắng thọ năm trăm bốn mươi vạn ức na do tha kiếp<sup>(1)</sup>. Lúc còn ngồi đạo tràng, Ngài đã phá xong ma quân. Ma quân phá xong, Ngài tưởng sẽ đặng Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nhưng pháp Phật chẳng hiện ra. Ngài bèn nhập định, ngồi xếp bằng, thân tâm bất động, trong một tiểu kiếp. Pháp Phật vẫn

---

1. Ô.Burnouf dịch: *cinquante quatre fois cent mille myriades de kôtis de kalpas.*

chẳng hiện. Ngài tiếp ngồi cho đến tiểu kiếp thứ mười, mà cũng không thành Phật.

Lúc bấy giờ, chư Thiên cõi trời Đao lợi trải cho Phật một toà Sư tử cao một do tuần, Phật vừa ngồi lên là đấng Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chư Thiên bèn rải hoa cúng dường không ngớt suốt mười tiểu kiếp.

Đức Phật Thích Ca nói tiếp:

- Chư Tỳ khưu! Đức Phật Đại Thông Trí Thắng phải trải qua mười tiểu kiếp, các pháp Phật mới hiện bày và được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lúc Phật Đại Thông chưa xuất gia, Ngài có 16 người con trai. Người thứ nhất tên là Trí Tích. Các con của Ngài, mỗi người đều có những đồ chơi tốt đẹp báu lạ, nhưng khi nghe cha thành Phật, tất cả đều bỏ của báu đi đến chỗ Phật ở. Mấy bà mẹ khóc lóc theo đưa.

Ông nội là một vị Chuyển Luân Thánh vương. Ông cùng một trăm đại thần cùng theo đến cúng dường và chiêm bái đức Phật Đại Thông.

Mười sáu vị vương tử thỉnh đức Phật Đại Thông chuyển pháp luân.

Đức Phật Thích Ca bảo các Tỳ khưu:

- Lúc Đức Phật Đại Thông thành Phật, các nước Phật trong mười phương đều chấn động sáu cách. Trong các nước ấy, những chỗ tối tăm mà ánh sáng mặt trăng,

mặt trời không soi được, lúc ấy đều sáng rõ. Chúng sanh trong đó đều đặn thấy nhau mà nói rằng: “Tại sao trong đây mà lại bỗng sanh chúng sanh?”

Các cõi trời trong mười phương cũng chấn động. Chư Thiên biết có Phật ra đời, bèn kéo nhau đến chiêm bái và thỉnh Phật chuyển pháp luân.

Đức Phật Đại Thông Trí Thắng nhận lời thỉnh của các Phạm Thiên vương và 16 vị vương tử, trước nói Tứ đế, kế nói Thập nhị nhân duyên, trước sau tất cả bốn lần, độ muôn ức Hằng hà sa chúng sanh.

Bấy giờ 16 vị vương tử đều là đồng tử xuất gia làm Sa di, các căn thông lợi, trí huệ sáng suốt, từng cúng dường trăm ngàn muôn ức đức Phật, tịnh tu phạm hạnh. Các vị bạch Phật Đại Thông: “Các vị Đại đức Thanh văn vô lượng muôn ngàn ức đây đã thành tựu, kính xin Thế Tôn vì chúng con nói pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chúng con chỉ mong được tri kiến của Như Lai”.

Lúc đó, 8 muôn ức người trong bọn theo hầu Vua Chuyển Luân, thấy 16 vị vương tử xuất gia, cũng xin xuất gia theo. Vua cho.

Bấy giờ đức Đại Thông nhận lời thỉnh của Sa di, rồi qua 2 muôn kiếp sau mới ở trong hàng 4 chúng, nói kinh Đại thừa “Diệu pháp Liên hoa Giáo Bồ tát pháp Phật sở hộ niệm”.

Phật nói kinh đó suốt 8 ngàn kiếp, không gián đoạn. Nói xong, Phật vào tịnh thất trụ trong thiền định 8 muôn bốn ngàn kiếp.

Mười sáu vị Sa di bèn thay Phật lên pháp tòa, cũng trong 8 muôn bốn ngàn kiếp, rộng nói kinh Diệu pháp. Mỗi vị đều độ Hằng sa chúng sanh, khiến phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Qua 8 muôn bốn ngàn kiếp, đức Phật Đại Thông xuất định, bảo rằng: 16 vị Sa di thật là ít có vì trí huệ sáng láng, các căn thông lợi. Các hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát nếu biết gần gũi và tin kính, thọ trì pháp của mấy vị ấy sẽ đặng đạo vô thượng.

Đức Phật Thích Ca bảo các vị Tỳ khưu:

- Hằng sa chúng sanh được 16 vị Sa di hóa độ, đời đời đều sanh ra cùng chung nghe pháp với các vị ấy. Và 16 vị ấy nay đã thành Phật.

- Vị thứ nhất hiệu là A Súc
- Vị thứ nhì hiệu là Tu Di Đảnh ở phương Đông
- Vị thứ ba hiệu là Sư Tử Âm
- Vị thứ tư hiệu là Sư Tử Tướng ở phương Đông Nam
- Vị thứ năm hiệu là Hư Không Trụ
- Vị thứ sáu hiệu là Thường Diệt ở phương Nam
- Vị thứ bảy hiệu là Đế Tướng



- Vị thứ tám hiệu là Phạm Tướng ở phương Tây Nam

- Vị thứ chín hiệu là A Di Đà

- Vị thứ mười hiệu là Độ Nhất Thế Thế gian khổ ở phương Tây

- Vị thứ 11 hiệu là Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Thần Thông ở phương Tây Bắc

- Vị thứ 12 hiệu là Tu Di Tướng ở phương Tây Bắc

- Vị thứ 13 hiệu là Vân Tự Tại

- Vị thứ 14 hiệu là Vân Tự Tại Vương ở phương Bắc

- Vị thứ 15 hiệu là Hoại Nhất Thế thế gian bố úy ở phương Đông Bắc

- Vị thứ 16 hiệu là Thích Ca Mâu Ni ở Ta bà

Đức Phật Thích Ca nói tiếp:

- Các Tỳ khưu, lúc chúng ta làm Sa di, mỗi người giáo hóa vô lượng trăm ngàn muôn hằng hà sa chúng sanh đã vì đạo Vô thượng mà theo chúng ta nghe pháp. Những chúng sanh đó đến nay có người đã trụ bậc Thanh văn, ta thường lấy pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác mà giáo hóa.

Hằng sa chúng sanh đã được hóa độ trong thuở đó, nay là Tỳ khưu các người vậy, còn sau khi ta diệt độ rồi, những Thanh văn trong đời vị lai cũng là những chúng sanh ấy. Tuy nhiên cũng có hàng đệ tử không nghe kinh này, không hay không biết những hạnh của Bồ tát, tưởng với mở công đức tu tập được là đã diệt độ và đắc sanh Niết bàn.

Nên biết chỉ do Phật thừa mới được diệt độ, không có thừa nào khác. Có khác là những phương tiện nói pháp của các đức Như Lai mà thôi.

Đến đây, đức Phật Thích Ca đưa ra một tỷ dụ.

Có một chỗ chứa nhiều châu báu. Muốn đến nơi ấy, phải trải qua một con đường nguy hiểm, dài năm trăm do tuần, lại thêm hoang vắng, không người, đáng ghê, đáng sợ.

Một đám người muốn đến nơi ấy để lấy của báu. Họ được một người thông minh sáng suốt dẫn đường. Dù vậy, vì đường dài, bọn ấy mệt nhọc, sợ sệt, tỏ ý chán nản.

Thương xót bọn ấy sao lại có ý bỏ của báu mà lùi bước, vì dẫn đường mới ở nơi ba phần đường, dùng phép lạ, hóa ra một cái thành và bảo bọn kia vào ở, sẽ được an ổn, sung sướng, còn muốn tiến thêm nữa để đến chỗ trân bảo thì cũng tiện.

Bọn kia nghe theo, vào thành ở, được an ổn.

Khi biết chúng đã hết mệt mỏi, vị dẫn đường mới nói: Thành ấy là ta biến hóa ra để cho chúng người tạm nghỉ mệt, chớ chẳng phải nơi mà bọn người phải đi đến. Hãy cố gắng thêm, chỗ chứa châu báu gần đây!

Biết tâm chúng sanh, sợ con đường dài thành Phật, phải cần khổ lắm mới đi đến chỗ cuối cùng, Phật như vị dẫn đường mới tạm nói có hai thứ Niết bàn, một cho Thanh văn, một cho Duyên giác. Rồi, vì chúng sanh tưởng hai nơi đó là cứu cánh, Phật phải đưa sự thật ra là sự tu hành như thế chưa xong, cần phải tiến nữa, vì cũng gần tới đích rồi.

## Huyền nghĩa

1- Đức Phật Đại Thông Trí Thắng ra đời rồi diệt độ không biết lúc xa xưa nào mà nói, mà tính cho được. Vậy nhất định Ngài không phải một nhân vật lịch sử mà là một nhân vật được tạo ra để tượng trưng cho một ý gì đó.

2- Đại Thông là thông biết rộng lớn, vậy là Toàn tri (Omniscience). Trí Thắng là cái trí huệ, cái sáng suốt hơn tất cả những trí huệ, sáng suốt khác (Lumière, Sapience, Intelligence supranormale). Phân tách danh hiệu Đại Thông Trí Thắng, ta thấy chỗ dụng tâm của Phật là nhân cách hóa (personnifier) Tâm.

3- Ai cũng có tâm, và tâm ai cũng như tâm ai, đồng đại thông trí thắng như nhau. Nhưng nếu tâm ấy mà bị dục vọng, vô minh che đậy, thì gọi là chúng sanh. Trái lại, nếu vô minh, dục vọng dứt, tâm trở lại cái căn bản “đại thông trí thắng” của nó, thì gọi là Phật.

4- Muốn trở lại căn bản ấy, phải trải qua thời kỳ tu sửa, lau quét. Đó là chỗ trong kinh nói: ngồi đạo tràng (tham thiền), đã phá ma quân (diệt trừ những tâm niệm độc ác, sai quấy).

5- Nhưng không phải thắng được thất tình lục dục rồi gọi là đủ, rồi gọi là đã trở về với cái căn bản “đại thông trí thắng”. Phải sống mãi trong cái vô dục đó mới được. Đây là chỗ kinh bảo Phật Đại Thông Trí Thắng nhập định đến 10 tiểu kiếp.

6- Định mãi trong cái vô dục mới đạt đến cái phút “lên ngôi Toà Sư Tử”, lên ngôi Phật, mới thấy tất cả các “Pháp” của Phật hiện bày trước mắt, mới được vô thượng chánh đẳng chánh giác.

7- Lúc Phật chưa xuất gia, có nghĩa là lúc Tâm chưa hướng thiện, hướng thượng.

8- Lúc ấy Phật có 16 người con. Đây kinh ám chỉ cái gọi là “Thập lục tri kiến” của chúng sanh, của những tâm, chưa thấy Đạo, còn kẹt trong vòng cố chấp có ta, có người, có những cái của ta và những cái của người, 16 vị vương tử ấy cũng có thể ám chỉ “thập lục tâm” gồm 8 nhãn và 8 trí, sau khi tu hành. Nói một cách khác, tâm sống theo phàm phu (chưa xuất gia) có 16 cái đặc tánh (propriétés) hay 16 cái “thấy biết” (connaissances) sai quấy. Nhưng khi tâm đã trở về với cái bản nguyên trong sạch, sáng suốt của nó (xuất gia) thì 16 cái ấy trở thành 8 nhãn và 8 trí. Về sau sẽ nói thêm về đoạn này.

9- Chuyển Luân Thánh vương tượng trưng cho “tâm vương”, 16 vị vương tử cũng như 8 muôn ức người tôi hầu đều tượng trưng cho “tâm sở”, tạm gọi “tánh nết” của tâm cho dễ hiểu. Nhưng trong tánh nết ấy, có loại chánh, có loại phụ. Chánh là vương tử; phụ là tôi hầu. Một khi loại chánh đã cải tà, đã xuất gia, thì loại phụ cũng đi theo.

10- Bắt đầu thuyết pháp, Phật Đại Thông nói về Tứ đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo), sau nói về Thập nhị nhân duyên, rồi hết mới nói tới Pháp Hoa. Đó là lịch trình tu học thứ lớp. Muốn chuyển tâm, bỏ phàm phu theo thánh, trước tiên con người, trong chỗ thâm tâm, phải nhìn nhận đời là khổ, sống là khổ. Rồi phải hiểu luôn do đâu khổ sanh (Tập), biết nguồn gốc của khổ rồi thì trừ khổ được (diệt), nhưng trừ bằng phương pháp nào, đó là phần “Đạo” của pháp Tứ đế. Cao hơn một tầng là pháp Thập nhị nhân duyên. Nguyên nhân khổ là Dục, mà có Dục là vì Vô minh, có Vô minh mới sanh quả khổ, và quả khổ hiện tiền làm nhân cho những quả khổ tương lai, quay quần như vậy mãi, như bánh xe lăn, không biết đầu đầu đuôi. Nhưng nếu hiểu và tu được pháp Thập nhị nhân duyên thì được sáng suốt và giải thoát. Có hai điều kiện này rồi, mới tiến thêm một bước mà học cái Chân lý cuối cùng (Kinh Diệu Pháp) để đạt đến chỗ Giải thoát, Giác ngộ hoàn toàn.

11- Lúc đầu, sự giác ngộ, thức tỉnh, phải bắt từ tâm mà phát sanh ra. Do đây nói Phật Đại Thông thuyết pháp.

12- Nhưng về sau, phải thay cái giác ngộ tại tâm bằng cái hành trong giác ngộ. Do đây kinh nói: 16 vị vương tử thay Phật thuyết pháp với nghĩa: những tánh nết của tâm đã được hoán cải theo chiều hướng của giải thoát và giác ngộ, và mỗi sự phát hiện của những tánh

nết ấy trong tư tưởng, lời nói, việc làm đều hợp với sự giác ngộ, giải thoát, đều là những bài thuyết pháp (discours, sermons) sống.

13- Thuyết pháp là “khẩu giáo” (dạy bằng miệng). Cư xử, ăn ở như thế nào cho hợp Đạo, như hiện thân của Giải thoát và Giác ngộ, là “thân giáo”. Vì vậy kinh nói: “các hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát, nếu biết gần gũi và tin kính, thọ trì pháp của mấy vị ấy (16 vương tử), sẽ đặng đạo Vô thượng”.

14- 16 vương tử đã thành Phật, có nghĩa 16 tâm sở đã chuyển thành những đức tánh. Những đức tánh ấy là gì? Cứ xem những danh hiệu Phật của các vị là thấy:

Phật A Súc...là Vô động, Bất động, Vô sân nhuế.

- Tu Di Đảnh là Hương Thượng
- Sư Tử Âm là Chánh Ngữ
- Sư Tử Tướng là Chánh Nghiệp
- Hư Không Trụ là Chánh Định
- Thường Diệt là Tịch tĩnh
- Đế Tướng là Đế Thích Tướng Thiện
- Phạm Tướng là Phạm Thiên vương
- A Di Đà là Vô lượng quang, Vô lượng thọ
- Độ nhất thế thế gian khổ là Đại từ Đại bi
- Đa Ma la là Vô Cấu, tức Thanh tịnh

- *Tu Di Tướng là Đại, là Thái, là Tuyệt đối*
- *Văn Tự tại là Thông đạt vô ngại trong tâm*
- *Văn Tự tại vương là làm chủ sự tự tại*
- *Hoại Nhất thế thế gian bố úy là Vô úy*
- *Thích ca Mâu ni là Năng nhân, hay thương mọi loài.*

15- *Nhưng con đường thành Phật quá dài và quá kham khổ. Vì sợ người sanh chán, nên Phật phương tiện nói có hai thứ Niết bàn, tức là nói có hai đích, để dẫn dụ người tu hành, thí như cái thành được biến hóa ra để cho khách bộ hành tạm nghỉ (hóa thành).*

16- *Nhưng sao Ô. Burnouf lại dịch là “L'ancienne application”? Sự tu học theo lối trước, lối xưa, xưa hơn thời thuyết kinh Pháp hoa, thì lấy quả Thanh văn, Duyên giác làm mãn nguyện. Với lối mới, theo kinh Pháp Hoa, phải lấy việc thành Phật làm cứu cánh. Tu theo lối trước là “ancienne application”.*



# PHẨM THỨ TÁM



## NGŨ BÁCH ĐỆ TỬ THỌ KÝ

(Prédiction relative aux 500 Religieux)

Lúc bấy giờ Phú Lô Na (Purna), sau khi nghe đức Phật nói về những phương tiện tùy cơ nói pháp, lại nghe Phật thọ ký cho các đệ tử lớn, lại nghe việc nhân duyên đời trước và ra sức tự tại thần thông lớn của chư Phật, lòng thanh tịnh hơn hở, bèn quỳ lễ Phật, bạch rằng:

- Thế Tôn thật là đặc biệt, làm việc ít có là thuận theo không biết bao nhiêu tánh của chúng sanh mà nói pháp cứu vớt. Chúng con không thể dùng lời nói mà tuyên bày cho hết những công đức của Thế Tôn, nhưng xin Thế Tôn biết cho bốn nguyện trong thâm tâm của chúng con.

Phật bèn nhắc công phu tu hành của Phú Lô Na ở các tiền kiếp; ở nơi 90 ức đức Phật thuở quá khứ, hộ trì trợ tuyên chánh pháp của Phật và là bậc nhất trong nhóm người nói pháp thuở đó; ở trong pháp “Không” thông suốt rành rẽ, đặng bốn trí vô ngại, thường hay suy gẫm sâu xa, nói pháp thanh tịnh, không chỗ nghi hoặc. Tuy đầy đủ thần thông Bồ tát, người lúc bấy giờ đều gọi

là Phú Lô Na là thật Thanh văn. Ông dùng phương tiện Thanh văn đó mà làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh và giáo hóa vô số người đứng hẳn trong đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Các Tỳ khưu! Thời bảy đức Phật, Phú Lô Na cũng là bậc nhất trong hàng người nói Pháp, rồi trong tương lai, cũng là bậc nhất nói Pháp và cũng sẽ hộ trì trợ tuyên chánh pháp của vô lượng vô biên chư Phật. Vì muốn làm tịnh cõi Phật mà Phú Lô Na thường siêng năng tinh tấn giáo hóa chúng sanh, lần lần đầy đủ đạo Bồ tát. Nhờ đó mà qua vô lượng số kiếp sau, Phú Lô Na sẽ thành Phật, hiệu là Pháp Minh, lấy hằng sa tam thiên đại thiên thế giới làm thành một cõi Phật, lấy bảy báu làm đất, mặt đất bằng phẳng như mặt bàn tay, không núi gò, khe suối, rạch ngòi. Trong cõi ấy, đài bảy báu đầy dẫy, cung điện của chư Thiên ở gần với “hư không”, trời người giao tiếp nhau, hai bên đều thấy được nhau, không có ba đường dữ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh), cũng không có đàn bà.

Chúng sanh ở cõi ấy đều do biến hóa sanh, không có dâm dục, đặng thần thông lớn, thân chói ánh sáng, hay đi tự tại, chí niệm bền chắc, tinh tấn trí huệ... Nhân dân nước ấy có hai thức ăn: một là pháp hỷ thực (satisfaction de la loi) và thiền duyệt thực (satisfaction de la contemplation). Bồ tát ở đó đông vô số, còn Thanh văn cũng thế. Nước Phật ấy tên là Thiệu Tịnh, kiếp gọi Bửu Minh.

Nói xong, đức Phật trưng tuyên bằng một bài kệ.

Bây giờ, một ngàn hai trăm vị A la hán tâm tự tại, nghĩ: nếu Phật đều thọ ký cho mình như đã thọ ký cho các vị đệ tử lớn thì sung sướng biết bao!

Đức Phật biết tâm niệm đó, bèn lần lượt thọ ký cho 500 vị A la hán, bắt đầu là Tỳ khưu Kiều Trần Như. Tất cả sẽ thành Phật đồng một hiệu là Phổ Minh.

Được thọ ký xong, 500 A la hán vui mừng, lễ Phật, bạch:

- Thế Tôn! Từ trước tới nay, chúng con cứ tưởng là được diệt độ, nay mới biết chúng con vô trí. Vì sao? Vì đáng được trí huệ của Như Lai mà cứ cho là trí nhỏ của mình là đủ.

Rồi các vị trình một thí dụ: “Trong kho tàng Phật báu, chúng con chỉ mới được một phần mà lại tự cho là đủ. Thế chẳng khác người nghèo cùng, đến chơi một nhà thân hữu giàu lớn. Tiệc rượu xong, anh nghèo say vùi nằm ngủ. Bạn giàu vì có việc ra ngoài gấp, bèn lấy một hột ngọc vô giá cột vào vạt áo của bạn say để tặng. Hết say, anh nghèo ra đi, không hay trong mình có ngọc. Đến một nước khác cầu y cầu thực, làm ăn vất vả, mỗi khi được một ít của cải, tự cho là đủ, không dám mong một tình cảnh tốt đẹp hơn. Về sau, anh bạn giàu gặp trở lại anh nghèo, thấy anh khốn khổ quá, mới trách sao không dùng viên ngọc trong vạt áo để kinh doanh.

Chừng ấy anh nghèo mới hay là mình giàu, liền dùng vốn ấy mà kinh doanh và trở nên giàu có”.

Các vị A la hán kết luận:

- Chúng con cũng như vậy. Từ lâu xưa, Thế Tôn thường giáo hóa cho, thế là Thế Tôn, đã gieo trong chúng con cái nguyện Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Thế mà chúng con vô trí, chẳng hay cũng chẳng biết, được chút phần niết bàn, tưởng là đã đủ rồi, không cầu gì nữa. Nay Phật giác ngộ chúng con, dạy cho biết phải đặng Phật huệ vô thượng mới thật là diệt độ.

\*\*\*

## Huyền nghĩa

*Thích sống gần Phật (Chân lý, giải thoát), hiểu được lời Phật và đem ra diễn giải là người đã trở về với Tánh sáng suốt (Bodhi), nên gọi là Bồ tát. Trong thì sáng suốt, thanh tịnh (tịnh quốc độ) mà ngoài sống như người thường mới nghe Pháp (Thanh văn) để gần gũi chúng sanh và dùng phương tiện giúp Chân lý soi sáng mọi người (trợ Phật), như thế mãi mãi sẽ có ngày thành Phật, nghĩa là đạt đến sự Giác ngộ vô thượng. Vì công đức trợ Phật này mà có hiệu là Phổ Minh (phổ biến, gieo rắc khắp cùng ánh sáng).*



# PHẨM THỨ CHÍN



## THỌ HỌC, VÔ HỌC KÝ

(Prédiction relative à Ananda, à Râhula et aux 2.000 Religieux)

Lúc bấy giờ, A Nan và Ra hầu La nghĩ thầm: “Nếu mỗi chúng ta đều được thọ ký thì sung sướng biết bao!”. Hai vị liền đến trước Phật làm lễ, bạch rằng:

- Chúng con nghĩ cũng có phần được thọ ký, vì bao giờ cũng quy hướng về Như Lai. Lại chúng con là người quen biết của tất cả trời, người và a tu la trong thế gian. A Nan là người hầu và hộ trì tạng pháp, còn Ra hầu La là con của Phật, nếu hai chúng con được thọ ký thì nguyện của chúng con sẽ mãn mà chỗ trông mong của chúng con cũng được đầy đủ.

Hai ngàn đệ tử Thanh văn, bậc học và vô học<sup>(1)</sup>, cũng đứng dậy lễ Phật, chấp tay chiêm ngưỡng dung

---

1. Học là nghiên cứu chân lý, đã dứt mê vọng. Còn Vô học là chỉ hạng đã nghiên cứu xong Chân lý và mê vọng đã dứt tận, không còn gì phải học thêm nữa. Trong 4 hạng tu hành có kết quả trong bậc Thanh văn, 3 hạng đầu (Tu đà

nhan Thế Tôn, tỏ ý cùng một sở nguyện với A Nan và Ra hầu La.

Phật bảo A Nan:

- Đời sau, người sẽ được làm Phật hiệu là Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai. Người sẽ cúng dường 62 ức Phật, hộ trì tạng pháp, rồi sau được vô thượng chánh đẳng chánh giác, giáo hóa 20 ngàn muôn ức Hằng hà sa Bồ tát... khiến những Bồ tát ấy thành tựu Đạo Bồ đề.

Nước của Phật Sơn Hải Huệ tên là Thường Lập Thắng Phan, thanh tịnh, đất bằng lưu ly. Kiếp của Phật tên Diệu Âm Biến Mãn, thọ mạng của Phật vô lượng, và mười phương Như Lai đồng ca ngợi công đức của Phật.

Nói xong, Thế Tôn đọc lại một bài kệ lập lại nghĩa trên.

Lúc bấy giờ, 8.000 Bồ tát mới phát tâm, đều nghĩ: “Chúng ta chưa nghe các vị Bồ tát lớn được thọ ký như thế, cố sao mà các Thanh văn lại được như vậy?”.

Đức Phật biết tâm niệm ấy, bèn bảo rằng:

- Nay các thiện nam tử, ấy vì ở nơi Phật Không Vương, ta và A Nan đã đồng thời phát tâm cầu sự giác

---

*hoàn, Tư đà hàm, A na hàm) gọi là hạng Học. Còn hạng thứ tư là A la hán thì gọi là Vô học).*

ngộ vô thượng. A Nan thường ưa học rộng, còn ta thì siêng cần tinh tấn, cho nên ta đã được vô thượng chánh đẳng chánh giác, còn A Nan thì theo bản nguyện, hộ trì pháp ta và trong tương lai, tiếp tục hộ trì pháp tạng của chư Phật, để giáo hóa thành tựu chư Bồ tát. Bốn nguyện của ông như thế nên đăng thọ ký dường ấy.

Lòng rất vui mừng, A Nan tức thời nhớ lại tạng pháp của vô lượng ngàn muôn ức Phật thưở quá khứ, luôn cả lời nguyện của mình.

Bấy giờ Phật bảo Ra hầu La:

- Đời sau, người sẽ đăng làm Phật hiệu là Đạo Thất Bảo Hoa Như Lai. Người sẽ cúng dường chư Phật Như Lai đông như vi trần trong mười thế giới, và thường vì các đức Phật mà làm trưởng tử như hiện nay.

Đức Phật Đạo Thất Bảo Hoa đó, cõi nước trang nghiêm, kiếp số thọ mạng, giáo hóa đệ tử, chánh pháp và tượng pháp cũng đồng như Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai không khác. Người cũng sẽ được làm trưởng tử cho Phật Sơn Hải Huệ, rồi về sau sẽ được vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Thế Tôn lập lại nghĩa trên bằng một bài kệ:

*Lúc ta làm Thái tử,*

*Ra Hầu làm trưởng tử.*

*Ta nay thành Phật đạo,*



*Thọ pháp làm Pháp tử.  
Trong các đời vị lai  
Thấy vô lượng ức Phật  
Đều cùng làm trưởng tử  
Một lòng cầu Phật đạo.  
Ra Hâu có hạnh kín  
Chỉ mình ta biết thôi.  
Hiện làm con của ta  
Để chỉ cho chúng sanh  
Vô lượng ức ngàn muôn  
Công đức không thể đếm  
(Của sự) an trụ trong Phật pháp  
Để cầu vô thượng đạo.*

Thấy các bậc hữu học, vô học hai ngàn người ý căn nhu nhuyễn, tịch nhiên thanh tịnh, một lòng nhìn Phật, Phật bèn nói với A Nan:

- Tất cả những người ấy sẽ cúng dường chư Phật Như Lai đồng như vi trần trong năm mươi thế giới, cung kính hộ trì pháp tạng, rốt sau đồng thời, ở các nước trong mười phương, mỗi mỗi đều được thành Phật, đồng một hiệu là Bảo Tướng Như Lai, sống lâu một kiếp, cõi nước trang nghiêm, số đệ tử Thanh văn, Bồ tát và thời gian chánh pháp, tượng pháp thủy đều đồng nhau.

Lúc đó, các hàng hữu học, vô học, nghe đức Phật thọ ký, vui mừng hớn hở, như được rưới cam lộ.

\*\*\*

## Huyền nghĩa

*Hải Ấn Đại sư, trong phần Cương Yếu Kinh Pháp Hoa, có viết: “Luận về Phật tánh, thì Phật tánh có ba thứ “nhân” gọi là Chánh nhân, Duyên nhân và Liễu nhân. Nếu ba nhân được rõ ràng thì thành Phật là một việc không còn gì nghi ngại.*

*“Người người đều sẵn có Phật tánh đầy đủ, vậy ai cũng có hạt giống chánh (Chánh nhân) để thành Phật. Nhờ học hỏi giáo pháp và sự khuyến khích của hàng thiện tri thức mà Phật tánh tỏ bày, đó là duyên nhân phụ (Duyên nhân). Tự tin mình sẽ giác ngộ một cách rốt ráo, đó là duyên nhân rốt ráo (Liễu nhân)”.*

*Nếu những vị Xá Lợi Phất năm người mà giác ngộ được mau là vì hạt giống chánh được sâu dày. Năm trăm đệ tử được giác ngộ là vì lâu đời lâu kiếp đã được giáo hóa, vậy là do “Duyên nhân” đã thuần thục. Hàng hữu học, vô học, có kẻ là em (A Nan), kẻ là con (Ra hâu La), đều ở trong hàng “Duyên nhân” này.*

*Bây giờ chúng ta hay trở lại lời Phật dạy để tìm hiểu thêm.*

*Phật bảo Phật và A Nan, đều phát tâm cầu Vô thượng Chánh giác đồng một thời, nhưng A Nan thích đa*

văn (nghe học nhiều) còn Phật lại chuyên cần tinh tấn, nên Phật thành Phật trước còn A Nan vẫn giữ vai tuồng hộ trì tạng pháp để giáo hóa chúng sanh. Chúng ta thấy gì trong lời nói này? Phải chăng muốn thành Phật sớm, không phải học không mà được, vì học chỉ làm thỏa mãn cái trí (intellect) mà không minh tâm kiến tánh? Phải cần tinh tấn, tức là phải hành mới có kết quả.

Ra hầu La cũng được Phật thọ ký sẽ thành Phật trong đời sau. Ấy không phải vì Ra hầu La là con đầu lòng của Phật. Con đó là con của Thái tử Tất đạt Đa. Mà vì Ra hầu La theo Phật thọ pháp, làm Pháp tử, tức là làm con tinh thần của Phật, làm con của Pháp.

Với sự thọ ký cho 2.000 Thanh văn, chúng ta thấy rằng tất cả sẽ thành Phật với điều kiện cốt yếu là phải cúng dường vô số Phật, cung kính, hộ trì, tôn trọng pháp tạng, nghĩa là phải hy sinh cho Chân lý, cung kính, tôn trọng và nắm giữ những luật thiên nhiên mầu nhiệm (Pháp).

# PHẨM THỨ MƯỜI



## PHÁP SƯ (L'Interprète de la Loi)

Để dạy 8 muôn Đại sĩ (Bồ tát), Thế Tôn nói với Bồ tát Dược Sư:

- Trong hàng Thiên Long bát bộ, Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di bất luận câu Thanh văn, Bồ tát hay Phật đạo, hễ ai trước Phật mà nghe được một kệ, một câu của Kinh Diệu Pháp, thậm chí có một tư tưởng vui nghe, ta đều thọ ký cho sẽ đặng Chánh giác. Lại nữa, sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người nghe Kinh Diệu Pháp, dầu là một kệ hay một câu, hoặc chỉ có một ý tưởng vui nghe, ta cũng thọ ký Chánh giác cho.

Nếu lại có người lãnh giữ, đọc tụng, giải nói, biên chép Kinh Diệu Pháp, dầu là một bài kệ, kính trọng Kinh như kính trọng Phật mà cúng dường hương hoa, Dược Vương nên biết, đó là những người đã từng cúng dường mười muôn ức Phật, đã thành tựu đại nguyện nơi Phật ở, rồi vì thương xót chúng sanh mà sanh nơi nhân gian.

Dược Vương! Nếu có người hỏi, trong đời vị lai, những chúng sanh nào sẽ thành Phật, thì nên chỉ những người vừa kể trên mà nói rằng họ sẽ thành Phật. Tại

sao? Nếu có trai lành gái tốt nào thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, dầu là một câu của Kinh Diệu Pháp, và dùng hương hoa cúng dường, người đó đáng được thế gian chiêm ngưỡng, sùng phụng và cúng dường như Như Lai. Đó là hàng Đại Bồ tát đã thành tựu Chánh giác, nhưng vì thương xót chúng sanh mà nguyện sanh trên đời để rộng nói, phân biệt Kinh Diệu Pháp.

Dược Vương! Thiện nam, thiện nữ nào mà sau khi ta diệt độ tự bỏ nghiệp báo thanh tịnh, nhận sanh ra trong đời ác để vì chúng sanh mà nói Kinh Pháp Hoa, dầu là vì có một người hay chỉ nói có một câu, phải biết người ấy là sứ của Như Lai, được Như Lai sai làm việc Như Lai, hà huống nói cho nhiều người nghe.

Dược Vương! Chê mắng Phật nhẹ tội hơn chê mắng người tại gia hay xuất gia đọc tụng Kinh Pháp Hoa. Công đức xưng tán Phật không bằng công đức khen ngợi người trì Kinh Pháp Hoa.

\*\*\*

Phật lại bảo Dược Vương:

- Trong vô lượng kinh của ta đã nói, hiện nói và sẽ nói, Pháp Hoa là khó tin, khó hiểu nhất vì đó là “kho tàng bí yếu” của chư Phật, được chư Phật giữ gìn từ xưa đến nay, chưa từng đem ra nói. Bởi cố không nên chia sẻ trao đưa một cách bừa bãi. Chính khi Như Lai hiện tại, Kinh này còn bị oán ghét, huống sau khi Như Lai diệt độ.

Được Vương nên biết, sau khi Như Lai diệt độ, người nào làm được việc biên chép, lãnh giữ, đọc tụng, cúng dường và vì người khác nói Kinh này, người ấy được Như Lai lấy áo trùm lên mình và được chư Phật ở phương khác hộ niệm. Người ấy có đức tin lớn, chí nguyện mạnh và căn lành sâu, người ấy ở chung với Như Lai, được Như Lai rờ đầu.

Được Vương! Nơi nào mà có người nói, đọc, tụng, chép kinh Diệu Pháp, hoặc chỗ nào có kinh này, thì nên dựng tháp cao bảy báu mà thờ, nhưng trong lòng tháp khỏi để xá lợi. Vì sao? Vì trong tháp ấy có toàn thân Như Lai.

Được Vương! Bất luận tại gia, xuất gia, nếu có người hành đạo Bồ tát mà chẳng có khả năng thấy, nghe, đọc, tụng, biên chép, lãnh nắm, cúng dường kinh Pháp Hoa, nên biết người ấy chưa khéo tu đạo Bồ tát. Nghe xong mà tin hiểu, lãnh giữ, nên biết đó là người gần Vô thượng chánh giác.

Thí như khát nước mà đào giếng trên gò cao. Thấy đất khô phải biết nước còn xa mà ra công đào, không thôi. Lần thấy đất ướt rồi thấy đất bùn, là biết nước gần. Bồ tát nào chưa nghe hiểu Kinh Pháp Hoa là người còn cách đạo Vô thượng rất xa. Được nghe hiểu, suy gẫm, tu tập Kinh này, đó là người gần Chánh giác.

Bồ tát nghe Kinh Pháp Hoa mà kinh nghi sợ sệt, là Bồ tát mới phát tâm. Thanh văn nghe mà kinh sợ, là hàng tăng thượng mạn.

\*\*\*

Được Vương! Thiện nam, thiện nữ nào muốn nói Kinh Pháp Hoa, sau khi Như Lai diệt độ, thì phải vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi ghế cao Như Lai, rồi mới vì bốn chúng mà rộng nói.

Nhà Như Lai là tâm từ bi.

Áo Như Lai là lòng nhu hoà, nhẫn nhục.

Ghế cao (tòa) Như Lai là chân lý “Tất cả sự vật là Không”.

Phải đứng yên trên lập trường ba tâm ấy mà nói pháp.

Được Vương! Được như vậy thì từ nơi nước khác, ta sẽ khiến hàng “hóa nhân” đến nghe pháp, ta cũng sẽ khiến các hàng hóa tỳ khuê, hóa tỳ khuê ni, hóa ưu bà tắc, hóa ưu bà di đến nghe pháp.

Nếu người nói pháp ở chỗ vắng vẻ, ta sẽ khiến Bát bộ Thiên Long đến nghe.

Ta dầu ở nước khác, luôn luôn khiến người nói phápặng thấy thân ta, và nếu người ấy quên câu mất chữ, ta sẽ khiến cho được nói đầy đủ, thông suốt.

\*\*\*

## Huyền nghĩa

*1 Kinh Pháp Hoa là Chân lý tối hậu, chứa đựng tất cả những bí yếu của Chân lý, cho nên khó tin, khó hiểu.*

Lúc Phật hiện tiền hay sau khi Phật diệt độ, ai mà nghe được Kinh Pháp Hoa không phải là hạng tầm thường, mà chắc chắn là người đã xa lìa vọng tưởng, trí huệ rõ thông, vì vậy mà Phật thọ ký cho.

2- Đọc tụng Kinh Pháp Hoa là lấy đức trang nghiêm của Phật mà trang nghiêm tự thân. Chẳng những đọc tụng, mà giải nói, biên chép, tôn trọng, cúng dường Kinh cũng được về sau thành đạo Vô thượng. Bởi vì đọc tụng, giải nói, biên chép Kinh là tự nhắc nhở Chân lý, tôn trọng, cúng dường Kinh là kính mến và hy sinh cho Chân lý.

3- Người nghe đọc tụng Kinh Pháp Hoa, phải sanh lòng tin kính, phải cúng dường Kinh và người đọc Kinh như cúng dường Như Lai vì đó là người của Như Lai (Chân lý) sai để thực hành những việc làm của Chân lý (*missonnaires de la verité pour accomplir des actes de verté*).

4- Vì Kinh khó tin, khó hiểu, cho nên phải thận trọng trong việc diễn nói, trao truyền. Của quý mà cho người không biết dùng thường có hại hơn có lợi.

5- Ai đọc tụng, thọ trì, cúng dường hoặc vì người khác giảng Kinh, sẽ được Phật hộ niệm.

6- Chỗ nào có Kinh Pháp Hoa, nên xây tháp thờ, nhưng trong tháp khỏi để xá lợi, vì trong tháp đã có toàn thân Như Lai. Xây tháp là để thờ Phật, mà Kinh chứa



đựng tròn đủ Chân lý thì Như Lai đã ở đây rồi, còn để xá lợi là vật tượng trưng làm gì?

7- Nhưng muốn được Như Lai hộ niệm, hộ trì, như quy tụ thính giả, cho thấy Chân lý (thân Phật), nhắc những chỗ quên (sáng suốt) người nói pháp phải có lòng từ bi, nhẫn nhục và sống trong cái chân lý “Pháp không”.

8- Có ba hạng người:

a) Không thể thấy nghe Kinh (đất khô).

b) Nghe mà chưa tin hiểu, thọ trì (đất ướt)

c) Nghe xong, tin hiểu, thọ trì (đất bùn gần mặt).

Kết luận: Nghe đọc, như giảng nói Kinh Pháp Hoa đều hưởng được ánh sáng của Chân lý và sự huân tập. Đọc tụng, thọ trì như thế là thông dịch, diễn đạt cho người khác hiểu được Pháp (Chân lý) bằng lời nói, việc làm.

Do đây mà Ô. Burnouf dịch Pháp sư là “Interprète de la Loi”.

## PHẨM THỨ 11



### HIỆN BẢO THÁP (L'apparition d'un stupa)

Lúc bấy giờ, trước Phật Thích Ca, một ngọn tháp bằng bảy báu, cao 500, rộng 250 do tuần<sup>(1)</sup> mùi thơm “ly cấu” sực nức, từ dưới đất nổi lên rồi lơ lửng trên hư không. Trong tháp có tiếng vang ra, khen ngợi Kinh Pháp Hoa.

Tứ chúng đều lấy làm lạ, nhưng không nói ra. Bồ tát Đại Nhạo Thuyết, biết thâm tâm tứ chúng, bèn bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, do duyên cơ nào mà có tháp từ đất mọc lên, lại từ phía trong có tiếng vang ra như thế?

Phật đáp:

- 
1. 1 do tuần là 40 lý, mỗi lý là 600 thước. Vậy 1 do tuần là  $600 \times 40 = 24.000$  thước hay 24 cây số ngàn. Cao 500 do tuần là cao 12.000 cây số. Rộng 250 do tuần là rộng 6.000 cây số.

*Tháp ấy quá sự tưởng tượng của chúng ta và nhất định là một thí dụ (parabole) để chỉ cái gì chứ không phải sự thật là vậy.*

- Trong tháp báu này có toàn thân Như Lai. Thời quá khứ, cách đây vô lượng lâu xa, tại nước Bảo Tịnh, có Phật Đa Bảo, lúc còn hành đạo Bồ tát, đã phát lời thệ rằng, nếu được thành Phật thì, sau khi diệt độ, chỗ nào có Kinh Pháp Hoa, tháp báu của Ngài sẽ hiện ra khen ngợi để chứng minh. Vì vậy, bất luận chỗ nào trong mười phương, hễ có nói Kinh Pháp Hoa, thời tháp báu hiện ra, toàn thân Phật trong tháp nói: Hay thay! Hay thay!

Bồ tát Đại Nhạo Thuyết bạch:

- Chúng con muốn thấy thân của đức Phật Đa Bảo”.

Phật Thích Ca đáp:

- Theo đại nguyện của Phật Đa Bảo, khi tháp Ngài hiện ra mà có đức Phật nào muốn chỉ bày cho tứ chúng thấy thân của Ngài, thời đức Phật ấy phải nhóm lại một chỗ tất cả “phân thân” của mình, nhiên hậu thân Phật Đa Bảo mới hiện ra. Vậy nay ta sẽ nhóm tất cả “phân thân” của ta, hiện đang thuyết pháp ở các cõi nước trong mười phương.

Bấy giờ đức Thích Ca phóng một đạo hào quang từ chòm lông trắng giữa đôi chân mày, làm cho hằng sa cõi nước ở mười phương hiện bày, trong đó vô lượng Bồ tát đang vì chúng sanh nói Pháp.

Thấy ánh sáng ấy, chư Phật mười phương đều bảo các Bồ tát:

- Chúng ta phải qua thế giới Ta bà, chỗ ở của Đức Phật Thích Ca, để cùng cúng dường tháp báu của Đa Bảo Như Lai.

Chư Phật ấy đều là phân thân của đức Thích Ca.

Liên lúc ấy, cõi Ta bà biến thành thanh tịnh, đất bằng lưu ly, có cây báu, vàng ròng trang nghiêm, không thành ấp, không biển cả, sông ngòi, rừng núi.

Mỗi vị có một Bồ tát làm thị giả, các đức Phật phân thân qua đến Ta bà, lên ngôi xếp bằng trên toà Sư tử đặt dưới gốc mỗi cây báu, lần lựa như thế khắp tam thiên đại thiên thế giới mà vẫn không đủ chỗ.

Để dung chứa tất cả các phân thân, đức Thích Ca bèn biến thêm ở 8 phương, 200 muôn ức na do tha nước, nước nào cũng thanh tịnh, trang nghiêm.

Lại để có chỗ cho các phân thân Phật sẽ đến, đức Thích Ca dời trời, người đi nơi khác, biến thêm 200 muôn ức na do tha nước khác, nước nào cũng thanh tịnh, trang nghiêm, bình đẳng như trên.

Tuần tự, chư phân thân Phật trong mười phương về đủ.

Khi đâu vào đấy rồi, chư phân thân Phật sai thị giả qua Ta bà dâng hoa cho Phật Thích Ca và dạy bạch rằng:

- Như Lai có được ít bệnh, ít khổ, sức khỏe, an vui, và tất cả Bồ tát và Thanh văn đều được an ổn chăng?

Sau khi cúng dường hoa, các thị giả phải bạch thêm với đức Thích Ca là chư phân thân Phật đều muốn mở tháp báu đang lơ lửng trên không.

Đức Thích Ca liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trụ trên hư không, lấy ngón tay hữu mở cửa tháp, làm vang một tiếng lớn như tháo khóa mở một cửa thành.

Tất cả chúng trong hội liền thấy Đa Bảo Như Lai trong tháp báu, ngồi trên tòa Sư tử, toàn thân không rả, như người nhập định. Lại nghe Đa Bảo Như Lai nói:

- Hay thay! Hay thay! Phật Thích Ca nói Kinh Pháp Hoa hay quá. Vì muốn nghe nên ta mới tới đây.

Chia nửa tòa Sư tử trong tháp báu, Phật Đa Bảo nói:

- Phật Thích Ca có thể ngồi trên tòa này.

Tức thời, đức Thích Ca vào trong tháp ngồi xếp bằng trên chỗ được đức Phật Đa Bảo nhường.

Thấy hai Như Lai cùng ngồi xếp bằng trên tòa Sư tử trong tháp, đại chúng thầm nguyện: “Phật ngồi cao quá, cúi mong Như Lai dùng sức thần thông làm cho bọn chúng con đều được gần Như Lai ở trên hư không”.

Đức Thích Ca bèn dùng thần thông tiếp đại chúng lên hư không, rồi nói lớn khắp bảo:

- Nay chính là lúc nói Kinh Pháp Hoa cho những ai, ở Ta bà, có khả năng nói Kinh ấy.

Để diễn lại ý trên, đức Thích Ca nói một bài kệ mà đại ý như sau: Đức Phật Đa Bảo diệt độ đã lâu, nay còn vì muốn nghe Kinh Pháp Hoa khó gặp mà hiện ra trong tháp báu, hà huống các người mà chẳng siêng nghe.

Ai thấy được Kinh này là đã thấy ta cùng Phật Đa Bảo và các vị hóa Phật (phân thân).

Các thiện nam tử! Nên suy nghĩ, phải phát nguyện rộng lớn mới nói được Kinh Pháp Hoa là một cái khó hơn tất cả các thứ khó khác. Thật vậy, nói được tất cả các kinh điển khác, dời núi Tu di, lấy chân hất ba ngàn đại thiên thế giới, dùng sự tướng (hữu tướng) mà rộng chỉ Chân lý, lấy tay nắm bắt hư không, đem cả đại địa để lên móng chân rồi bay lên cõi trời Phạm thiên, mang cỏ khô vào lửa mà không bị cháy, trì 8 muôn 4 ngàn kinh điển rồi vì người đem ra nói, khiến chúng được 6 thần thông, nói pháp làm cho vô lượng chúng sanh đều đắc quả A la hán, tất cả những việc làm ấy rất khó, nhưng chưa khó bằng, sau khi Phật diệt độ:

- 1- mà nói được Kinh Diệu Pháp trong đời ác trước,
- 2- mà biên chép, nắm giữ được Kinh này,
- 3- mà tụng đọc Kinh này,
- 4- mà vì một người mà nói Kinh này,

5- mà nghe lãnh và tìm nghĩa ẩn trong Kinh này,

6- mà tôn trọng và thực hành Kinh này.

Kinh Diệu Pháp là bậc nhất. Thọ trì, đọc tụng được ắt làm cho chư Phật hoan hỷ. Ai làm được là người đồng mãnh, tinh tấn. Đó mới thật là người trì giới, tu khổ hạnh, là người được mau chứng quả Vô thượng.

Đời sau, ai đọc giữ Kinh này là Phật tử chân chính, là bậc thuần thiện.

Sau khi Phật diệt độ, ai hiểu được Kinh này là mắt sáng suốt của trời người trong thế gian.

Trong cảnh đầy sợ hãi, ai nói được Kinh này trong chốc lát, là người dâng cho thiên, nhân cúng dường.

### **Huyền nghĩa**

*Tháp mà bằng bảy báu, cao đến 12 cây số ngàn, rộng đến 6 cây số, lại từ dưới đất mọc lên rồi lơ lửng giữa không trung, thì quả là một sự kiện không thể có được. Không có được, vậy là một tỷ dụ (une parabole).*

*Tháp xây dựng là để tôn thờ một di tích của tự thân đức Phật, thay cho toàn thân đức Phật. Và toàn thân đức Phật được tôn thờ là vì trong ấy có Pháp. Nói một cách khác, Phật được tôn thờ là vì Pháp của Ngài khai thị.*

*Pháp ở đâu? Ở ngay trong tâm. Do đây Kinh nói Tháp từ dưới đất mọc lên. Đất là Tâm địa<sup>(1)</sup>. Phật Đa Bảo ngồi trong Tháp tượng trưng cho Pháp, vì Pháp là Tâm, mà Tâm là Pháp. Lại nữa vì tâm hàm chứa hằng sa công đức là của báu, cho nên gọi Tâm là Đa Bảo (nhiều của quý).*

*Pháp là cái gì có thật, nhưng vô hình vô tướng cho nên dụ nói “lơ lửng trong hư không”, khó tìm khó thấy.*

- 
1. Trong Kinh Tâm Địa Quán, quyển 8 có câu: Tam giới chi trung, dĩ tâm vi chủ. Năng quán tâm giả cứu cánh giải thoát. Bất năng quán giả, cứu cánh trầm luân. Chúng sanh chi tâm, do như đại địa, ngũ cốc, ngũ quả, từng đại địa sanh, như thị tâm pháp sanh thế, xuất thế, thiện ác ngũ thú. Hữu học, Vô học, Độc giác, Bồ tát, cập ư Như Lai. Dĩ thử nhân duyên, tam giới duy tâm, tâm danh vi địa:”. Dịch: Trong ba cõi (dục, sắc, vô sắc), tâm là chủ. Người quán sát được tâm, cuối cùng được giải thoát. Người không quán sát được tâm, cuối cùng chìm đắm vào biển khổ. Tâm chúng sanh giống như mặt đất, năm thứ lúa, năm thứ trái, đều từ đất mà sanh cũng như vậy, tất cả những lo nghĩ (tâm pháp) của chúng sanh còn kẹt trong thế sự hay đã vượt ra ngoài thế sự, hoặc lành hoặc dữ, những ý nghĩa hướng về năm nẻo của lục đạo, những ý niệm của hạng Học, Vô học (A la hán), của hạng Độc giác, Bồ tát cho đến bậc Như Lai, đều do tâm mà sanh. Bởi có ba cõi chỉ do tâm và tâm được gọi là đất.



*Nói tóm, tháp báu nói ở đây thí dụ cho Pháp ở trong Tâm của mọi người.*

*Tháp nổi lên là đã phát huệ thấy Pháp; có thấy Pháp rồi cho nên khi nghe Kinh Pháp Hoa là Chân lý tối diệu, phải khen (từ trong tháp có tiếng vang ra khen Kinh Pháp Hoa).*

*Lời bạch của Bồ tát Đại Nhạo Thuyết tượng trưng cho câu hỏi của thế gian: Làm sao thấy Pháp được? (Kinh nói: Chúng con muốn thấy thân của Phật Đa Bảo).*

*Đức Thích Ca đáp: Muốn thấy Pháp phải gom góp đầy đủ công đức (nhóm họp tất cả “phân thân Phật”, vì Phật là tất cả công đức và tất cả công đức họp lại gọi là Pháp thân Phật. Vậy thì mọi công đức là một phần của Pháp thân (phân thân)).*

*Những phân thân ấy “hiện đang thuyết pháp ở cõi nước trong mười phương” là gì? Mỗi nước là một tâm chúng sanh, trong vũ trụ là mười phương. Tâm chúng sanh như tâm Phật, chứa đầy đủ tất cả các công đức (từ, bi, hỷ, xả) nhưng là trong tình trạng hột giống, chưa nảy nở hoàn toàn như ở tâm Phật. Tuy chưa nảy nở hết, ít ra một trong những hăng sa công đức ấy đã manh nha, ở người này là giống từ, ở người kia là giống bi, ở kẻ nọ là giống hỷ v.v..... Có manh nha là có phát lộ ra ngoài, trong lời nói, trong việc làm. Một lời nói từ, một việc làm từ là một bài diễn văn, một bài thuyết pháp về chữ Từ. Đây là nghĩa của câu “các phân thân đang thuyết pháp”.*

Nhưng muốn gom góp đầy đủ các công đức (phân thân) phải có huệ (Phật phóng quang ở giữa đôi lông mày).

Mà có huệ là có thanh tịnh, vì vậy Kinh nói: “Ta bà biến thành thanh tịnh”. Nhưng không phải cái thanh tịnh trong tâm, mà phải là một thanh tịnh bao trùm cả thân (biến thêm 200 muôn ức na do tha nước) và hoàn toàn không còn một mảy may vụ lợi cầu phúc báu (dời trời, người đi nơi khác, với ý nói đánh bạt tất cả những tư tưởng mong lên trời hưởng phước hay tái sanh làm người giàu có sang trọng, vì còn những tư tưởng đó là chưa thanh tịnh hoàn toàn). Ở Kinh khác, có câu: “Không cầu phước báu làm Người, làm trời” là nghĩa này.

Các điều kiện trên thực hiện xong, nên tự hỏi phải quả tâm mình đã được an vui chảnh (paix, sérénité). Đây là chỗ Kinh nói các phân thân Phật sai thị giả bạch Phật: “Như Lai có được ít bệnh, ít khổ, sức khoẻ an vui”.

Có ít bệnh, ít khổ... mới mở cửa tháp được, nghĩa là mới bắt đầu thấy Pháp.

Thấy được Pháp như chứng kiến cảnh trời long đất lở. Bao nhiêu hiểu sai, nghĩ quấy, bao nhiêu thành kiến, tập quán đều đổ vỡ rầm rầm như tiếng vang rền của cửa thành lớn được mở.

Pháp bất sanh nên bất diệt, vì vậy Kinh nói toàn thân Phật Đa Bảo, tuy tịch diệt trong quá khứ vô cùng,

vẫn còn nguyên vẹn, không tan không rã. Bất sanh bất diệt là ý nói suốt ba thời, quá khứ, hiện tại, vị lai, những định luật trong trời đất (Chân lý) vẫn y như vậy không hề có sự mất còn, dời đổi.

Đức Phật Thích Ca tu hành đã đạt đến chỗ thể nhập với Pháp, nhập làm một với Pháp, làm hiện thân cho Pháp, cho nên Kinh nói Ngài được mời vào ngôi trong tháp, trên nửa phần tòa Sư tử do Phật Đa Bảo nhường.

Thấy Đức Thích Ca đạt đến sự thành tựu cao quý ấy, ai không muốn. Để tượng trưng ý này, Kinh nói đại chúng xin được lên hư không để gần hai Phật đang ngự trên cao. Lại cũng có nghĩa, Pháp ở chỗ cao siêu vi diệu, muốn thấy Pháp, phải đạt đến cái “Không” (ngã không, pháp không), nghĩa là hoàn toàn giải thoát, đừng còn kẹt trong vòng thấy có ta, có vật, tức là sắc tướng.

Tâm “không”, mới hiểu được Kinh Pháp Hoa bằng còn chấp tướng thì đừng mong. Do đây đức Thích Ca nói lớn cho khắp mười phương đều nghe: “Nay chính là lúc nói Kinh Pháp Hoa cho những ai, ở Ta bà, có khả năng nói Kinh ấy”.

## PHẨM THỨ 12



### ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA

(Phẩm này nằm chung trong phẩm 11 của bản dịch Pháp văn)

Lúc bấy giờ, Phật bảo các vị Bồ tát và bốn chúng:

- Trong quá khứ vô lượng kiếp, ta đã cầu Kinh Pháp Hoa không lười mỏi. Trong nhiều kiếp, ta thường làm vua, phát nguyện cầu đạo Bồ đề, lòng không thoái chuyển. Vì muốn đầy đủ 6 pháp ba la mật, ta siêng làm việc bố thí, lòng không mến tiếc một vật gì, dầu đó là tiền bạc, của báu, đất đai, vợ con, tôi tớ hay thân thể của ta.

Vì lòng mến Pháp đó, ta nhường ngôi cho thái tử và truyền rao trong dân chúng, ai nói được pháp Đại thừa cho ta nghe, ta sẽ trọn đời hiến thân làm tôi đòi hầu hạ.

Một vị tiên nhận tuyên nói Kinh Diệu Pháp nếu nhà vua không trái ý ông. Vua chịu và theo hầu hạ vị tiên, làm đủ mọi việc, trải qua một ngàn năm, hết lòng siêng năng vì trọng pháp.

Phật nói thêm:

- Nhà vua thuở ấy là ta, còn vị tiên là ĐỀ Bà Đạt Đa đây. Ta nay thành bậc Đẳng Chánh giác là nhờ vị thiện tri thức đó. Trong vô lượng kiếp về sau, ĐỀ Bà Đạt Đa sẽ thành Phật, hiệu là Thiên Vương nước của Phật là Thiên Đạo.

Phật Thiên Vương trú ở đời 20 trung kiếp, hằng sa chúng sanh nhờ pháp mầu của Phật mà đặng quả A la hán, hoặc phát tâm Duyên giác, Vô thượng đạo, đặng vô sanh nhẫn đến bậc bất thoái chuyển.

Sau khi Phật Thiên Vương nhập Niết bàn, Chánh pháp trụ 20 trung kiếp. Nhờ cúng dường tháp bảy báu dựng toàn thân xá lợi của Phật Thiên Vương mà chúng sanh đặng quả A la hán, ngộ Bích chi Phật, phát tâm Bồ đề.

Phật Thích Ca bảo các Tỳ kheo:

- Trong đời vị lai, thiện nam, thiện nữ nào nghe phẩm ĐỀ Bà Đạt Đa mà sanh lòng trong sạch kính tin, không nghi ngờ, thời những thiện nam, thiện nữ ấy không đọa vào ba đường ác, được sanh sang các nước Phật và nơi người đó sanh, thường được nghe Kinh Diệu Pháp. Nếu sanh vào cõi Nhân Thiên, thời hưởng sự vui sướng tột cùng; nếu sanh trước mặt Phật, thời từ hoa sen hóa sanh.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Trí Tích<sup>(1)</sup> thị giả của Phật Đa Bảo bạch xin phép Phật Đa Bảo trở về nước. Đức Phật Thích Ca mới bảo Bồ tát Trí Tích:

- Thiện nam tử, hãy chờ giây lát. Ở đây có Bồ tát Văn Thù, ông và Văn Thù có thể cùng nhau ra mắt mà luận nói pháp mâu, xong rồi sẽ về.

Ngay khi ấy, Bồ tát Văn Thù và các Bồ tát tùy tùng ngồi trên hoa sen lớn, từ nơi cung Rồng Ta Kiệt La trong biển lớn, tự nhiên vọt lên trụ trong hư không, đến núi Linh Thứu, từ hoa sen bước xuống, làm lễ đức Phật Đa Bảo và Thích Ca, kể hỏi thăm Bồ tát Trí Tích, rồi ngồi qua một bên.

Bồ tát Trí Tích hỏi Bồ tát Văn Thù:

- Ngài qua cung Rồng hóa độ được bao nhiêu chúng sanh?

Văn Thù đáp:

- Vô lượng. Nếu Ngài không tin, sẽ tự chứng biết.

Văn Thù nói chưa dứt lời, vô số Bồ tát ngồi hoa sen, từ biển vọt lên đến núi Linh Thứu, trụ trong hư không. Tất cả đều do Bồ tát Văn Thù hóa độ.

1. Trí Tích chữ Phạn là: Pradjnâkuta - Pradjnâ là trí, kuta là tích trữ. Vậy đây ý kinh muốn chỉ cái trí súc tích của người chớ không phải cái đại trí sẵn có. Sẽ giải rõ trong phần Huyền nghĩa.

Bồ tát Trí Tích thấy vậy, nói một bài kệ khen:

*Đức của Đại Trí thật là mạnh mẽ  
Hóa độ được vô lượng chúng sanh,  
Nay trong đại hội này,  
Tôi đã nhận thấy rõ:  
Đại Trí nói nghĩa “Thực Tướng”  
Mở bày pháp “Nhất Thừa”  
Rộng độ các chúng sanh  
Khiến mau thành “Bồ đề”.*

Văn Thù nói:

- Ở biển, ta chỉ thường tuyên thuyết Kinh Diệu Pháp.

Trí Tích hỏi:

- Kinh này rất thâm diệu. Vậy có chúng sanh nào siêng tu theo kinh này mà mau thành Phật không?

Văn Thù đáp:

- Có con gái của Long Vương, mới lên 8 tuổi mà đầy đủ trí đức, trong khoảnh khắc phát Bồ đề tâm là được bậc bất thoái chuyển, biện tài vô ngại, từ bi rộng lớn, công đức đầy đủ, có khả năng đến Bồ đề.

Trí Tích không tin:

- Chính đức Phật Thích Ca còn phải trải qua vô lượng kiếp chứa nhiều công đức, làm những hạnh khó

mới thành đạo Bồ đề, làm sao tin được câu chuyện Long nữ trong chốc lát mà chứng thành Chánh giác?

Nói luận chưa xong, Long nữ bỗng hiện ra, làm lễ Phật, rồi đứng qua một bên, nói một bài kệ mà đại ý là xưng tán Pháp thân và cho biết nàng đã nghe được tiếng của Pháp nên đã thành Bồ đề. Nhưng việc này chỉ Phật chứng biết mà thôi.

Bấy giờ Xá Lợi Phất nói với Long nữ:

- Thân gái như uế, có 5 điều chướng ngại<sup>(1)</sup>, lại đường Phật xa vời, phải trải qua vô lượng kiếp cần khổ mới đi cùng, mà người nói tu không bao lâu là chứng được vô thượng Chánh giác. Làm sao tin được?

Long nữ bèn lấy một hạt châu hiến dâng đức Thích Ca. Phật nhận.

Long nữ hỏi Trí Tích:

- Tôi hiến châu, Thế Tôn nhận lấy, việc ấy có mau chăng?

Trí Tích đáp:

- Mau.

---

1. *Chẳng đặng Phạm Thiên, Đế Thích, Ma Vương, Chuyển Luân Thánh Vương và Phật.*



- Ông hãy lấy sức thần của ông xem đây, tôi thành Phật còn mau hơn việc đó.

Chúng hội liền thấy Long nữ thoát nhiên biến thành nam tử, đủ hạnh Bồ tát, qua cõi Vô cấu phương nam ngồi hoa sen báu, thành bậc Đăng Chánh giác...

Bồ tát Trí Tích và Văn Thù làm thỉnh.

\*\*\*

### Huyền nghĩa

*Đứng về mặt mạch kinh mà bàn, đáng lẽ phẩm “Đề Bà Đạt Đa” này nằm chung trong phẩm “Hiện Bảo Tháp” mới phải, vì câu chuyện Phật Đa Bảo chưa dứt.*

*Ai có đọc lịch sử đức Phật Thích Ca, đều biết Đề Bà Đạt Đa là một người ganh tị và ác độc, mấy phen mong làm hại Phật mà không được. Thế mà xưa kia là thiện tri thức (bạn lành) của Phật và trong vị lai lại sẽ thành Phật hiệu là Thiên Vương, nước hiệu là Thiện Đạo.*

*Ai ở đời mà không có kẻ thù? Nhưng đừng xem đó là kẻ thù mà là bạn lành, vì có kẻ chọc cho chúng ta nóng giận, chúng ta mới có dịp học đức nhẫn nhục. Do đây Phật đưa ra câu chuyện vị tiên, nói Kinh Diệu Pháp trong thời quá khứ và vị tiên ấy là Đề Bà Đạt Đa.*

*Lại nữa, không ai ác hoài, ác riết rồi cũng có lúc thành thiện. Bởi có Kinh nói Đề Bà Đạt Đa sẽ thành Phật lấy hiệu là Thiên Vương, mà Vua cõi Trời lẽ cố nhiên*

phải là người thiện tốt bậc. Nước của Phật có tên là Thiện Đạo. Ý Kinh muốn nói tâm của người ác (nước) đã hướng theo con đường thiện.

Người ác trở thành thiện là một gương thức tỉnh cho biết bao chúng sanh khác. Vì ý này nên Kinh nói Phật Thiên Vương, trong lúc hiện tiền cũng như sau khi nhập Niết bàn, độ rất nhiều người.

Thí dụ trên hơi khó hiểu, khó tin, cho nên Phật dạy: “Trong vị lai, ai nghe phẩm này mà tin chắc, không nghi ngờ, thời không đoạ vào ba đường ác và được sanh sang các nước Phật”. Vì sao? Nghe phẩm này mà tin, là tin con người có thể cải ác tùng thiện, là tin tự mình có khả năng hoán cải đời mình. Có tin là có làm, có làm cho nên hết ác (ra khỏi ba đường ác). Hết ác thời phải thành thiện, thành trong sạch (sanh về các nước Phật). Lại còn nghe được Kinh Diệu Pháp, là còn có cơ nghe nói đến Chân lý.

Bây giờ, chúng ta thử tìm hiểu câu chuyện giữa hai Bồ tát Trí Tích và Văn Thù.

Đã nói Bồ tát là tượng trưng cho một đức tánh, cho một cái gì vô hình vô tướng.

Trí Tích là “cái trí được súc tích”, tức là cái trí phàm phu do những bài học kinh nghiệm tích trữ mà thành. Như trí của nhà toán học là do sự tích trữ nào

những bài học, nào những kinh nghiệm của mình mà thành. Có thể xem cái trí này là cái mà người Pháp gọi là “Intellect”.

Văn Thù cũng là trí, nhưng là Đại Trí (Intelligence, Sagesse).

Nghe chuyện người dữ hóa hiền, hiền đến thành Phật, trí phàm phu làm sao hiểu và tin được? Không hiểu, không tin, tức không để ý, và không để ý nên phải bỏ. Do đây Kinh nói Bồ tát Trí Tích bạch với Phật Đa Bảo nên đi về.

Phật Thích Ca mời ở lại luận nói pháp mâu với Văn Thù, là ý nói: Phàm trí không hiểu được đâu, phải Đại Trí, Thánh Trí như Văn Thù mới giải được. Cũng như chúng ta, khi nghe câu chuyện Đề Bà, thì trí phàm nông cạn của chúng ta làm sao tin được, nhưng khi chúng ta vận dụng cái trí thanh tịnh (Huệ), như khi ngồi thiền quán sát chẳng hạn, thời chúng ta sẽ thấy Hiền Thánh từ đâu mà ra, há chẳng phải trong biển khổ của chúng sanh. Đây là chỗ Kinh nói Bồ tát ngồi hoa sen, từ dưới biển vọt lên vô số.

Ở trong biển sanh tử khổ não là vì vô minh, mà vô minh là chưa dùng được cái sức mạnh hóa độ, hoá cái của Đại Trí hay Trí Huệ. Có được sự sáng suốt rồi là hiểu được cái Chân, cái Thật (Đại Trí nói nghĩa “Thực tướng”).

*Trí phàm hay Trí Tích lại hỏi nữa, vì còn nghi ngờ: Nghe hiểu được Chân lý (tức là Kinh Diệu Pháp) có thể làm cho con người mau thành Phật (tức là được sự giác ngộ vô thượng) không?*

*Đại Trí đáp: “Được, và cái được ấy chẳng dành riêng cho một ai cả. Bất luận già, trẻ, bé, lớn, nam, nữ, miễn có đầy đủ trí đức, tu hành “đừng thoái chuyển”, từ bi rộng lớn, biện tài thông suốt, công đức đủ đầy là năng đạt đến Bồ đề, thí như câu chuyện Long nữ.*

*Việc làm trong cõi hữu hình, như dâng ngọc cho Phật, Phật đưa tay nhận lấy, dầu mau thế mấy, vẫn phải mất một ít thời giờ. Đến như việc tỉnh ngộ (thành Phật) là việc của cảnh vô hình nội tâm thì mau hơn cái nháy mắt.*

*Nhưng ai biết mình tỉnh ngộ. Chỉ có tâm mình biết mà thôi. Đây là nghĩa của câu: Chỉ có Phật chứng biết mà thôi.*

*Chúng ta thường nghe nói: Tu nhất kiếp, ngộ nhất thời, câu này có thể là nghĩa của câu chuyện trên.*

*Phải trải qua muôn ngàn ức kiếp cần khổ như đức Phật Thích Ca mới thành Chánh giác. Điều ấy chắc chắn như vậy, vì Long nữ út cũng phải trải qua con đường ấy mới đầy đủ những điều kiện đã kể. Nhưng khi nhân duyên đã đầy đủ, thì một đêm cũng đủ cho trái tượng hình.*

*Tu thì lâu như đi từ đây xuống Mỹ tho phải mất đôi giờ, nhưng đến châu thành Mỹ tho là việc trong nháy mắt.*

*Lại nữa ai cũng có Phật tánh, tức là có cái vốn Phật như nhau, thì đâu phải vì nữ mà không tỉnh ngộ được? Tuy nhiên, nữ mà muốn tỉnh ngộ thành Phật, ngoài công phu tu hành, phải rèn cho chí mềm yếu của mình trở thành chí cương quyết của nam nhi (biến thành nam tử), phải thực hành đầy đủ 6 pháp ba la mật và phải giữ lòng trong sạch (qua cõi Vô cấu mà ngồi).*

*Còn khích lệ nào hơn cho người tu hành?!*

*Số phận hẩm hiu của con người không phải chẳng có lối thoát. Tùy ta mà tương lai sẽ được huy hoàng..!*

## PHẨM THỨ 13



### TRÌ (L'Effort)

Lúc bấy giờ, Bồ tát Dược Vương và Bồ tát Đại Nhạo Thuyết, cùng hai muôn Bồ tát quyến thuộc, đều ở trước Phật nói lên lời thề rằng:

Cúi xin Thế Tôn chớ lo, sau khi Phật diệt độ, chúng tôi sẽ tuân giữ, đọc tụng, nói kinh điển này. Chúng sanh trong đời ác về sau, căn lành ít chuyển, kiêu hãnh thêm nhiều, tham lợi tham danh<sup>(1)</sup>, thêm căn bất thiện, xa lìa giải thoát. Tuy khó bề giáo hóa như thế, chúng tôi sẽ dùng sức nhẫn nhục lớn, đọc tụng, giữ nói, biên chép, hy sanh mọi cách, thậm chí không tiếc thân mạng (để giáo hóa họ).

Khi ấy, trong chúng, 500 A la hán đã được thọ ký, bạch Phật rằng:

- Thế Tôn, chúng tôi cũng tự thệ nguyện rộng nói kinh này ở những nước khác.

---

1. Dịch theo bản của E.Burnouf "occupeés de gain et d'honneurs".

Lại có tám ngàn vị hữu học, vô học cũng đã được thọ ký rồi, lập lời thề trước Phật:

- Chúng con cũng thệ sẽ ở nơi nước khác rộng nói kinh này. Tại sao thế? Vì ở nước Ta bà, đa số dân chúng hay che giấu điều ác, ôm ấp tánh kiêu căng, công đức cạn mỏng, giận hờn, siểm khúc, ấy vì tâm không thật vậy.

Kế đó, bà Di của Phật là Tỳ khưu ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề cùng với 6 ngàn Tỳ khưu ni của hai hạng học và vô học, đồng đứng dậy, chắp tay chiêm ngưỡng tôn nhan Phật, mắt không tạm rời, Thế Tôn mới hỏi Kiều Đàm Di (tức bà Di):

- Vì cố nào mà ngó Như Lai với vẻ lo âu như vậy? Phải chăng vì ta không kêu tên thọ ký cho các người? Nay Kiều Đàm Di, ta trước thọ ký tổng quát cho tất cả Thanh văn, nay người đã muốn thì ta nói trước cho biết, đời sau người sẽ làm Đại Pháp sư của 6 vạn tám ngàn Phật pháp, còn 6 ngàn Tỳ khưu ni trong hàng học và vô học, cũng sẽ làm Pháp sư. Lần hồi, người sẽ đầy đủ đạo Bồ tát và sẽ được thành Phật, hiệu Nhất Thế Chúng Sanh Hỷ Kiến Như Lai. Nay Kiều Đàm Di, Phật Hỷ Kiến và 6 ngàn Bồ tát sẽ tuần tự thọ ký được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, mẹ của La Hầu La là Tỳ khưu ni Da Du Đà La thâm nghĩ: “Thế Tôn thọ ký cho mọi người, sao

riêng mình chẳng nói tới tên?”. Phật kêu Da Du Đà La nói:

- Đồi sau, trong trăm ngàn vạn ức pháp môn của Phật, người sẽ tu hạnh Bồ tát, làm Đại Pháp sư, lần hồi đầy đủ Phật đạo, rồi ở nơi nước Thiện, sẽ thành Phật hiệu Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai.

Kiều Đàm Di, Da Du Đà La và tất cả Tỳ kheo ni đều vui mừng hơn hở, cho là được của quý chưa từng có.

Sau khi đọc bài kệ, các Tỳ kheo ni bạch Phật:

- Thế Tôn, chúng tôi có thể rộng nói kinh này ở các nước phương khác không?

Phật bèn ngó tám mươi muôn ức na do tha Bồ tát. Các Bồ tát này, toàn là bậc “bất thoái chuyển” và đã được các “đà la ni”, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật, chấp tay nghĩ nói trong lòng rằng: “Nếu Thế Tôn dạy, chúng con sẽ như lời Phật dạy mà rộng nói kinh này”. Rồi lại nghĩ: Phật nay làm thinh không dạy, bây giờ chúng ta sẽ nói gì đây?. Khi ấy, vừa để thuận theo ý Phật, vừa để thỏa mãn sở nguyện, của mình, các Bồ tát bèn thề lớn trước Phật:

- Thế Tôn, sau khi Như Lai diệt độ, chúng con sẽ đi khắp mười phương thế giới, khiến chúng sanh biên chép kinh này, lãnh giữ, đọc tụng, giải nói ý nghĩa, theo pháp tu hành, sửa điều nghĩ nhớ cho chân chánh, được như thế



là toàn nhờ uy lực của Phật. Cúi xin Thế Tôn, ở phương khác, xa thấy mà giữ gìn cho!

Liền đó, các Bồ tát đồng phát thanh nói bài kệ:

Cúi mong Phật chớ lo:

Sau khi Phật diệt độ,

Trong đời ác, khiếp sợ,

Chúng con sẽ rộng nói (kinh này)

Dẫu có người không trí

Dùng lời ác mắng rửa...

Cùng gậy dao đập chém,

Chúng con đều sẽ nhẫn.

Dẫu Tỳ khưu đời ác,

Trí tà, tâm vạy méo,

Chưa chứng, xưng đã chứng,

Kiêu căng đầy trong lòng,

Hoặc có hạng “A nhã”<sup>(1)</sup>

Y, nạp<sup>(2)</sup> xem ra phết,

Tự cho hành chân đạo,

- 
1. *A nhã*. Trọn chữ là *A luyện nhã* hay *A lan nhã*: Chỉ các am tự, nơi các vị Tỳ khưu ở.
  2. *Nạp*: Áo mặc của các vị Tỳ khưu, may bằng những miếng vải vụn của người chê bỏ.

Xem nhẹ người thế gian;  
 Vì lòng tham lợi dưỡng,  
 Thuyết pháp cho bạch y<sup>(1)</sup>  
 Với ý được cung kính  
 Như lục thông La Hán<sup>(2)</sup>  
 Lòng hạng ấy chứa ác  
 Thường nghĩ việc thế tục  
 Giả danh A luyện nhã  
 Bởi sai lầm chúng con  
 Mà nói những lời này:  
 Các Thầy Tỳ khưu ấy  
 Vì lòng tham lợi dưỡng,  
 Luận giải theo ngoại đạo  
 Tự tạo kinh điển này,  
 Láo dối người thế gian.  
 Hoặc vì cầu danh tiếng  
 Mà phân biệt kinh này.  
 Hoặc thường trong đại chúng,

- 
1. *Bạch y: Áo trắng, chỉ hàng Phật tử tại gia. Hai tiếng cư sĩ dùng để chỉ hàng tại gia được dùng không đúng lắm.*
  2. *Lục thông: 1) Thiên nhân, 2) Thiên nhĩ, 3) Tha tâm, 4) Túc mạng, 5) Thần túc, 6) Lộ tận (6 pouvoirs spirituels)*

Muốn nói xấu chúng con;  
Hưởng nhà vua, quan lớn  
Bà la môn, nhà giàu<sup>(1)</sup>,  
Cùng các Tỳ khưu khác  
Mà phỉ báng chúng con:  
Bảo chúng con tà kiến,  
Luận giải theo ngoại đạo.  
Vì lòng kính tin Phật,  
Chúng con đều sẽ nhẫn,  
Dầu họ có khinh khi,  
Tự xưng là Phật sống,  
Trước lời kiêu ngạo ấy,  
Chúng con cũng sẽ nhẫn.  
Trong đời ác kiếp trước,  
Có nhiều sự sợ hãi,  
Các quỷ nhập thân người  
Mắng rửa nhục chúng con,

- 
1. *Nhà giàu: Nguyên văn chữ Hán là cư sĩ. Ông E.Burnouf dịch là "chef de famille"; gia trưởng, tức chỉ hạng có gia nghiệp, chứ không có nghĩa Phật tử tại gia như chúng ta dùng bây giờ.*

Chúng con kính tin Phật,  
 Sẽ mang giáp nhẫn nhục.  
 Để giảng nói kinh này,  
 Chúng con sẽ nhẫn mọi khó.  
 Thân mạng, không hề tiếc  
 Chỉ tiếc Vô thượng đạo.  
 Chúng con trong đời sau,  
 Sẽ giữ gìn lời Phật.  
 Thế Tôn sẽ tự biết:  
 Tỳ khưu đời ác trước  
 Không biết Phật phương tiện  
 Tùy nghi mà thuyết pháp,  
 Châu mày dùng miệng ác,  
 Lúc lúc đuổi chúng con  
 Xa lìa nơi chùa tháp.  
 Các việc ác như thế,  
 Nhớ lời Phật dạy bảo,  
 Chúng con sẽ nhẫn hết.  
 Nơi thành ấp, tụ lạc<sup>(1)</sup>  
 Nếu có người cầu pháp

---

1. Hay bộ lạc (Tribu).

Chúng con đều đến nơi  
Nói Pháp của Phật truyền.  
Chúng con là sức Phật,  
Ở trong chúng không sợ.

\*\*\*

### **Huyền nghĩa**

*Từ trước tới đây, Đức Phật đã giải bày cho chúng ta thấy thế nào là “Thực Tướng”, là “Chân lý”, là khả năng giác ngộ của con người.*

*Nhưng thấy hiểu chưa đủ, cần phải cố gắng (l'effort) nắm giữ (trì). Cố gắng nắm giữ không phải trong lòng mà phải biểu hiện ra ngoài (phụng trì, đọc tụng, thơ tả, giảng thuyết), nghĩa là phải diễn đạt bằng lời nói và việc làm lợi mình, lợi người.*

*Lợi mình ở chỗ tự nhắc nhở, tự cố tiến. Lợi người ở chỗ treo gương thức tỉnh cho mọi người cùng theo.*

*Ai làm được sự cố gắng này? Các bậc Đại Bồ tát (những người quên mình vì người khác), các bậc La hán (đã diệt dục), các hàng Thanh văn học và vô học (đã nghe hiểu và thức tỉnh). Thậm chí hàng phụ nữ tu hành (Tỳ khưu ni) cũng làm được, vì nữ nhân cũng đầy đủ khả năng giác ngộ như nam nhi (chuyện Long nữ thành Phật hay việc thọ ký cho các bà Kiều Đàm Di, Da Du Đà La)*

*Nhưng đừng tưởng dễ đem Chân lý mà nói cho người khác nghe, dễ sống đời sống gương mẫu thức tỉnh (giảng thuyết Diệu Pháp). Vì càng xa Phật (sau khi Phật diệt độ), lòng người càng bị tham, sân, si, kiêu mạn làm mờ tối. Huống chi còn những hạng giả danh tu hành, tự xem như thánh nhân. Mê hoặc lòng người bằng những kinh điển sai lầm và phỉ báng hàng tu sĩ chân chánh. Vì vậy, muốn nắm giữ được lời Phật dạy, Chân lý của Phật trao truyền và làm sáng tỏ Chân lý ấy, phải mặc giáp nhũn nhục, nghĩa là phải hết sức chịu đựng trước sức tấn công của ma lực. Nếu phải hy sinh thân mạng (corps et vie) cũng đừng tiếc.*

## PHẨM THỨ 14



### AN LẠC HẠNH (La position commode)

Bây giờ, Bồ tát Văn Thù Sư Lợi bạch Phật:

Thế Tôn! Các vị Bồ tát này làm việc khó có là phát nguyện hộ trì, đọc nói Kinh Pháp Hoa trong đời ác trước về sau. Thế Tôn! Làm thế nào mà các vị Bồ tát lại nói được Kinh Pháp Hoa trong đời ác trước. Phật bảo Văn Thù: Nếu Bồ tát Ma ha tát, ở đời ác trước, muốn nói kinh này, thì nên an trú vào 4 pháp sau đây:

**1- Hành xứ:** Bồ tát hành xứ là đứng vững trên đất nhẵn nhục, dịu hòa, thuận thảo mà không nóng nảy, tâm cũng chẳng sợ sệt, lại ở trong muôn vật mà lòng không xao xuyên, xem muôn vật trống không như “thực tướng”<sup>(1)</sup>, không nghĩ ngợi gì mà cũng không phân biệt.

**2- Thân cận xứ:** Bồ tát không gần gũi:

---

1. *Thực tướng: Tướng thực của vạn vật, trái với cái tướng mà ngũ quan và ý thức của con người biết được. Đó là bản thể của vạn vật. Vì cái thực tướng không hình không dáng, cho nên Kinh tạng gọi là “trống lỗng”.*

- Hạng người quyền thế (vua, con vua, quan lớn, quan nhỏ)
- Hạng người tu theo ngoại đạo (Phạm chí, Ni kiên tử...)<sup>(1)</sup>
  - Hạng văn nhân, thi sĩ của thế tục
  - Các phái Lộ già da đà, Nghịch lộ già da đà...<sup>(2)</sup>
  - Hạng người chơi hung, lấy sự đâm chém, đánh đá làm thích
  - Bọn na la<sup>(3)</sup> quen chơi với sự tà thuật biến hóa
  - Bọn Chiên đà la (Tchandâlas)<sup>(4)</sup>
  - Hạng người làm sai giới luật như nuôi heo, dê, gà, chó, đi săn, chài lưới.

Những người trong các giới ấy, nếu có lúc họ đến với mình, thì Bồ tát phải vì họ mà giảng dạy cho họ nghe, lòng đừng hy vọng mong cầu một điều gì.

Cũng không nên làm thân với những người cầu được làm Thanh văn, Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di, cũng không nên hỏi chuyện họ. Dầu ở trong

- 
1. Ni kiên tử cũng gọi là phái lỏa thể vì tín đồ không mặc quần áo. Hiện tồn tại trên đất Ấn, lấy tên là Jainisme.
  2. Lộ già da đà: Đạo thuận theo thế tục. Nghịch lộ già da đà: Phái nghịch với phái thuận theo thế tục.
  3. Na la: những người múa hát.
  4. Chiên đà la: kẻ đồ tể, quân đao phủ.



phòng, đầu lúc đang đi kinh hành, đầu lúc ở giảng đường, bất luận ở đâu, không nên làm họ đứng dừng một chỗ. Nếu gặp lúc họ đến với mình thì tùy nghi mà thuyết pháp, lòng đừng hy vọng mong cầu một điều gì.

Văn Thù Sư Lợi! Bồ tát lại còn không nên ngó thân người nữ mà sanh lòng ham muốn rồi nói pháp cho họ nghe, cũng đừng ưa thấy nữ nhân. Khi vào nhà người, đừng nói chuyện với trẻ gái nhỏ, con gái lớn và đàn bà góa. Cũng không nên gần những người “bất nam”. Đừng một mình vào nhà người. Nếu có duyên cố cần vào nhà người một mình, thì phải giữ một tâm niệm Phật.

Khi nói pháp cho đàn bà, con gái nghe, đừng cười hở răng, đừng bày hông, ngực. Tâm chí đối với người vì pháp mà đến, cũng không nên gần gũi thân mật với họ, hà huống là đối với những người đến vì chuyện khác.

Không nên thích nuôi những đệ tử ít tuổi, những sa di trẻ con. Cũng không nên ưa cùng chúng một thầy, mà nên ưa ngồi thiền ở chỗ vắng lặng, sửa nắn tâm mình.

Đó là “thân cận xứ” thứ nhất của Bồ tát.

Lại nữa, Bồ tát phải thấy muôn vật đều “không” như thực tướng; không điên đảo, không động, không thối, không hư không, thấy muôn vật không có thực tánh, chẳng sanh, chẳng xuất, chẳng khởi, vô danh, vô tướng, thực không có gì cả, vô lượng vô biên, vô ngại vô chướng; thấy những danh từ lời nói dùng để chỉ vật này

sự nọ, đều là trái với chân lý (ngữ ngôn đạo đoạn), chỉ vì cái nguyên nhân điên đảo nên mới nói thế này thế nọ. Phải vui xét cái tướng của vạn vật là như thế.

Đó là “thân cận xứ” thứ nhì của Bồ tát.

### **3- An lạc hạnh:**

Phật nói tiếp:

- Sau khi nghe Như Lai diệt độ, trong đời mạng pháp, muốn nói Kinh này, Bồ tát phải ở yên trong “An lạc hạnh”. Nghĩa là, khi nói cũng như khi đọc Kinh này, chẳng nên ưa nói đến cái sự sai quấy của người và của Kinh điển, cũng chẳng nên có lòng khinh rẻ, kiêu ngạo đối với các Pháp sư, chẳng nên nói đến sự tốt xấu, hay dở của người khác; đối với hàng Thanh văn, chẳng nên nêu đích danh mà nêu sự sai lầm, gàn dở của họ, cũng không kêu đích danh mà khen tặng cái hay của họ, lại cũng không sanh tâm thù hiềm. Khéo sửa lòng cho được an lạc như vậy thì không làm nghịch ý người nghe. Còn có ai vấn nạn thì đừng giải đáp bằng pháp tiểu thừa mà bằng pháp đại thừa, để cho người hỏi được Chánh giác.

Bồ tát muốn thuyết pháp phải giữ lòng an vui, trong sạch, thân thể phải tắm rửa cho sạch, mặc y mới, nói tóm lại là trong ngoài phải thanh tịnh, nhiên hậu mới lên ngôi pháp tòa, tùy lời hỏi của người mà giảng. Đối với người vì Đạo thì đem diệu nghĩa ra mà dạy, mặt mày hòa nhã; đối với người vấn nạn, thì tùy nghĩa mà đáp, khi thì dùng nhân duyên, khi thì dùng thí dụ mà diễn giải

rạch rời, để lần hồi dắt dẫn họ vào đường sáng (Phật đạo). Tự mình, phải trừ mọi ý niệm ỷ lại, mọi tư tưởng lười biếng, xa lìa mọi lo nghĩ, buồn rầu, mở rộng lòng từ, ngày đêm nói pháp để mở mắt cho chúng sanh mà không bao giờ mong cầu việc lấy pháp làm nhân duyên để thành Phật đạo, khiến người nghe cũng cùng một tâm niệm.

Trong thời mạt pháp, Bồ tát nào thọ trì, đọc tụng Kinh này thì không nên chứa chấp sự ganh ghét, tà vạy, khinh khi người học Phật, không làm cho hạ tu hành chán nản, cũng không nên đem Đạo pháp ra làm bàn chơi, tranh cãi. Phải:

- Đối với tất cả chúng sanh, khởi lòng đại bi,
- Đối với chư Như Lai, sanh lòng kính trọng như Cha lành,
- Đối với Bồ tát, sanh lòng tôn kính như Thầy,
- Đối với mười phương Bồ tát, sanh lòng cung kính cúng dường.

Thực hiện đầy đủ pháp “an lạc” thứ ba này, thì khi thuyết Kinh, không làm cho người nghe hoang mang, được người cùng theo mình mà đọc tụng, còn đại chúng sẽ tới nghe lãnh lời Kinh, lãnh rồi nắm giữ, giữ rồi sẽ đọc, đọc rồi sẽ thuyết, thuyết rồi sẽ chép và khiến người cùng chép.

**4- Phát đại bi tâm.** Lại nữa, này Văn Thù! Trong đời mạt pháp, ai là người muốn nắm giữ Kinh Pháp Hoa, phải sanh đại bi tâm đối với hàng xuất gia và tại gia. Đối với người chẳng phải là Bồ tát (chưa tu hạnh vị tha) cũng phải phát đại bi tâm mà nghĩ như vậy: Như Lai phương tiện tùy nghi thuyết pháp, mà họ lại chẳng nghe, chẳng biết, chẳng tỉnh, chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng giữ, thật là thất lợi vô cùng. Ngày nào ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nguyện sẽ dùng thần lực, trí lực mà dắt họ vào ở yên trong Đạo pháp.

Đó là pháp “an lạc” thứ tư.

Như Lai diệt độ rồi, Bồ tát nào thành tựu được pháp thứ tư này thì khi thuyết Kinh Pháp Hoa, không bao giờ có sự sai lầm, mất mát. Người thế gian từ vua tới dân, sẽ cung kính cúng dường, trong hư không chư Thiên sẽ luôn luôn hộ vệ cho. Tại sao thế? Vì Kinh này được tất cả chư Phật ba đời bảo hộ. Này Văn Thù, trong vô lượng nước, nghe được tên Kinh này còn chưa có, hà huống được thấy, được thọ trì đọc tụng. Thí như nhà vua dẹp giặc xong, muốn thưởng công tướng sĩ, có thể cấp cho đất cát, y phục, ngọc ngà, châu báu, xe ngựa, nô tỳ, nhưng không bao giờ cho viên ngọc vô giá trên mão của vua. Như Lai cũng thế. Nhờ sức mạnh của thiên định và trí huệ, Như Lai làm vua “Nước Pháp”, thống ngự ba cõi. Vì Ma Vương không hàng phục nên Như Lai mới dùng Hiền Thánh làm tướng để đánh Ma Vương. Đối với các bậc

hữu công trong trận chiến này, Pháp vương Như Lai ban cho tiền của thiên đình, giải thoát, vô lậu, thành quách niết bàn, tạm nói là diệt độ, để dẫn dắt tâm họ, khiến mọi người hoan hỷ, nhưng chưa vì họ nói Kinh Pháp Hoa. Nhưng khi binh sĩ lập được công to, nhà vua sẽ cho viên ngọc vô giá. Như Lai cũng thế, thấy đội quân Hiền Thánh đã lập được đại công chiến thắng Ngũ ấm ma, phiền não ma, tử ma, đã diệt ba độc, ra khỏi ba cõi, phá lười ma, nên ban cho Kinh Pháp Hoa là lời thuyết cao cả nhất của chư Như Lai.

\*\*\*

### **Huyền nghĩa**

*Phẩm này nói về bốn điều kiện, bốn cái thế thuận tiện (positions commodes) để hộ trì, đọc, nói Kinh Pháp Hoa nghĩa là để tự mình thực hiện Chân lý và dắt người cùng thực hiện như mình.*

*Bốn điều kiện đó là:*

- 1- Hành xử (những hành động cần có)*
- 2- Thân cận xử (phải hoạt động trong hoàn cảnh nào)*
- 3- An Lạc (giữ lòng bình thản và vui vẻ)*
- 4- Phát đại bi tâm (mở lòng thương xót rộng lớn)*

**1- Hành xử.** Phải sống ra người nhẫn nhục, nhu hoà, thuận thảo, không nóng nảy, không sợ sệt, không để cho muôn vật làm lòng mình xao xuyến, xem vạn vật đúng với cái tướng chân thật của nó là không có gì cả, tâm không nghĩ ngợi gì, hay phân biệt tốt xấu, hay dở. Như thế là sống sáng suốt, làm chủ tâm mình và hoà với mọi người.

Phải tu tập các đức tánh vừa kể, để gây thiện cảm với người nghe.

**2- Thân cận xứ,** nghĩa là chỗ mình nên gần gũi. Kinh chia có Bất thân cận xứ và Thân cận xứ.

a) Chỗ không nên gần gũi (Bất thân cận) gồm có:

- Quốc vương, vương tử, đại thần
- Ngoại đạo
- Kẻ viết sách thế tục ca ngâm
- Kẻ múa hát đánh võ
- Kẻ làm nghề hàng thịt, nuôi súc vật, săn bắn, chài lưới

- Hạng người cầu quả Thanh văn (ích kỷ)

- Trẻ gái, con gái, đàn bà góa

- Những sa di ít tuổi, trẻ nhỏ.

b) Chỗ nên gần (thân cận xứ):

Luôn luôn “quán nhất thế pháp không như thực tướng” (xét thấy mọi vật trống không như thực tướng).

Tóm lại đoạn này có nghĩa: Phải thanh tịnh u nhàn (*se retirer dans le calme du silence*), tránh giao thiệp với hàng quyền thế, ngoại đạo, ác nghiệp, ca hát, ngâm vịnh, phái nữ, các bậc tu hành còn lòng ích kỷ và phải tập ngó vạn vật đúng với thực tướng, nghĩa là một cách bình đẳng, đừng trọng, đừng khinh, đừng mê, đừng đắm, đừng luyến, đừng bỏ.

**3- An lạc:** Tâm an bình, vui vẻ, không làm trái ý người. Khi có người hỏi đạo, dùng pháp Đại thừa mà giải, nhưng:

- Không nói lỗi của người và kinh điển
- Không khinh mạn các người tu hành khác
- Không sanh lòng thù hiềm
- Không ganh ghét đố kỵ
- Không làm cho người tu hành hoài nghi chán nản.

Trái lại, phải phát lòng thương xót đối với chúng sanh và khởi lòng kính trọng đối với chư Phật, Bồ tát.

**4- Đại từ bi tâm:** Sanh lòng thương xót tất cả những người không hiểu các phương tiện của Phật dùng, tùy căn cơ của mỗi hạng chúng sanh mà nói pháp cho họ nghe hiểu.

Thuyết Kinh Pháp Hoa mà có đầy đủ những điều kiện này thì ở đời, được người nghe, tin hiểu và cùng mình

*sao chép, đọc tụng, còn trong hư không chư thiên sẽ vệ hộ.*



## PHẨM THỨ 15



### TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT (Apparition des Bodhisattvas)

Lúc bấy giờ, các Bồ tát, nguyên từ các nước phương khác lại, đông hơn cát của 8 sông Hằng, ở trong đại chúng, đồng đứng dậy chấp tay bạch Phật:

- Thế Tôn! Nếu Thế Tôn nhận lời, chúng con nguyện, sau khi Phật diệt độ, sẽ rộng nói Kinh Pháp Hoa ở thế giới Sa bà, để gia tăng tinh tấn và hộ trì những người đọc, tụng, sao chép, cúng dường Kinh này.

Phật đáp:

- Thôi khỏi. Nay thiện nam tử! Không cần các con hộ trì Kinh này. Vì sao? Vì thế giới Sa bà của ta tự có Bồ tát đông như cát của sáu muôn sông Hằng; mỗi Bồ tát có những quyến thuộc đông như cát của sáu muôn sông Hằng. Những Bồ tát và quyến thuộc ấy, sau khi ta diệt độ, sẽ có khả năng giữ gìn, đọc tụng, rộng nói Kinh này.

Lúc Phật nói lời này, trong ba ngàn đại thiên quốc độ ở thế giới Sa bà, đất đều rung nứt và từ trong lòng đất, vô lượng ngàn muôn ức Bồ tát đồng thời vọt lên.

Các Bồ tát ấy, thân như vàng ròng, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, ánh sáng khôn lường, trước kia trú trong hư không của chỗ thấp nhất ở thế giới Sa bà, nay nghe tiếng của Phật Thích Ca, nên từ chỗ thấp ấy mà phát hiện đến. Mỗi mỗi Bồ tát đều là bậc thủ lãnh dẫn đường cho đại chúng, và mỗi vị đều có hoặc sáu, hoặc năm, bốn, ba, hai, một muôn Hằng sa quyến thuộc, hoặc một Hằng hà sa, nửa Hằng hà sa, một phần Hằng hà sa hay một phần trong ngàn ức na do tha phần Hằng hà sa, hoặc từ ngàn muôn ức na do tha sụt lần xuống cho tới một muôn, một ngàn, một trăm, mười, năm, bốn, ba, hai, một quyến thuộc đệ tử. Lại cũng có những Bồ tát chỉ có một mình, thích hạnh “viễn ly”<sup>(1)</sup>. Tất cả các Bồ tát ấy đông vô số kể.

Từ dưới đất vọt lên rồi, các Bồ tát ấy đều đến ngọn tháp bảy báu nhiệm mầu trên hư không, là chỗ Phật Đa Bảo và Phật Thích Ca đang ngự, vập đầu xuống chân làm lễ, rồi lại tiến đến tòa sư tử, dưới cội báu, chỗ Phật ngồi mà làm lễ. Xong, các vị đi quanh bên mặt Phật ba vòng, rồi chắp tay cung kính chiêm ngưỡng Phật Đa Bảo và Phật Thích Ca.

---

1. *Viễn ly: xa lìa. Nói cho đủ là “Viễn trần ly cấu”. Dứt được tất cả những cái thấy sai lầm (kiến hoặc), được Chánh Kiến hay Pháp nhãn tịnh, gọi là Viễn trần ly cấu (xa bụi đời, lìa dơ bẩn).*

Từ lúc các Bồ tát xuất hiện cho đến khi làm lễ xưng tán Phật, một khoảng thời gian trôi qua, lâu 50 tiểu kiếp.

Bấy giờ đức Thích Ca ngồi yên nín lặng, bốn hạng đệ tử cũng đều nín lặng. Nhờ sức thần của Phật, đại chúng thấy 50 tiểu kiếp trôi qua như nửa ngày. Cùng một lúc và cũng nhờ sức thần của Phật, bốn chúng thấy Bồ tát đầy khắp hư không của vô lượng ngàn muôn ức quốc độ.

Trong số Bồ tát ấy, có 4 vị đứng đầu: 1) Thượng Hạnh, 2) Vô biên Hạnh, 3) Tịnh Hạnh, 4) An Lập Hạnh. Đồng chấp tay nhìn đức Thích Ca , 4 vị kính hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Thế Tôn có được ít bệnh, ít buồn và được an vui không? Những người đáng độ, có thọ giáo dễ không. Họ không có làm cho Thế Tôn mệt nhọc chứ?

Thế Tôn nói:

- Đúng thế! Đúng thế! Nay các thiện nam tử, Như Lai an vui, ít bệnh, ít buồn, các hàng chúng sanh dễ hóa độ, không có mệt nhọc. Tại sao thế? Vì những chúng sanh ấy, từ trước tới nay, đời đời thường được ta hóa độ cho; và chính họ cũng đã cung kính tôn trọng chư Phật trong thời quá khứ và trồng các cội lành. Các chúng sanh ấy, hễ bắt đầu thấy thân ta, nghe tiếng ta nói, là liền tin lãnh và nhập vào huệ của Như Lai, trừ những người

trước đã tu tập theo Tiểu thừa. Đối với hạng này, ta cũng sẽ khiến cho nghe được Kinh Diệu Pháp và đi vào huệ Phật.

Lúc bấy giờ Bồ tát Di Lạc cùng 8 ngàn Hằng sa Bồ tát trong pháp hội đều thâm lấy làm lạ việc vô số Bồ tát đã từ đất vọt lên. Muốn giải nghi cho tất cả và cho riêng mình, Bồ tát Di Lạc bạch Phật:

- Nguyện Thế Tôn cho chúng con biết vô lượng Bồ tát này từ đâu mà đến và nhóm họp để làm gì. Ai đã thuyết pháp giáo hóa cho các vị? các vị đã theo ai mà phát tâm, đã thọ trì và hành Kinh nào? Lại tu tập Phật đạo nào mà có sức trí thần thông to lớn như thế? Bạch Thế Tôn, chúng con chưa từng thấy một việc như vậy. Con thường đi qua nhiều nước, gặp gỡ nhiều người, nhưng chưa hề biết một vị trong số Bồ tát ấy. Vậy kính xin Thế Tôn nói cho con biết các Bồ tát ấy ở nước nào đến mà hốt nhiên từ đất vọt lên.

Cùng lúc ấy, các phân thân Phật Thích Ca từ vô lượng muôn ngàn ức cõi khác đồng đến ngồi xếp bằng trên tòa sư tử, dưới các cội báu trong tám phương. Những thị giả của các phân thân Phật Thích Ca cùng bạch hỏi về lai lịch của các Bồ tát từ đất vọt lên. Chư phân thân Phật đáp:

- Bồ tát Di Lạc đã hỏi Phật Thích Ca. Phật sẽ đáp. Vậy hãy chờ!

Khi ấy Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Bồ tát Di Lặc:

- Hay thay lời hỏi của Di Lặc! Ta sẽ tuyên bày trí huệ, thần thông, sức mạnh và uy thế của chư Phật, vậy hãy một lòng và tinh tấn nghe ta nói.

Sau khi nói một bài kệ lập lại lời vừa nói, Thế Tôn kêu Bồ tát Di Lặc nói:

- Những Bồ tát đông vô số kể và đã từ đất vọt lên, đều do ta giáo hóa chỉ dẫn, sau khi ta đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tất cả đều là bậc đã điều phục tâm mình, lòng sanh ý đạo, và ở trong hư không phía dưới thế giới Sa bà. Tất cả đã từng đọc tụng thông suốt kinh điển, phân biệt trong chỗ nghĩ suy và sửa cho thẳng những nhớ tưởng của mình. Nay Di Lặc, các Bồ tát ấy không thích ở chỗ đông người ồn ào, mà thường ưa ở nơi vắng lặng, siêng tu tinh tấn, chưa hề ngơi nghỉ, lại cũng không dừng bước ở cấp Nhân, Thiên, mà thường thích được trí huệ thâm sâu, không còn vướng phải một chướng ngại nào. Lại cũng thường vui nơi pháp Phật, một lòng tinh tấn cầu Vô thượng huệ.

Bồ tát Di Lặc và vô số Bồ tát, lòng sanh nghi hoặc, tự hỏi: “Làm thế nào mà trong một khoảng thời gian ngắn mà Thế Tôn giáo hóa được một số Bồ tát đông như thế?” Nghĩ xong, bèn bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, từ ngày còn là Thái tử bỏ cung điện ra đi, rồi đến khi ngồi dưới cội Bồ đề đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, từ ấy đến nay, mới vừa hơn bốn mươi năm, vậy làm thế nào mà trong khoảng thời gian ngắn ấy Thế Tôn lại giáo hóa cho vô lượng vô biên Bồ tát ấy được? Vì muốn thành tựu như các Bồ tát ấy, phải là người trong ngàn muôn ức kiếp, trồng các căn lành ở vô lượng vô biên nước Phật và thường tu phạm hạnh. Đàng này Thế Tôn thành đạo đến nay chưa bao lâu, còn các Bồ tát kia phải tu hành trong vô lượng kiếp mới đặng thần thông lớn, thì làm sao hiểu được câu chuyện cha trẻ con già này được. Riêng chúng con thì một lòng tin Phật, vì Phật không bao giờ nói ngoa, nhưng các Bồ tát mới phát tâm tu hành sau khi Phật diệt độ, có thể không tin lời Phật dạy. Vậy kính xin Thế Tôn giải nghi cho hàng mới phát tâm này, để họ khỏi phải đoạ vào nẻo ác.

\*\*\*

### **Huyền nghĩa**

*Bồ tát các cõi khác xin giúp Phật Thích Ca giáo hóa cõi Sa bà. Đức Phật từ khước, nói rằng Sa bà có đủ Bồ tát làm việc ấy.*

*Thế nghĩa là chúng sanh cõi Sa bà có khả năng tự độ, không cần một sự giúp đỡ từ bên ngoài. Ở trong một*

*Kinh khác, đức Phật há không nói: “Tự mình hãy thấp đước lên mà đi?”.*

*Phật vừa đáp xong là đất chuyển động và rạn nứt, rồi từ lòng đất vô số Bồ tát vọt lên. Đoạn này có nghĩa: khi tâm biết rằng chỉ có mình mới độ mình, chớ không ai độ mình được, thì liền khi ấy trong con người có một cuộc đại cách mệnh, một sự thay đổi lớn lao xảy ra, như trời long đất lở (xem lại phần Huyền nghĩa của phẩm 11-Hiện Bảo Tháp), mà ở đây Kinh thí-dụ như đất rạn nứt.*

*Vô số Bồ tát từ lòng đất vọt lên hàm hai nghĩa. Bồ tát tượng trưng cho các đức tánh từ bi, hỷ, xả, nhẫn nhục, tinh tấn v.v... Những đức tánh ấy ở đâu? Ở trong tâm, mà Kinh thí dụ cho đất (tâm địa).*

*Trước khi chưa được Phật giáo hóa, nghĩa là trước khi thức tỉnh (giác ngộ), con người lầm tưởng những đức tính ấy phải bắt từ ngoài tụ tập mới đem vào thân. Nay giác ngộ rồi thì thấy Hằng sa đức tánh đều nằm sẵn trong tâm, đầy đủ, không thiếu một ly hào nào, dầu trong lúc còn mê muội. Trạng thái ấy là trạng thái của mặt trăng bị mây án. Khi mây đã tan (giác ngộ), thì ánh sáng mặt trăng tỏ rạng (Bồ tát vọt lên) trước sau như một.*

*Mỗi Bồ tát từ đất vọt lên đều thân sắc vàng, đủ 32 tướng tốt như Phật và hào quang chói lòa. Các đặc điểm này chỉ rằng Bồ tát ở đây không có nghĩa là một vị Bồ tát mà là tiêu biểu cho một đức tướng như đã nói. Vì là một*

đức tướng (*une qualité, une vertu*) cho nên không sanh không diệt, thường tồn (thân sắc vàng y), trọn vẹn (*parfait, accompli*: 32 tướng tốt) và sáng suốt (hào quang chói lòa).

Cái nghĩa Bồ tát dụ cho đức tướng càng thấy rõ ở những điểm kế là: a) Bồ tát ở phía dưới cỡi Sa bà, ẩn trú trong hư không (phía dưới cỡi Sa bà là ở chỗ sâu kín nhất trong tâm chúng sanh, nhưng vì chỗ sâu kín ấy không lấy mắt thịt mà tìm kiếm ra, nên thí dụ cho hư không); b) các Bồ tát ấy lễ Phật và tán dương Phật trong 50 tiểu kiếp, Phật cũng ngồi lắng nghe trong 50 tiểu kiếp, nhưng nhờ sức thần của Phật, khoảng thời gian lâu xa ấy lại mau như nửa ngày. Phải quay đầu về với sự giác ngộ (quy y Phật) và thiết tha sùng mến sự giác ngộ (tán dương Phật) liên tiếp trong nhiều đời nhiều kiếp (50 tiểu kiếp) với một tâm hoàn toàn vắng lặng (Phật ngồi yên lặng), thì sự giác ngộ mới đến, nhưng khi nó đến thì mau như nửa ngày.

Bồ tát thì đông nên hiểu đức tướng thì nhiều nhưng nếu trước không có 4 đức sau đây thì mấy đức kia không xuất hiện được. Đó là: 1) Thượng Hạnh (những hành động hướng thượng, nghĩa là hướng về đời sống cao cả). 2) Vô biên Hạnh (những hành động không bờ bến, nghĩa là vượt ra khỏi vòng kiềm hãm, trói buộc của ngã chấp, của lòng ích kỷ). 3) Tịnh Hạnh (những hành động trong sạch, nghĩa là không bị tham, giận, si mê chi phối, sai sử). 4) An Lập Hạnh (đứng hẳn trong chỗ an ổn, nghĩa là



sống hoạt động, nhưng với một con tâm luôn luôn an ổn, không xao động vì sức cảm dỗ của ngoại cảnh hay những lo nghĩ của nội tâm).

Vì phải có bốn “Bồ tát” hay bốn đức này trước, các Bồ tát kia mới có sau, cho nên Kinh mới thí dụ 4 Bồ tát này (đức tướng) như 4 người lãnh tụ dẫn đường.

Câu hỏi: “Thế Tôn có ít bệnh, ít buồn, và được an vui không? Những người đáng độ, có thọ giáo dễ không? Họ không có làm cho Thế Tôn mệt nhọc chứ?” có một nghĩa ẩn mà chúng ta phải tìm trong câu đáp của đức Phật. Đây là câu đáp ấy: “Như Lai an vui, ít bệnh, ít buồn, các hàng chúng sanh dễ hóa độ, không có mệt nhọc”. Nên lưu ý: “Kinh không nói: Ta an vui, ít bệnh... mà nói: Như Lai an vui, và Như Lai là tâm. Khi tâm an vui, ít bệnh, ít buồn, tức là khi đã có “an lập hạnh”, “tịnh hạnh”, “vô biên hạnh”, và “thượng hạnh”, thì dễ mà hoán cải tâm tánh phàm phu (chúng sanh dễ hóa độ).

Tại sao dễ? Kinh nói: Vì chúng sanh đã được Phật dạy bảo nhiều đời và cũng đã từng trồng căn lành dưới thời các Phật quá khứ. Thế nghĩa là: tuy chúng sanh đầy dẫy tội lỗi, trong chúng sanh có sẵn muôn đức, tử như đã được “dạy bảo nhiều đời”. Lại nữa, chúng sanh nào, trong muôn ác phạm phải trong muôn lúc si mê đen tối, lại không làm được một vài điều thiện trong một vài phút giác ngộ, thức tỉnh. Như thế là đã “trồng căn lành dưới thời các Phật quá khứ”.

Còn những người tu tập theo hạnh Tiểu thừa, Phật cũng khiến cho nghe được Kinh Đại thừa. Nên hiểu: Dầu ai có ích kỷ thế mấy (tu hạnh Tiểu thừa), một khi giác ngộ (Phật khiến) cũng sẽ rời bỏ đời sống eo hẹp mà sống đời sống bao la, lấy vũ trụ làm nhà, lấy chúng sanh làm thân thuộc (nghe kinh Đại thừa).

Vì lối thí dụ của Phật khó hiểu khó nhận, cho nên Bồ tát Di Lặc (thay lời cho hàng chúng sanh nghi ngờ) mới bạch: “Bồ tát đâu mà đông thế? Ai thuyết pháp hóa độ họ? Họ tu tập theo pháp môn nào và họ ở đâu mà lại từ đất vọt lên?”.

Phật đáp: Nhờ có bốn đức phi thường (pouvoirs surnaturels) là: 1) Trí huệ vô biên, 2) Thần thông tự tại, 3) Sức mạnh nhanh chóng, 4) Sự can đảm, cho nên sau khi thành đạo, đức Phật mới giáo hóa cho vô lượng Bồ tát ở dưới đất vọt lên ấy. Nhưng giáo hóa được là vì các Bồ tát ấy trụ trong hư không ở phía dưới cõi Sa bà, nhân đó mà thông hiểu kinh điển mau lẹ. Tất cả lại còn ít gần nơi náo nhiệt, mà ưa vắng lặng, siêng tu, không thích hưởng phúc báo làm người, làm trời, mà chỉ ham được trí huệ cao sâu.

Phật giáo hóa được có nghĩa là sự giác ngộ đến được với mọi người, hay nói một cách khác, mọi người có thể giác ngộ được, là nhờ trong tâm con người có sẵn mọi khả năng, mọi đức tướng (Bồ tát), làm cho con người

*thông hiểu được Chân lý (thông hiểu kinh điển). Dầu vậy, phải tránh những nơi ồn ào, giam mình vào chỗ vắng lặng (tham thiền nhập định), siêng tu (tinh tấn), đừng ham tưởng quả phúc cõi thế gian và trên trời, mà chỉ mong cho được Trí huệ cao sâu là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.*

*Đến đây, Kinh lại đặt ra một nghi vấn khác. Trên đức Thích Ca đã bảo phải trải qua nhiều đời được Phật dạy bảo và cũng phải trồng căn lành dưới thời các Phật quá khứ, mới thành Bồ tát. Nay Phật lại nói chính Phật đã hóa độ tất cả vô số Bồ tát ấy, trong khi Phật thành Phật vừa trên 40 năm. Như vậy hóa ra cha trẻ mà con già, hay thầy non mà đệ tử lão sao?*

*Trong phẩm sau, Phật sẽ giải câu hỏi này. Tiện đây, chúng ta nên ghi điểm này: Đây là câu hỏi của bất cứ một ai không hiểu ý thâm của lời Phật dạy. Phật thí dụ, mà cứ tưởng là Phật nói sự thật, cho nên nghe nói Phật, Bồ tát, liền tin ngay là đức Phật, là các vị Bồ tát, không dè những danh từ ấy đều được dùng với nghĩa tượng trưng.*

## PHẨM THỨ 16



### NHƯ LAI THỌ LƯỢNG

(La dureté de la vie du Tathagata)

Bấy giờ đức Phật Thích Ca bảo các Bồ tát và đại chúng:

- Các người hãy nên tin lời thành thật của Như Lai!

Nói xong, Phật lập lại hai lần câu này.

Đứng đầu các Bồ tát và đại chúng, Bồ tát Di Lặc chấp tay ba phen bạch Phật:

- Thế Tôn, xin cứ nói, chúng con sẽ tin lãnh lời Phật.

Thấy hàng Bồ tát đã ba phen cầu thỉnh, đức Phật bèn nói:

- Hãy nghe đúng như sự thật, sức mạnh thần thông bí mật của Như Lai. - Tất cả thế gian, trời, người cùng A tu la đều nói rằng Phật Thích Ca, rời cung họ Thích, đến thành Già da (Gaya) cách đó không xa, ngồi nơi đạo tràng, chứng quả A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Nhưng này các thiện nam tử, ta muôn ức na do tha kiếp đã trôi qua. Giả sử có người đem năm trăm ngàn muôn ức na do tha a tăng kỳ tam thiên đại thiên thế giới, tán

nhỏ thành bụi, rồi đem một hạt bụi ấy đặt nơi hướng đông, sau khi vượt qua năm trăm ngàn vạn ức na do tha a tăng kỳ nước. Đặt xong, trở lại lấy một hạt khác và cũng đem đặt ở hướng đông như lần trước, cho đến khi nào số bụi nói trên bị dời đi hết. Nay các thiện nam tử, ý các người thế nào? Có thể tưởng tượng, đếm, tính, số thế giới trên đó các hạt bụi được đặt lên không?

Bồ tát Di Lạc và tất cả đều bạch:

- Thế Tôn, các thế giới ấy vô lượng vô biên, làm sao đếm, tính cho được, cũng không thể dùng sức tâm mà tưởng tượng được. Tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác, đến bậc “vô lậu” (A la hán) còn không thể suy tưởng được con số thế giới ấy, huống chi chúng con mới là “a duy bạt trí<sup>(1)</sup>” thì làm sao biết được.

Đức Phật nói:

- Nay các thiện nam tử, ta sẽ nói rạch ròi cho các người nghe. Cứ kể mỗi hạt bụi là một kiếp, thì từ ta thành Phật đến nay, số kiếp trôi qua còn nhiều hơn số trăm ngàn muôn ức na do tha a tăng kỳ hạt bụi ấy. Từ ấy tới nay, ta luôn ở tại thế giới Ta bà thuyết pháp, giáo hóa, lại cũng ở nơi khác tại trăm ngàn muôn ức na do tha nước, dắt dẫn chúng sanh một cách ích lợi. Nay các thiện nam tử, trong khoảng thời gian đó, ta nói có Phật Nhiên

---

1. *A duy bạt trí hay A bề bạt trí = bất thoái chuyển (không lùi bước).*

Đặng v.v..., và cũng nói có chư Phật nhập Niết bàn, nhưng tất cả đều là phương tiện mà phân biệt (nói có thành Phật, có nhập Niết bàn). Nay các thiện nam tử, nếu có chúng sanh nào đến chỗ ta ở, ta lấy Phật nhãn xem coi các căn của chúng sanh ấy nhứt, bén thế nào, rồi theo đó mà độ. Mỗi nơi, ta tự xưng với những danh hiệu bất đồng và cho biết tuổi tác lớn nhỏ cũng khác nhau, lại nói sẽ nhập Niết bàn và còn dùng nhiều phương tiện khác để nói bày Pháp vi diệu, hầu làm cho chúng sanh phát tâm hoan hỷ.- Nay các thiện nam tử, vì thấy chúng sanh thích nơi “tiểu pháp”, đức mỏng, bản trọng, cho nên Như Lai phải vì hạng ấy mà nói rằng ta lúc trẻ xuất gia, rồi đặng Vô lượng Chánh đẳng Chánh giác. Thật ra, từ ta thành Phật đến nay, lâu hơn thời gian ấy nhiều. Đây chẳng qua là phương tiện mà nói như vậy thôi, để giáo hóa chúng sanh và khiến họ nhập Phật đạo. Nay các thiện nam tử, kinh điển của Như Lai nói ra, đều nhắm chỗ độ thoát chúng sanh, nhưng khi nói về thân mình, khi nói về thân người khác, hoặc chỉ việc mình, hoặc chỉ việc người khác, nhưng dầu trong trường hợp nào, tất cả lời của Như Lai đều chân thực chẳng dối. Tại sao vậy? Vì đúng như thật, Như Lai thấy tướng của ba cõi không có sanh tử, không lui, không xuất, không ở đời mà cũng không diệt độ, chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải như vậy, cũng chẳng phải khác, ba cõi chẳng

phải như vậy mà lại thấy có ba cõi<sup>(1)</sup>. Các việc như thế, Như Lai thấy rõ, không bao giờ có sự sai lầm. Nhưng vì chúng sanh tâm tánh khác nhau, ý muốn khác nhau, tưởng nhớ khác nhau, cho nên phải dùng nhân duyên, thí dụ, lời nói khác nhau để thuyết pháp, khiến họ sanh căn lành, Những việc của Phật làm (Phật sự) chưa từng dừng bỏ. Như vậy, từ ta thành Phật tới nay, thật rất lâu xa, còn thọ mạng thì dài vô lượng a tăng kỳ kiếp, và luôn luôn trú trong bất diệt. Nay các thiện nam tử, những hành vi theo đạo Bồ tát của ta đến nay chưa phải là hết đâu, vì vậy thọ mạng của ta còn dài gấp mấy lần con số nói trên. Tuy nhiên, dầu chưa thực diệt độ, ta vẫn nói là sẽ diệt độ, để làm phương tiện giáo hóa chúng sanh. Sao

- 
1. Ô. E.Burnouf dịch đoạn này như sau: *“Pourquoi cela? C’est que le Tathâgata voit la réunion des trois mondes telle qu’elle est; ce monde (à ses yeux) n’est pas engendré, et il ne meurt pas, il ne disparaît pas et il ne naît pas, il ne roule pas dans le cercle de la transmigration, et il n’entre pas dans l’anéantissement complet; il n’a pas été et il n’est pas, n’ayant pas été; il n’est pas existant, et il n’est pas nonexistant; il n’est pas ainsi, et il n’est pas autrement; il n’est pas faussement, et il n’est pas réellement; il n’est pas autrement, et il n’est pas ainsi; c’est de cette manière que le Tathâgata voit la réunion des trois mondes; en un mot, il ne la voit pas comme la voient les hommes ordinaires et les ignorants.*

vậy? Vì nếu Phật ở lâu tại thế thì hạng người đức mỏng không chịu trông căn lành, cứ giữ mãi thói bản cùng hạ tiện, tham đắm năm món dục lạc (tiền của, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ). Đã mắc vào lưới nhớ tưởng vọng kiến mà nếu thấy Như Lai ở đây mãi mãi không diệt độ, thì làm sao không sanh kiêu mạn, phóng tâm, bỏ phước và giải đãi, và như vậy thì không tưởng đến và cũng không sanh lòng cung kính Phật như một bậc khó gặp.

Này các Tỳ khưu, nên biết chư Phật xuất thế là điều khó gặp. Vì sao? Những người đức mỏng trải qua vô lượng trăm ngàn ức kiếp, có khi gặp Phật mà có khi cũng không gặp. Vì vậy cho nên ta nói Như Lai khó thấy. Nghe lời nói này, chúng sanh tất nghĩ đến lẽ ngàn năm một thuở mà sanh lòng luyến mộ, khao khát mà trông căn lành. Bởi cố, tuy không thực diệt độ, mà vẫn nói là diệt độ. Lại nữa, này thiện nam tử, Pháp của chư Phật Như Lai cũng vậy, đều chân thực, không hư dối, và chỉ có một mục đích là đưa dắt chúng sanh. Thí dụ có một ông thầy thuốc giỏi, trí huệ sáng suốt, phương dược khéo luyện, bệnh nào cũng trị hết, nhà con cái rất đông. Gặp lúc ông có việc phải đi ra nước ngoài, các con ở nhà uống phải thuốc độc, cơn điên nổi lên, té nằm dưới đất. Ngay lúc đó, ông cha về đến nhà. Các con của ông, có đứa mất tâm (thất bổn tâm), có đứa còn tâm (bất thất bổn tâm), nhưng khi xa thấy cha về, tất cả đều vui mừng,



quì lạy chào hỏi và thưa vì ngu si nên uống phải độc dược, xin cha cứu tử. Cha thấy con khổ não như vậy, bèn theo các phương đã kinh nghiệm mà chế thuốc, màu sắc hương vị đều tốt đẹp và bảo các con uống: “Đây là lương dược, mùi ngon sắc đẹp, các con hãy uống đi thì sẽ mau trừ khổ não và bao nhiêu khổ hoạn sẽ không tái phục”. Những đứa không mất tâm nghe xong liền uống và được hết bệnh. Còn những đứa mất tâm, tuy thấy cha cũng vui mừng, cầu xin chữa bệnh, nhưng thuốc thì không chịu uống. Vì sao? Vì bị độc thấm sâu, đã mất tâm trí rồi, cho nên thuốc ngon sắc đẹp, lại cho là không ngon không đẹp. Ông cha thấy vậy mới suy nghĩ: Những đứa này mới đáng thương, thấy cha vui mừng cầu cứu, nhưng khi cho thuốc lại không chịu uống. Ấy cũng vì bị chất độc cho nên tâm trí đều điên đảo, vậy phải dùng chước mới được. Nghĩ xong, ông mới nói rằng: Cha nay già yếu, sắp chết nay mai, có mấy món thuốc hay để lại, các con nên giữ mà dùng, khỏi sợ lầm thuốc dở. Nói rồi ông bỏ nhà ra đi qua nước khác và cho người về báo tin ông đã chết. Hay tin dữ, các con thất tâm của ông mới nghĩ, cha lành đã chết thì nay còn ai đâu mà cứu hộ cho mình! Vì thường nhớ thương như thế, tâm bèn tỉnh ngộ, biết thuốc của cha để lại là hay, liền lấy ra dùng, bao nhiêu độc bệnh đều lành hết. Nghe tin này, ông cha trở về xứ cho con thấy mặt.

Này thiện nam tử, các người nghĩ thế nào? Nói dối như ông lương y kia, có phải là một tội không?

- Bạch Thế Tôn, không.

Đức Phật nói:

- Ta cũng thế. Từ thành Phật đến nay, vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức na do tha a tăng kỳ kiếp, nhưng vì muốn cứu độ chúng sanh, cho nên phương tiện mà nói là sẽ diệt độ. Như vậy, đối với sự thật, cũng không thể nói rằng ta đã phạm tội nói sai nói dối.

### **Huyền nghĩa**

*Để giải thích cái nghi vấn “cha trẻ con già”, Phật cho biết hạn lượng của đời sống Như Lai.*

*Thế gian thấy có Thái tử sanh ra, lớn lên bỏ nhà đi tu thành Phật, và thành Phật rồi mới bắt đầu thuyết pháp độ đời. Vậy Phật có một đời sống có thì, và cuộc đời ấy sẽ có chung, và Phật cho hay sẽ diệt độ.*

*Đó là một sự thật, nhưng là một sự thật trong tương đối (verité relative), trong thế giới hữu hình và hiện tượng (phénoménal), của thể xác đức Phật Thích Ca.*

*Còn trong ý đức Thích Ca, chữ Phật hay Như Lai đề cập ở đây, không chỉ cái thể xác mà chỉ cái gì ở trong thể xác ấy. Trong văn chương ta có câu:*

**“Thác là thể phách, còn là tinh anh”.**

*Còn là không chết, mà không chết thì cũng không có sanh. Vậy cái tinh anh nói ở đây ám chỉ cái mà Phật pháp gọi là Tâm, hay Phật, hay Như Lai.*

*Vậy nếu trong câu: “Ta từ thành Phật đến nay, vô lượng vô biên kiếp đã trôi qua, chúng ta thay hai chữ “Ta” và “Phật” bằng chữ “Tâm”, chúng ta sẽ có câu: “Tâm từ thành Tâm đến nay”. Nhưng từ Tâm mà thành Tâm thì câu nói ấy chỉ có nghĩa: Từ Tâm là Tâm (depuis que Tâm est Tâm).*

*Tâm có từ bao giờ? Tâm là bản thể bất sanh của vũ trụ, mà hể bất sanh thì đâu có bắt đầu (thỉ), vì vậy mà nói là vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức na do tha a tăng kỳ kiếp, với nghĩa “một thời gian vô cùng vô cực” (temps infini).*

*Nếu đã là không sanh thì Tâm cũng không diệt.*

*Kinh điển bảo Phật đã nhập Niết bàn tại rừng Ta la. Chính đức Phật cũng có nói: Ta sắp nhập Niết bàn, các đệ tử có thắc mắc điều gì thì nên hỏi, để sau khỏi hối tiếc.*

*Trên thực tế của thế gian, nhập Niết bàn chỉ có nghĩa là chết. Nhưng chết cũng là thể xác mà thôi, còn tinh anh thì thường tại luôn luôn, và tinh anh ấy mới thật là Phật, chớ xác kia nào phải là Phật!*

*Để cho dễ hiểu, xin lấy một thí dụ.*

*Trên trời, chỉ có một vầng thái dương nhưng khi ánh sáng rọi xuống mặt đất và lóng lánh trong mỗi hạt sương trên ngọn cỏ, thì nhấp nhô không biết bao nhiêu là mặt trời.*

*Tâm bản thể của vũ trụ muôn loài là vầng thái dương: tâm ở mỗi chúng sanh là những lóng lánh ở mỗi hạt sương. Những lóng lánh này có đầy đủ công năng, đức tướng của vầng thái dương kia, vì vậy Kinh nói: Tâm, Phật, chúng sanh, tuy ba mà không sai biệt (khác nhau).*

*Nói một chúng sanh nào đó đã thành Phật, là nói Tâm ở chúng sanh ấy đã trở về với cái bản lai thanh tịnh của nó, mà như thế là y như Tâm vũ trụ, bất diệt, thường tại vô lượng vô biên kiếp, Tâm ấy là cái mà Triết học gọi là cái Vô cùng (l'Infini).*

*Chúng sanh mà thành Phật được, là nhờ nhận thức chân tâm của mình và xếp đặt nếp sống của mình (tu) theo chiều hướng của chân tâm thúc đẩy. Đi theo chiều hướng đó là được tâm soi sáng (Kinh gọi là Phật giáo hóa), là đi trên con đường Phật (Phật đạo).*

*Mà chúng sanh nào không đi từ tối ra sáng, không rút kinh nghiệm để biến dở thành hay. Đó là sự nhận xét của “tiểu pháp”, còn đúng theo sự thật và “đại pháp”, thì con người nguyên là sáng nhưng lại đại khờ bỏ sáng theo tối, nay chỉ có trở lại với nguồn sáng sẵn có là thành tựu. Sự giáo hóa hay thức tỉnh ấy, ai cũng hưởng được và*

*chính tự tâm hay ông Phật của mình ban cho mình, mà tâm mình thì vô thỉ vô chung, thì trên sự thật mình được giáo hóa không biết từ đời nào, chớ không phải chỉ từ khi có đức Phật Thích Ca ra đời.*

*Vậy cha không trẻ mà rất già, già với một số tuổi không tính đếm được.*

## PHẨM THỨ 17



### PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC

(Proportion des mérites)

Khi đó, Thế Tôn bảo Bồ tát Di Lặc:

Này A Dật Đa! Lúc ta nói về thọ mạng lâu dài của Như Lai, thì có:

- Sáu trăm tám muôn ức na do tha Hằng sa chúng sanh đặng “Vô sanh pháp nhẫn”<sup>(1)</sup>.

- Một số đại Bồ tát ngàn lần gấp đôi đặng môn “văn trì đà la ni”<sup>(2)</sup>.

- Một số đại Bồ tát đông như một thế giới vi trần đặng “nhạo thuyết vô ngại biện tài”<sup>(3)</sup>.

- Một số đại Bồ tát đông như một thế giới vi trần đặng trăm ngàn muôn ức vô lượng môn “triền đà la ni”<sup>(1)</sup>.

- 
1. Vô sanh pháp nhẫn: Mức giác ngộ của hàng Bồ tát đã đắc chân trí và an trụ vào lý thể của sanh diệt.
  2. Văn trì đà la ni: Nghe pháp hiểu nhớ.
  3. Nhạo thuyết vô ngại biện tài: Thích nói pháp và có tài biện luận thông suốt.

- Một số đại Bồ tát đồng như vi trần của tam thiên đại thiên thế giới chuyển được “pháp luân bất thối”<sup>(2)</sup>.

- Một số đại Bồ tát đồng như vi trần của nhị thiên quốc độ chuyển được “pháp luân thanh tịnh”<sup>(3)</sup>.

- Một số đại Bồ tát đồng như vi trần của tiểu thiên quốc độ, trong 8 đời tái sanh sẽ được “Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

- Một số đại Bồ tát đồng như vi trần của bốn tứ thiên hạ<sup>(4)</sup>, trong 4 đời tái sanh, sẽ đặng “Chánh đẳng Chánh giác”.

- Một số đại Bồ tát đồng như vi trần của ba tứ thiên hạ, trong 3 đời tái sanh, sẽ đặng “Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

1. *Triền đà la ni*: Trong cửa pháp, ra vào vô ngại, nghĩa là thông hiểu đầy đủ, muốn giải thích thế nào cũng được.
2. *Pháp luân bất thối*: Đẩy bánh xe pháp tới hoài không lùi.
3. *Pháp luân thanh tịnh*: Pháp luân là bánh xe Pháp. Tuy một danh từ thường dùng để chỉ giáo pháp của Phật, nhưng có khi đặc biệt chỉ Bát Chánh đạo. Bánh xe có trục, cãm, vành; Pháp Phật cũng có ba tướng nhu thế (huệ, định, giới) Thanh tịnh là trong sạch - Ở đây ý nói, được sự thanh tịnh như người tu giới, định, tuệ.
4. *Bốn tứ thiên hạ*: Âm chỉ 4 châu: 1) Đông thắng, 2) Tây ngưu, 3) Bắc cu lô, 4) Nam thiệm cũng gọi là Nam diêm phù đề là trái đất chúng ta hiện ở.

- Một số đại Bồ tát đông như vi trần của hai tứ thiên hạ, trong 2 đời tái sanh, sẽ đặng “Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

- Một số đại Bồ tát đông như vi trần của một tứ thiên hạ, trong 1 đời tái sanh, sẽ đặng “Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

- Một số chúng sanh nhiều như vi trần của tam thế giới, đều phát tâm “Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

Đức Phật nói xong, một trận mưa hoa báu từ hư không rơi xuống trên vô lượng trăm ngàn muôn ức Phật ngồi trên tòa sư tử, dưới cội cây báu, trên đức Phật Thích Ca và đức Phật Đa Bảo đang ngồi trong tháp bảy báu, và trên tất cả Bồ tát và bốn bộ chúng. Lại có trận mưa hương bột chiên đàn, hương trầm thủy, và trống trời tự vang. Lại có trận mưa thiên y (áo trời) và trên không thòng xuống các thứ chuỗi ngọc, các lò hương báu đốt hương vô giá để cúng dường đại chúng.

Trên mỗi đức Phật có các Bồ tát tay cầm phan lọng, trước sau lên đến trời Phạm thiên, dùng âm thanh vi diệu, ca vô lượng bài kệ tán thán chư Phật.

Khi ấy Bồ tát Di Lặc đứng dậy lễ Phật rồi nói một bài kệ nhắc lại và xưng tụng những lời Phật vừa dạy.

Bồ tát Di Lặc nói kệ xong, Phật nói:



- Này A Dật Đa! Chúng sanh nào nghe Phật thọ mạng lâu dài như thế mà chỉ sanh được một niềm tin tưởng, thì đặng công đức không thể hạn lượng. Công đức này lớn lao cho đến nỗi đem công đức tu 5 ba la mật đầu (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định) trong 80 muôn ức na do tha kiếp ra so sánh, thì trong muôn ức ngàn phần, công đức tu ba la mật không kịp một. Lại nữa, ai được công đức tin tưởng như trên thì không bao giờ thoái bước trên đường dẫn đến Chánh giác.

Sau khi nói một bài kệ đáp lại ý trên, đức Phật nói tiếp:

- Này A Dật Đa! Người nào nghe nói về thọ mạng lâu dài của Phật mà hiểu được cái ý thú trong lời nói đó, thì người ấy đặng công đức vô lượng, lại có thể phát khởi trí huệ vô thượng của Như Lai. Huống là người rộng nghe Kinh Pháp Hoa, hoặc bảo người nghe, hoặc tự thọ trì, hoặc bảo người thọ trì, hoặc tự chép, hoặc bảo người chép, hoặc dùng mọi thứ hương hoa v.v... cúng dường Kinh, người ấy đặng công đức vô biên có thể sanh “nhất thế chủng trí” (trí Phật).

Này A Dật Đa! Còn thiện nam tử, thiện nữ nhân nào nghe ta nói mà sanh lòng tin hiểu chắc về thọ mạng lâu dài của Phật, thì người ấy ắt thấy Phật thường tại Kỳ xà quật nói Pháp cho các đại Bồ tát và Thanh văn vây quanh nghe. Chẳng những thế, mà còn thấy đất cõi Ta

bà bằng lưu ly, mặt liền bằng thẳng, tám nẻo rào bằng dây vàng ròng, bảy hàng cây báu và lầu đài cũng đều bằng bảy báu hợp thành, trong có Bồ tát ở. Ai mà quán tưởng được như thế, thì nên biết đó là biểu hiện của một lòng tin tưởng sâu chắc.

Lại nữa, sau khi Phật diệt độ, ai nghe Kinh này mà không chê bai, sanh lòng tùy hỷ, thì đó cũng là biểu hiện của một lòng tin hiểu sâu chắc. Còn ai đọc, tụng, lãnh giữ Kinh này, thì người đó đầu đội Như Lai.

Này A Dật Đa! Tin hiểu được như thế, thì không cần vì ta mà dựng chùa tháp, cũng không cần cất tăng phường và dùng “tứ sự” cúng dường chúng Tăng. Vì sao? Vì thọ trì đọc tụng được kinh này là đã dựng tháp, tạo lập tăng phường, là đã dùng hương hoa, chuỗi ngọc, tràng phan, kỹ nhạc... tán thán chư Phật trong muôn ngàn ức kiếp rồi.

Này A Dật Đa! Thọ trì, đọc, tụng Kinh này được công đức như thế, hà huống còn tu hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm (thiền định) và trí tuệ, thì công đức này không còn gì hơn.

Nếu thọ trì đọc tụng Kinh này mà còn tạo tháp xây dựng tăng phường, cúng dường, khen ngợi chúng Thanh văn và Bồ tát, hoặc giải nói Kinh Pháp Hoa rồi còn thanh tịnh trì giới, nhẫn nhục, quý việc ngồi thiền, tinh tấn mạnh mẽ, căn lành trí sáng, thì đó là những người đã

đến Đạo tràng, gần ngôi dưới cội Đạo để chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tới đây, đức Phật nói một bài kệ nhắc lại ý trên.

\*\*\*

## Huyền nghĩa

**I- Những “pháp lợi” (những sự lợi ích của Pháp) khi được nghe Phật nói về “thọ mạng của Như Lai”.**

*Như Lai là Tâm, mà Tâm thì bất sanh (non-né) cho nên bất diệt (non-mort), do đó nói thọ mạng của Như Lai không cùng không cực.*

*Trong mỗi con người, có hai phần: a) phần sanh diệt là ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) tức là xác thịt và tinh thần; b) phần bất sanh và bất diệt (hay vô sanh), tức là Tâm hay bản thể. Phần trước thì đổi dời (vô thường), phần sau không đổi dời (thường). Chính phần sau này mới là con người thật (Chân nhân hay Chân ngã), còn phần trước là con người bề ngoài (homme apparent), con người giả (Giả ngã).*

*Từ trước đến giờ, ai cũng lấy phần giả làm thiệt cho nên lầm tưởng mình có sanh, có chết và sống theo sự kích thích của xác thịt, tình cảm và tư tưởng, nghĩ ngợi. Nay Phật đem sự thật ra nói và dạy cho biết con người thật là Tâm, là Như Lai, không sanh cũng không diệt, sống mãi đời đời, không cùng không tận.*

*Ai nghe được chân lý này và hiểu được thì thu hoạch được nhiều lợi ích. Nhưng không phải đồng là người mà thụ hưởng được những sự lợi ích như nhau. Vì căn cơ của chúng sanh không đều, cho nên sự hiểu biết về “Như Lai thọ mạng” cũng không đều: hiểu biết không đều cho nên sự lợi ích hưởng được trong chỗ giác ngộ cũng không đều. Vì vậy, hiểu cạn, hưởng lợi ích nhỏ thì nhiều, mà hiểu sâu và hưởng lợi ích to, thì càng sâu càng ít.*

Những sự lợi ích ấy như thế nào? Đại khái có 8:

1) **Vô sanh pháp nhẫn** (kiến tánh): rất đông người được: 6 trăm tám mươi vạn ức na do tha Hằng sa chúng sanh.

2) **Văn trì đà la ni** (nghe hiểu và nắm giữ được) số người hưởng được là hàng Bồ tát một ngàn lần nhiều hơn.

3) **Nhạo thuyết vô ngại biện tài** (thích nói Pháp và có biện tài): đại Bồ tát nhiều như vi trần của một thế giới.

4) **Triền đà la ni** (thông hiểu đầy đủ, ra vào cửa Pháp vô ngại): đại Bồ tát nhiều như vi trần của một thế giới.

5) **Pháp luân bất thoái** (tu hành tinh tấn): đại Bồ tát nhiều như vi trần của tam thiên.

6) **Pháp luân thanh tịnh** (được sự thanh tịnh): đại Bồ tát nhiều như vi trần của hai ngàn cõi.

7) **Vô lượng Chánh đẳng Chánh giác** (thành Phật): 4 hạng đại Bồ tát nhiều ít khác nhau và mau chậm cũng khác nhau.

8) **Phát tâm vô thượng** (phát tâm tu thành Phật): chúng sanh nhiều như vi trần của 8 thế giới.

**II- Những công đức của người hiểu và tin lời dạy của Phật về Như Lai thọ mạng.** Quan trọng vô cùng và hơn công đức của những người tu 5 ba la mật đầu là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn và thiền định. Chỉ những ai có tu thêm ba la mật thứ sáu là Trí huệ thì công đức mới to hơn.

**III- Kết quả của lòng tin thuyết Như Lai thọ mạng:**

*Tin thuyết này là người khai mở trí huệ nhờ đó mà cái thấy được biến cải:*

a) *Không thấy chúng sanh mà thấy Phật, tức là không đãi chúng sanh theo hình tướng (sắc) mà đãi theo Như Lai (chân tâm thực tướng).*

b) *Không thấy Ta bà ược độ mà thấy quốc độ thanh tịnh. Cõi này do Tâm hay Như Lai mà biến hiện và Ta bà thật ra không ược mà cũng không tịnh. ược hay tịnh là do tâm chúng sanh. Chúng sanh tâm ược thì Ta bà là ược trước. Tâm chúng sanh thanh tịnh thì Ta bà là nước Phật.*

*Hướng chi trên căn bản, Ta bà là hoàn toàn thanh tịnh vì từ Tâm, từ bản thể, từ Như Lai xuất phát ra.*

#### **IV- Tin như thế là pháp cúng dường tối thượng:**

Lối cúng dường thường là dựng chùa tháp, xây cất tăng phường hay lo miếng ăn, thức uống, nhà cửa, quần áo, thuốc men cho chư Tăng. Nhưng cúng dường những thứ ấy để làm gì há không phải với lòng mong được khai ngộ đến mức “minh tâm kiến tánh”? Mà minh tâm kiến tánh là thấy được Như Lai ở trong ta, đức Như Lai thọ lượng vô cùng, hay Tâm bất sanh bất diệt. Tánh hoàn toàn sáng suốt của ta.

Nay nghe Phật giảng về Như Lai thọ mạng và đã hiểu được Phật muốn nói gì, thì là đã nhận ra cái “Vô sanh” rồi. Ngộ đặng “Vô sanh”, là đạt đến mục đích của cúng dường, thì còn cúng dường nữa làm gì?

**V- Nhưng có một thứ công đức cao nhất:** Đó là công đức của người vừa hiểu vừa tin thuyết Như Lai thọ mạng (nghĩa là minh tâm kiến tánh) mà cũng vừa hành 5 ba la mật, lại vừa tạo tháp, xây cất tăng phường và cúng dường mọi thứ.

**VI- Kết luận phẩm này:** *Biết trong mình có Như Lai thọ mạng vô cùng, là bậc sáng suốt, giác ngộ rồi. Nhưng đó mới là giai đoạn “tin và hiểu”. Bây giờ cần phải thực hiện cái hiểu bằng năm phép tu ba la mật, luôn cả những việc cúng dường bề ngoài. Hãy suy nghiệm về*

*câu: “Phật tử trụ thử địa, thị tắc Phật thọ dụng” (Làm tất cả những việc kể trên là cái Phật của mình có chỗ dùng - hay nói một cách khác - là diễn đạt trong thực tế cái Như Lai đã tin hiểu và nhận nơi mình).*

## PHẨM THỨ 18



### TÙY HỖ CÔNG ĐỨC

(Indication du mérite de la satisfaction)

Lúc bấy giờ Bồ tát Di Lạc bạch Phật:

- Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào nghe Kinh Pháp Hoa mà lòng vui đẹp (tùy hỷ), thì những người ấy đặng bao nhiêu phước đức?

Phật bảo Bồ tát Di Lạc:

- A Dật Đa! Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, ưu bà tắc, ưu bà di cùng hạng người trí khác, nghe Kinh này mà lòng vui đẹp, rồi từ trong pháp hội ra đến chỗ khác hoặc tại nơi chư Tăng ở (tăng phường), hoặc chỗ vắng vẻ, hoặc nơi thành ấp, đường sá, xóm làng, ruộng rẫy, đem điều đã nghe, tùy sức mà diễn thuyết cho cha mẹ, họ hàng, bạn lành, bạn học cùng nghe, rồi những người này nghe xong lại đi chuyển dạy cho người khác nữa, như vậy cho tới người thứ năm mươi, thì, này A Dật Đa, công đức nghe Kinh vui đẹp của hàng thiện nam tử nữ nhân thứ năm mươi đó sẽ được như lời ta sắp nói đây, người hãy lắng nghe.



Nếu có người làm hạnh bố thí, ban cấp những thức cần dùng cùng ngọc ngà, châu báu, voi ngựa, xe cộ, cung điện, lầu gác cho vô số chúng sanh trong vô số thế giới, suốt một thời gian là 80 năm. Tài thí như vậy xong rồi, vị thí chủ ấy lại nghĩ đến việc đem Phật pháp ra mà dạy dỗ dìu dắt chúng sanh lúc ấy đã già suy, tuổi quá tám mươi, tóc bạc mặt nhăn, không bao lâu sẽ chết. Vị thí chủ ấy liền nhóm chúng sanh giáo hóa, khiến chúng đặng quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán. Ý của ông nghĩ sao? Công đức của vị đại thí chủ đó có nhiều chăng?

Bồ tát Di Lặc bạch Phật:

- Thế Tôn! Công đức của người ấy nhiều vô lượng vô biên. Nội việc tài thí đã là vô lượng rồi, hà huống còn pháp thí đến đặng quả A la hán.

Phật bảo Bồ tát Di Lặc:

- Ta rành nói người nghe nhé! Công đức của vị thí chủ ấy không bằng một trong trăm ngàn muôn ức phần công đức của người thứ năm mươi nghe Kinh Pháp Hoa mà lòng vui đẹp.

Này A Dật Đa, người nghe Kinh Pháp Hoa thứ năm mươi mà còn được công đức tùy hỷ vô lượng vô biên như thế, huống hồ hạng người nghe Kinh lúc ban sơ, ngay trong Pháp hội.

Này A Dật Đa! Nếu có người vì lòng muốn nghe Kinh này mà đến chùa, hoặc ngồi, hoặc đứng, dầu trong chốc lát để nghe nhận lời Kinh, người ấy sẽ có những công đức nhờ đó mà sẽ tái sanh trong cảnh giàu có rồi sau lại lên thiên cung.

Còn người nào, trong chỗ giảng Kinh mà biết khuyên người đến sau ngồi nghe, hoặc chia chỗ cho ngồi, thì người ấy, khi chuyển thân, đặng chỗ ngồi của Đế Thích, Phạm vương hay Chuyển luân Thánh vương.

A Dật Đa! Nếu lại có người giới thiệu và khuyến khích người khác đi nghe giảng Kinh Pháp Hoa, và người được khuyên nhận lời đến nghe, dầu trong chốc lát, thời người giới thiệu và khuyến khích đặng công đức, khi chuyển thân, cùng sanh một nơi với hàng Bồ tát “đà la ni”, căn tánh bén nhọn, có trí huệ, trăm ngàn muôn đời chẳng hề ngọng câm, miệng lưỡi không hôi thối, môi răng tốt đẹp, mặt mày đoan trang, mũi lớn cao thẳng.

A Dật Đa! Người thử xem: khuyên một người đi nghe Pháp mà được công đức như thế, hà huống một lòng (nhất tâm) nghe, nói, đọc, tụng kinh Pháp Hoa, lại trong đám đông vì người mà giải thích và tu hành đúng như lời nói trong Kinh.

\*\*\*

**Huyền nghĩa**

*Vui sướng nghe Kinh, dầu trong chốc lát, vui sướng mời kẻ khác cùng nghe, chia chỗ cho kẻ khác cùng ngồi nghe, giới thiệu, khuyến khích người nghe, tất cả những công đức ấy lớn lao vô cùng, không thể đem những công đức tài thí, pháp thí của Tiểu thừa mà so sánh được.*

*Tại sao? Tài thí và pháp thí của Tiểu thừa chưa phải là con đường đưa đến sự Giải thoát hoàn toàn, chưa phải là ánh sáng giúp chúng sanh tự thấy có khả năng thành Phật, nói tóm, chưa vạch cho chúng sanh thấy Sự Thật trong Kinh Pháp Hoa.*

*Nghe Kinh Pháp Hoa mà thích, mà vui là người chẳng phải tầm thường, nhưng công đức chưa bằng hạng người vui nghe và khuyến khích người khác cùng nghe như mình. Ở hạng sau này, lòng vị tha của Bồ tát đã phát khởi.*

*Nhưng cũng chưa bằng công đức của người nghe diễn, đọc, tụng và tu hành đúng như Kinh dạy.*

## PHẨM THỨ 19



### PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC

(Le Perfectionnement des sens)

Lúc bấy giờ, Phật bảo Bồ tát Thường Tinh Tấn:

- Nếu có trai lành gái tín nào lãnh giữ Kinh Pháp Hoa này bằng cách hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, thì người đó đặng:

- 800 công đức về mắt
- 1200 công đức về tai
- 800 công đức về mũi
- 1200 công đức về lưỡi
- 800 công đức về thân
- 1200 công đức về ý.

Dùng những công đức ấy mà trang nghiêm (làm cho tốt đẹp) sáu căn, thì sáu căn được thanh tịnh.

**1- Nhãn căn công đức.** Đôi mắt thịt cha mẹ sanh ra, nếu được thanh tịnh, thì thấy được tất cả núi rừng, sông biển trong ngoài ba ngàn đại thiên thế giới, thấp đến địa ngục A Tỳ (Avici), cao đến Trời Hữu đảnh; cũng thấy được tất cả chúng sanh trong các thế giới ấy, cùng

những nghiệp nhân, nghiệp báo và những nơi sanh do quả báo định. Tất cả những sự việc ấy đều thấy, đều biết với đôi mắt phàm thanh tịnh

**2- Nhĩ căn công đức.** Đôi tai cha mẹ sanh ra, một khi được thanh tịnh rồi, thì nghe được tất cả các thứ tiếng khắp ba ngàn đại thiên thế giới, như:

- Tiếng voi, ngựa, trâu, xe (thú vật)
- Tiếng khóc la, buồn than
- Tiếng trống, tiếng loa, chuông lớn, chuông nhỏ
- Tiếng cười, tiếng nói
- Tiếng trai, tiếng gái, tiếng con nít nam nữ
- Tiếng Pháp, tiếng chẳng phải Pháp
- Tiếng khổ, tiếng sướng
- Tiếng phàm phu, tiếng Thánh nhân
- Tiếng đáng vui, tiếng chẳng đáng vui
- Tiếng trời, tiếng rồng, tiếng các hàng A tu la
- Tiếng lửa, tiếng nước, tiếng gió
- Tiếng địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ
- Tiếng tà kheo, tà kheo ni, Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật.

Tóm lại, tuy chưa được thiên nhĩ, nhưng nếu đôi tai tầm thường của cha mẹ sanh ra mà thanh tịnh rồi, thì tất cả các thứ tiếng trong ngoài ba ngàn đại thiên thế giới,

đều nghe được và phân biệt từng loại một, nhưng không vì đó mà “nhĩ căn” phải bị hư hoại.

**3- Tỷ căn công đức.** Lãnh giữ Kinh Pháp Hoa thì mũi được thanh tịnh, nhờ đó mà “nghe” được các mùi trong ba ngàn đại thiên thế giới và phân biệt được:

- Mùi các thứ hoa tu mạn na, xà đề, mạn lợi v.v..
- Mùi các thứ hoa sen xanh, vàng, trắng, đỏ
- Mùi cây có hoa, mùi hoa cây có trái
- Mùi các thứ hương.

Lại rõ biết các thứ mùi chúng sanh, như:

- Mùi thú vật (voi, ngựa, dê, trâu v.v..)
- Mùi trai, gái, con nít nam, nữ
- Mùi cỏ cây, rừng bụi, hoặc xa, hoặc gần.

Dầu ở đây, vẫn nghe:

- Các mùi cây, hoa trên trời
- Mùi nhân dân cõi trời ở các cung điện hưởng phước, hoặc ở diệu pháp đường nói pháp, hoặc khi dạo chơi.

Lại cũng nghe được:

- Mùi hương của chư thiên đốt
- Mùi Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát và Phật.

Nghe nhưng tỹ căn không hư không lầm. Nếu muốn phân biệt nói cho người khác nghe, thì ghi nhớ không sai.

**4- Thiệt căn công đức.** Trì Kinh Pháp Hoa thì lưỡi được thanh tịnh, nhờ đó mà:

- Cuối cùng không thọ ác vị.
- Tất cả các thức uống ăn xấu tốt, ngon dở, đắng chát đều biến thành vị ngon ngọt như cam lộ.
- Thuyết pháp nói đến chỗ thâm diệu, thấu đến tâm người nghe, khiến họ vui mừng sướng thích, và cảm hóa được chư Thiên và A tu la, hàng tu hành giàu có sang trọng.

- Vì khéo nói pháp nên được hàng quyền quý, nhân dân theo hầu cúng dường, và được chư Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật ưa thấy, và người nói pháp khéo ở đâu, thì được chư Phật xoay về phía đó mà nói pháp, nương đó mà có khả năng thọ trì tất cả các pháp Phật, lại có thể nói ra tiếng pháp thâm diệu.

**5- Thân căn công đức.** Trì Kinh Pháp Hoa, sau khi Phật diệt độ, thì thân được trong sạch như ngọc lưu ly, làm cho chúng sanh ưa nhìn xem thân ấy. Như mảnh gương sáng, thân ấy là thân thanh tịnh của Bồ tát, trong đó các sắc tượng đều hiện mà chỉ riêng mình thấy mà thôi. Các sắc tượng ấy hoặc là tất cả chúng sanh trong

sáu nẻo luân hồi, hoặc cung điện trên các cõi trời, hoặc địa ngục, hoặc Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật.

Tuy chưa được “Vô lậu pháp tánh diệu thân”, nhưng nhờ thanh tịnh, cho nên tất cả đều hiện được trong cái thân thường.

**6- Ý căn công đức.** Sau khi Phật diệt độ mà Trì Kinh Pháp Hoa thì được ý căn thanh tịnh. Dùng ý căn thanh tịnh đó mà nghe một bài kệ, một câu kinh cũng đủ thấu suốt vô lượng nghĩa; hiểu rõ diễn nói cả thán, cả năm cũng được; mỗi pháp nói ra có thể có những nghĩa thú riêng, nhưng tất cả đều đúng với “Thực tướng” (Réalité). Thậm chí khi bàn nói đến sách vở ngoài đời, cách xử thế tiếp vật hay nghề nghiệp sinh nhai, cũng vẫn thuận với Chánh pháp. Lại nữa còn biết được những hành động, lời nói đùa trong tâm của sáu đường chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới.

Dầu chưa đặng trí huệ vô lậu, nhưng nếu ý căn thanh tịnh như thế thì tất cả suy nghĩ, tính lường, lời nói đều đúng với lời Phật dạy, không chỗ nào là không chân thật và đúng với lời nói của chư Phật trước (thời xưa).

\*\*\*

## Huyền nghĩa

*Pháp sư công đức là những công đức thu thập được bởi những người diễn đạt Kinh Pháp Hoa bằng một trong*



*những cách: đọc theo mặt chữ, tụng hay đọc thuộc lòng, giải thích bằng lời nói, hoặc biên chép.*

*Làm được những việc ấy gọi là trì kinh, là nắm giữ Kinh cả về hai mặt văn tự và nghĩa lý (posséder). Mà nắm giữ là không rời. Vậy trì Kinh Pháp Hoa có nghĩa là sống vì Kinh Pháp Hoa và trong Kinh Pháp Hoa.*

*Sống được như vậy, tất 6 căn trở thành lần hồi thanh tịnh, không còn ô uế, đầy lấm bụi trần như trước. Do đây Ô.Burnouf dịch “Perfectionnement des sens” (cải thiện 6 căn ngày càng hoàn mỹ).*

*Phẩm thứ 18 nói về công đức (mérites, profits spirituels) của việc **nghe** Kinh mà lòng sanh hoan hỷ. Phẩm 19 này ghi công đức của việc “thọ trì”, nhờ đây mà những cái biết bằng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý trước kia eo hẹp, thấp thỏi, phù phiếm và nhất là chấp trước (mê luyến, say đắm) bao nhiêu, thì nay nhờ công đức thọ trì mà trở thành bao la, cao thượng, sâu xa, giải thoát bấy nhiêu.*

*Mắt trước kia chỉ thấy việc hiển hiện trong phạm vi thị hiếu của mình, như anh nghiện rượu chỉ thấy rượu ngon thịt béo, anh mê cờ bạc chỉ thấy những cuộc đò đen... Ngoài ra không còn thấy, còn biết gì nữa. Nay vì Kinh, theo Kinh không còn vì, còn theo những cái say đắm ấy nữa, nên cái thấy được mở rộng tầm quan sát, chẳng những trong cõi thế gian hữu hình, mà còn trong cõi vô hình, thậm chí thấy được nghiệp nào đã làm*

nguyên nhân, những nghiệp nào là quả báo, luôn cả những nơi mà nghiệp báo sẽ dắt dẫn tái sanh.

Nhờ công phu thọ trì mà tai trở thành thanh tịnh, nghe được khắp vũ trụ vô biên, những tiếng tăm cả trong lẫn ngoài, của cầm thú, nhân loại, quỷ thần, hiền thánh. Nghe mà nhĩ căn bất hoại, nghe mà hoàn toàn giải thoát, không say đắm, trừu mến một thứ âm thanh nào.

Cũng nhờ công phu thọ trì mà mũi trở thành thanh tịnh đến nghe được khắp vũ trụ vô biên những mùi của chúng sanh, của chư thiên, chư Thánh hiền. Nghe hết, thơm cũng như thối, nhưng tỹ căn không vì đó mà hoại, ngửi là say đắm. Và nghe được là biết mùi ấy ở đâu.

Lại cũng nhờ công phu tu trì mà lưỡi biến vị đắng thành ngọt, nói lời thâm diệu, làm thấu lòng người, khiến người sanh lòng vui mừng, sùng thích. Tiếng của người có lưỡi thanh tịnh là Tiếng Pháp (Pháp âm: La Voix du Dharma, autrement dit de la Vérité).

Cũng thế, nhờ công phu thọ trì mà trong thân thanh tịnh hiện ra tất cả các sắc tượng (phénomènes) của tất cả chúng sanh trong sáu nẻo, tốt xấu, trên dưới, hoặc của các Thánh hiền, Bồ tát, Phật. Thân thanh tịnh như thế, tuy chưa phải là Pháp thân chứa đựng tất cả, vẫn có một sức chứa đựng gần bằng Pháp thân, nghĩa là được “thanh hóa” (sublimé) khá nhiều rồi.

Rốt hết, cũng nhờ công phu thọ trì mà ý căn trở nên thanh tịnh, nghe một hiểu mười, hiểu một cách sâu xa và

đặc biệt tài, muốn diễn nói bao lâu, bao nhiêu cũng được. Thậm chí khi bàn luận về việc đời cũng vẫn có mùi đạo và không sai với chánh pháp (Người chánh nói pháp tà, pháp tà trở nên chánh). Lại trong chỗ suy nghĩ tính toán, không gì là không chân thật và hiểu biết lời trong tâm chúng sanh.

\*\*\*

Sống với Kinh là sống trong Đạo, là sống xa đời và những ô nhiễm của đời. Vì vậy tuy chưa chuyển hết 8 thức, vẫn chuyển được 5 thức đầu (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) thành “Thành sở tác trí”, và thức thứ sáu là ý thức thành “Diệu quan sát trí”, là bước đầu của người tu học.

Chí như công đức ít nhiều, thức thì được 800, thức khác lại được 1.200, ấy cũng vì sự nhanh nhẹn của mỗi thức. Thức nào nhạy nhiều trong tội lỗi thì được công to khi chuyển hướng, thức nào nhạy ít thì được công nhỏ. Mắt đâu thấy xa bằng tai nghe, cho nên cách vách không thấy người khổ nhưng tai có thể nghe được tiếng than. Nghe mà cứu giúp, thì công đức đó phải quy về cho tai. Hoặc nghe tiếng hát đàn mà cảm đến sanh tâm ái quý, tội cũng phải quy cho tai. Suy ra mấy thức kia cũng vậy. Vậy “lục tặc” chưa hẳn là kẻ cướp, tùy ta mà chúng sẽ giúp ích, chúng sẽ là “Pháp sư”, nếu căn của chúng (tâm) được thanh tịnh bằng nhiều phương pháp mà trì Kinh Pháp Hoa là một.



## PHẨM THỨ 20



### THƯỜNG BẤT KHINH BỒ TÁT (Le Religieux Sadâparibhuta)

Lúc bấy giờ, Phật bảo Bồ tát Đại Thế:

- Người nay nên biết, nếu Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, ưu bà tặc, ưu bà di trì Kinh Pháp Hoa mà bị mắng nhiếc chê bai, thời người mắng nhiếc chê bai mắc tội báo lớn như trước đã nói, còn người trì Kinh thì đặng công đức như cũng đã nói rồi: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, đặng thanh tịnh.

Này Đại Thế, thuở xưa cách nay vô lượng vô biên số kiếp, có Phật hiệu Oai Âm Vương ra đời, nhằm thời (kiếp) Ly Suy, tại nước Đại Thành. Vì người cầu quả Thanh văn, Phật nói pháp Tứ đế; vì người cầu quả Bích chi Phật, Ngài nói pháp Thập nhị nhân duyên; vì hàng Bồ tát cầu Vô thượng giác, Ngài nói pháp ba la mật dẫn đến cứu kính Phật huệ.

Đắc Đại Thế, Phật Oai Âm Vương sống lâu 40 ức na do tha hằng sa kiếp; Chánh pháp của Phật trụ trong một số kiếp nhiều như vi trần của một thế gian; Tượng pháp trụ trong một số kiếp nhiều như vi trần của 4 châu.

Sau khi Phật Oai Âm Vương diệt độ, Chánh pháp, Tượng Pháp diệt độ, một Đức Phật khác ra đời, cùng tại một nước, cũng lấy hiệu là Oai Âm Vương. Sau đó và tuần tự, có hai muôn ức Đức Phật ra đời cùng một danh hiệu.

Phật Oai Âm Vương đầu tiên diệt độ rồi và sau lúc Chánh pháp diệt độ thời trong thời Tượng pháp, các tỳ kheo tăng thượng mạn<sup>(1)</sup> có thế lực lớn. Bấy giờ có một Bồ tát tên Thường Bất Khinh<sup>(2)</sup>. Sở dĩ có tên này là vì mỗi khi gặp các hàng tỳ khưu, tỳ khưu ni, ưu bà tắc, ưu bà di, Bồ tát lễ lạy khen ngợi: “Tôi rất kính quý vị, không dám khinh dễ, vì quý vị đều đi trên đường Bồ tát và sẽ được làm Phật”. Bồ tát Thường Bất Khinh không chuyên đọc kinh điển, chỉ thực hành việc lễ bái, thậm chí hề xa thấy tứ chúng là lạy nói: “Tôi chẳng dám khinh quý vị, quý vị đều sẽ làm Phật”.

Trong tứ chúng, có người lòng bất tịnh, giận mắng: “Ông vô trí tỳ khưu này ở đâu đến mà cứ nói” tôi chẳng dám khinh quý vị rồi lại thọ ký cho chúng tôi sẽ thành Phật; chúng tôi không dùng lời thọ ký khoác lác đó đâu”.

---

1. *Tăng thượng mạn*: Ngạo nghễ, tu chưa đắc quả mà tự cho là đã đắc.

2. *Thường Bất Khinh*: Luôn luôn không khinh dễ

Tuy trải qua nhiều năm bị mắng nhiếc, Bồ tát Thường Bất Khinh không giận hờn, cứ luôn nói: “Quý vị sẽ làm Phật”. Lắm khi bị đánh mắng bằng gậy, bị ném gạch đá, Bồ tát chạy tránh ra xa, miệng vẫn nói: “Tôi chẳng dám khinh quý vị, quý vị đều sẽ làm Phật”. Vì đó mà ông được gọi là: Thường Bất Khinh”.

Lúc Bồ tát Thường Bất Khinh mệnh chung, trong hư không nghe tiếng của trọn hai mươi ngàn muôn ức bài kệ Kinh Pháp Hoa của Phật Oai Âm đã nói thưở trước. Nghe xong, Bồ tát liền năng thọ trì, đặng sáu căn thanh tịnh như đã nói. Sáu căn đặng thanh tịnh rồi, Bồ tát sống thêm hai trăm muôn ức na do tha tuổi, vì người rộng nói Kinh Pháp Hoa.

Lúc đó, những người trong tứ chúng trước kia đã khinh rẻ Bồ tát Thường Bất Khinh, nay thấy Bồ tát đặng sức thần thông lớn, sức nhạo biện tài, sức đại thiện lực<sup>(1)</sup> và nghe Bồ tát thuyết pháp, đều tin phục và theo Bồ tát (làm đệ tử)”.

Bồ tát Thường Bất Khinh giáo hóa ngàn muôn chúng, khiến đứng yên trong Vô thượng giác. Những chúng ấy, sau khi mệnh chung, đặng gặp hai ngàn ức Phật, đồng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh trong pháp hội

---

1. *Thần thông, tài biện luận và đức thiện, khi tu tập đến mức rộng lớn thời trở thành những sức mạnh tinh thần, vì vậy gọi là sức (lực).*

nói Kinh Pháp Hoa này. Nhờ nhân duyên đó, những chúng ấy lại gặp hai ngàn Phật đồng hiệu Vân Tự Tại Đăng Vương tại pháp hội của các Ngài, rồi thọ trì, đọc tụng, vì hàng tứ chúng nói Kinh Pháp Hoa, cho nên sáu căn thường mà đặng thanh tịnh, nói pháp cho tứ chúng nghe mà lòng không sợ sệt.

Này Đắc Đại Thế, sau khi cúng dường cung kính, tôn trọng bao nhiêu đức Phật như thế và trồng các rễ lành, Bồ tát Thường Bất Khinh cuối cùng lại gặp ngàn muôn ức Phật, theo Phật pháp mà nói Kinh này, thành tựu công đức và sẽ thành Phật”.

Này Đắc Đại Thế, người có biết Bồ tát Thường Bất Khinh thuở ấy là ai chăng? Đó là thân ta vậy. Nếu đời trước ta chẳng thọ trì đọc tụng và giải nói cho người khác nghe Kinh này, thời ta chẳng thể mau đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì ta đã có trong nước Phật, thọ trì, đọc tụng và vì người khác nói Kinh này, nên mau đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Đắc Đại Thế, những tỳ khưu, tỳ khưu ni, ưu bà tắc, ưu bà di của thời đã nói, vì khinh tiện ta, nên trong hai trăm ức kiếp luôn luôn chẳng gặp Phật, chẳng nghe Pháp, chẳng thấy Tăng, ngàn kiếp ở địa ngục chịu khổ não lớn. Hết tội rồi, lại gặp Bồ tát Thường Bất Khinh giáo hóa cho về Vô thượng giác.



Này Đắc Đại Thế, bốn chúng đã khinh khi Bồ tát Thường Bất Khinh nào phải ai lạ, chính đó là những người hiện nay đều là bậc bất thoái chuyển trên đường Chánh giác, tức là bọn 500 Bồ tát của Bạt Đà Bà La, bọn 500 tỳ khưu của Sư Tử Nguyệt, bọn 500 ưu bà tắc của Ni tư Phật, đang ở trong pháp hội này.

Này Đắc Đại Thế, phải biết Kinh Pháp Hoa này rất lợi ích cho các đại Bồ tát, có thể giúp họ đến Vô thượng giác, cho nên sau khi Phật diệt độ, phải thường thọ trì, đọc tụng, giải nói.

Đức Phật bèn đọc một bài kệ nhắc lại nghĩa vừa nói.

\*\*\*

### **Huyền nghĩa**

*Ly Suy là lìa sự suy tổn, tướng của cái chết. Vậy ly suy là xa lìa cái chết, tức là giải thoát sanh tử. Ai giải thoát được sự sanh tử là người không còn quyến luyến cảnh thế gian. Có giải thoát mới thực hiện được một sự thành công vĩ đại (Đại thành) là thực hiện cái Chân ngã (Oai Âm Vương) là nghe được tiếng của tâm (âm), nhận chịu sự điều khiển của oai quyền ấy (oai) như oai quyền của một nhà vua (Vương).*

*Tâm chỉ có một, cho nên bao nhiêu Phật cũng chỉ có một danh hiệu. Phật lại là Pháp, cho nên cũng chỉ có một*

*Pháp. Do đây Kinh nói Phật Oai Âm nào cũng chỉ thuyết Tứ Diệu đế, Thập nhị nhân duyên, Lục ba la mật.*

*Lúc tâm còn trong trắng (Phật chưa diệt độ), hoặc trong lúc tâm hết trong trắng (Phật đã diệt độ) mà con người chưa quá xa tâm (thời Chánh pháp) thời còn khá, vì con người còn có khi biết mình là ai. Đến khi quá xa rồi (Chánh pháp diệt tới thời Tượng pháp), con người tự quên mình, luôn luôn tự khinh mình, ai bảo mình có khả năng làm Phật (trở thành sáng suốt) thời không tin lại nhạo báng, cho nên phải sa vào chỗ tối tăm (không gặp Phật), nghe chân lý không được (chẳng nghe Pháp) và sống trái với cái Hòa của vũ trụ (chẳng gặp Tăng). Do đây mà phải chịu khổ não.*

*Ngày nào thức tỉnh (hết tội), không còn tự khinh mình nữa (được Bồ tát Thường Bất Khinh giáo hóa) thì sẽ đi về nẻo Vô thượng giác.*

*Phải luôn luôn đừng khinh mình (Thường Bất Khinh). Mỗi chúng ta phải là một Bồ tát Thường Bất Khinh đối với chúng ta, ngày đêm phải tự nhắc: “Người sẽ thành Phật”.*

## PHẨM THỨ 21



### NHƯ LAI THẦN LỰC

(Effet de la puissance surnaturelle du Tathâgata)

Lúc bấy giờ, vô số Bồ tát đã từ đất vọt lên đều ở trước Phật (Thích Ca). Tất cả đều nhất tâm chấp tay, chiêm ngưỡng dung nhan Phật mà bạch rằng:

- Thế Tôn, sau khi Phật diệt độ, chúng con sẽ rộng nói Kinh này (Pháp Hoa) ở xứ nào của quốc độ mà nơi đó các phân thân Phật diệt độ. Tại sao thế? Tại chúng con cũng tự muốn lãnh giữ, đọc tụng, giải nói, biên chép để cúng dường “pháp lớn chân tịnh”.

Lúc ấy, trước mặt Văn Thù Sư Lợi và vô lượng Bồ tát xưa kia ở thế giới Ta bà, cùng các Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, ưu bà tắc, ưu bà di và Thiên Long bát bộ. Thế Tôn hiện sức thần thông lớn là lè lưới rộng dài tới cõi trời Phạm thế và từ các lỗ chân lông phóng ra vô số tia sáng đủ màu, khắp soi mười phương thế giới. Các đức Phật ngồi trên toà sư tử, dưới cội cây báu, cũng làm như thế: lè lưới rộng dài và phóng vô lượng ánh sáng.

Đức Phật Thích Ca và các đức Phật dưới cây báu hiện sức thần thông mãn trăm ngàn năm, sau đó mới rút

lưỡi vô và đồng thời tăng hăng và cùng chung khảy móng tay. Hai thứ tiếng vang đó lan khắp mười phương thế giới của chư Phật, làm đất rung động sáu cách. Trời, Rồng, Dạ xoa... người và loài chẳng phải người v.v..., nhờ sức thần của Phật, đều thấy trong cõi Ta bà này vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức Phật ngồi trên tòa sư tử, dưới những cây báu, và thấy Phật Thích Ca và Đa Bảo Như Lai ngồi trên tòa sư tử trong tháp báu. Lại thấy vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức Bồ tát và tứ chúng cung kính vây quanh đức Phật Thích Ca. Tất cả đều vui mừng như đặng cái chưa từng có.

Ngay lúc ấy, chư thiên trong hư không lớn tiếng xướng lên: “Cách đây vô lượng thế giới, có nước tên Ta bà, nơi ấy có Phật hiệu Thích Ca hiện đang vì các đại Bồ tát nói Kinh Đại thừa tên “Diệu Pháp Liên Hoa giáo Bồ tát sở hộ niệm”. Các người nên vui theo trong thâm tâm, cũng nên lễ bái cúng dường Phật Thích Ca”.

Chúng sanh nghe tiếng trong hư không ấy rồi, bèn chấp tay, quay về cõi Ta bà, nói: “Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật! Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật!” rồi dùng các món hoa, hương, chuỗi ngọc, cờ, lọng... sa rải xuống thế giới Ta bà. Các vật rải đó, từ mười phương đến ví như mây đùn, biến thành một bức màn báu trùm khắp không gian, phía trên chư Phật. Bấy giờ thế giới mười phương thông suốt với nhau, không gì ngăn ngại, như là một nước Phật duy nhất.

Lúc bấy giờ, Phật bảo các hàng Bồ tát bậc thượng hạnh:

- Sức thần thông của chư Phật vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn là như thế. Nếu ta dùng thần thông ấy mà nói bày công đức của Kinh Diệu Pháp để lưu truyền về sau, thì dầu có trải qua vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức kiếp cũng chẳng nói hết. Tóm lại, tất cả pháp của Như Lai, tất cả thần lực tự tại của Như Lai, tất cả kho tàng bí yếu của Như Lai đều được tuyên bố, bày giải, nói rõ trong Kinh Diệu Pháp, cho nên, sau khi Như Lai diệt độ, các người phải một lòng thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép và tu hành đúng theo lời Kinh, hoặc chỗ nào có quyển Kinh Pháp Hoa, bất luận nơi đó là vườn, là rừng, là dưới cội cây, là phòng chư Tăng, là nhà người thế tục, là chỗ thờ Phật, là núi hoang, đồng trống, thời nên dựng tháp cúng dường. Vì sao? Vì phải biết chỗ có Kinh đó là đạo tràng, là nơi chư Phật đặng Vô thượng giác, là nơi chư Phật chuyển pháp luân, là nơi chư Phật nhập Niết bàn.

Lúc đó, để lập lại nghĩa vừa nói, Thế Tôn nói bài kệ:

*Chư Phật, đáng cứu thế,  
Vững trong thần thông lớn,  
Để vui đẹp chúng sanh,  
Hiện vô lượng sức thần:*

Lưỡi dài đến trời Phạm  
Thân ánh vô số tia,  
Vì người cầu nẻo Phật  
Hiện sự ít có này.  
Tiếng tăng hắng chư Phật  
Cùng tiếng khảy móng tay  
Khắp nghe mười phương nước  
Đất đều rung sáu cách.  
Sau khi Phật diệt độ,  
Người giữ được Kinh này,  
Các Phật đều vui mừng  
Hiện vô lượng thần lực.  
Vì muốn lưu truyền Kinh  
Nên khen người thọ trì  
Nhưng dầu vô lượng kiếp  
Cũng không khen hết lời  
Công đức của người đó  
Vô biên, vô cùng tận,  
Như hư không mười phương  
Không biết đâu ranh rấp.  
Người trì được Kinh này  
Thời là đã thấy ta

Cũng thấy Phật Đa Bảo  
Và các phân thân Phật,  
Lại thấy ta ngày nay  
Giáo hóa các Bồ tát.  
Người trì được Kinh này,  
Khiến ta và phân thân  
(Cùng) Phật Đa Bảo (đã) diệt độ  
Tất cả đều vui mừng.  
Mười Phương Phật hiện tại  
Phật quá khứ, vị lai  
Cũng thấy, cúng dường được  
Cũng làm cho vui mừng.  
Pháp bí yếu chư Phật  
Tìmặng tại đạo tràng,  
(Thời) Người trì được Kinh này,  
Chẳng lâu cũng sẽ đặng.  
Người trì được Kinh này,  
Thời về nghĩa các pháp,  
Cũng như chữ và lời,  
Không gì làm ngăn ngại,  
Sau khi Như Lai diệt  
Mà biết Kinh Phật nói

Rồi có đầu có đuôi,  
 Tùy nghĩa nói đúng “Thực”  
 Thời như sáng trời, trăng,  
 Năng trừ mọi tâm tối.  
 Người đó đi trên đời  
 Năng dứt tối cho người,  
 Dạy vô lượng Bồ tát,  
 Rốt ráo vĩnh “nhất thừa”.  
 Cho nên người có trí  
 Nghe lợi công đức này,  
 Sau khi ta diệt độ,  
 Nên thọ trì Kinh này,  
 Được vậy thời quyết định,  
 Là người trên nẻo Phật.

\*\*\*

## Huyền nghĩa

Trước khi trình bày thiển kiến của tôi, tôi xin ghi lại sau đây lời giải của Ngài Giác Đạo Tuân, Minh Chánh Thiền sư trong sách “Pháp Hoa Đề Cương”, thuộc bộ Việt Nam Phật điển Tùng san.

### Phần Hán văn



“Như Lai hiện thân lực” phẩm giả, thử tương phó nhất đại sự nhân duyên, Diệu pháp thời dã.

Cái Kinh tiền phóng quang, dĩ hiển nhãn căn Kiến tánh. Thử Kiến tánh tòng vô lượng nghĩa bất tư nghi bổn lai thanh tịnh tâm trung chi ứng dụng, linh chư chúng sanh phản bỉ Kiến tánh, hồi quán tự kỷ bổn lai tâm, ngộ nhập Phật tri kiến.

Thử tiệm tiệm khai diễn tâm căn bổn nhất, tri kiến nguyên đồng, thể dụng bất nhị. Nãi chí kục căn, đồng thị bổn lai thanh tịnh tâm chi ứng dụng.

Thử tâm tức thị nhất đại sự Phật chi tri kiến.

Chúng ký tri dĩ, nhiên ư lực căn môn đầu, vị tri tòng hà căn nhập, vi tối thượng diệu pháp. Cố thử hựu phóng quang, biểu dữ tiền quang bất dị, nhị hựu xuất quảng trường thiết giả, tức biểu thuyết hy hữu đại pháp dã. Hựu biểu thiết căn năng diễn thuyết Đại thừa pháp âm, linh văn giả, tâm năng ngộ nhập. Cái thiết nãi tâm chi miêu, thiết thuyết tức tâm thuyết dã linh tư giác, sử tòng nhĩ căn nhị nhập.

Thử hựu khánh khái, đàn chỉ tác thanh dã. Thử chánh xúc diện thân phó đại pháp thời dã. Cái biểu nhân thanh dĩ hiển xuất nhĩ căn văn tánh. Nhi nhĩ căn viên thông thường chiếu, ngũ căn sở bất tể. Cố Phật khánh khái, đàn chỉ, mật

Lăng Nghiêm Kinh vân: “Thử phương chân giáo Thế, thanh tịnh tại âm văn. Dục thủ tam ma đề, thực tòng văn trung nhập”.

Hộtu vân: “Đản dụng thử căn tu viên thông siêu Du giả”. Nhiên Phật bất dụng pháp âm hiển nhĩ căn giả, biểu ly ngôn thuyết tướng dã. Dụng khánh khái, đàn chỉ âm thanh, hiển nhĩ căn giả, biểu ly tâm duyên tướng dã. Đản chỉ nhĩ căn văn tánh, đà đà viên chiếu giả như dĩ dã.

Chư Phật đồng phóng quang nãi chí đồng khánh khái, đàn chỉ giả, biểu thập phương nhất thế chư Phật đồng nhất đạo dã. Hộtu hiển dương cơ kiến văn, giác tri linh minh chi tánh, nhất thời đồng biến thập phương chư Phật thế giới, đồng triệt vô ngại, nhi vô tạp dã.

Đương tri thử tiết, dữ Lăng Nghiêm Kinh, sở hiển lục căn công đức số lượng, dĩ tuyển trạch viên thông căn trung, đệ nhất thông lợi giả. Tòng thử căn nhập, tức kích chung dĩ hiển nhĩ căn văn tánh, minh lợi viên thông thường chiếu, tối vi thù thắng. Tư kinh tắc khánh khái, đàn chỉ diệt thử ý dã.

Kinh vân: “Chư Phật khánh khái thanh, cập đàn chỉ chi thanh, chu văn thập phương quốc, địa giai lục chủng động trọng tại “chu văn” nhị tự dã. Hộtu khánh khái giả, tức linh tri kỳ hồi cố dã. Đàn chỉ giả, tức tảo đặng nhất thế bốn lai vô pháp khả thuyết.

*Trực chỉ nhĩ đích linh minh chu văn động thập phương giả, thị nhữ bổn lai thanh tịnh chi tự tánh dã. Văn giả, ưng như thị ngộ nhập.*

### **Dịch ra Việt văn**

Phẩm “Như Lai hiện thân lực” đây là ghi lại lúc Như Lai sắp trao Diệu pháp, một “biến cố” (événement) lớn vậy.

Bởi vậy, trước khi nói Kinh, Như Lai phóng hào quang để làm tỏ cái Kiến tánh của nhãn căn. Tánh này do Tâm vô lượng nghĩa, bất tư nghì, bổn lai thanh tịnh, mà ứng hiện. Làm tỏ cái Kiến tánh để khiến chúng sanh quày cái Kiến tánh của mình mà ngó lại cái bổn lai tâm của mình, hầu nhận thấy và đi vào con đường tri kiến của Phật.

Kế đó lần lượt mở bày cho thấy Tâm với căn vốn một, tri kiến của chúng sanh và Phật đồng nguồn, thể và dụng không hai. Thậm chí sáu căn, cũng đều là ứng dụng của tâm bổn lai thanh tịnh.

Tâm ấy là điều quan trọng nhất của tri kiến Phật.

Các đệ tử (Phật) đã biết những điều vừa nói xong, nhưng trong sáu căn, họ chưa phải biết theo căn nào để vào cõi tối thượng diệu pháp. Bởi cố (Phật) lại phóng quang (quang này với quang trước không khác, đồng là một lối tiêu biểu), rồi lại thè lưỡi dài, đó là tiêu biểu cho việc sắp nói Đại pháp chưa từng có, mà cũng tiêu biểu

cho cái khả năng diễn thuyết tiếng Pháp Đại thừa của lưỡi, làm cho người nghe, tâm bèn năng ngộ nhập. Bởi vì lưỡi là mệ của tâm, lưỡi nói là tâm nói vậy.

Kế lại tăng hắng và khảy móng tay, làm cho có tiếng. Đây là lúc chạm mặt tự thân giao phó đại pháp. Một lối tiêu biểu khác, dùng Tiếng để làm tỏ cái Tánh nghe của “Lỗ tai” (Nhĩ căn). Nhĩ căn thì thường chiếu hoàn toàn, các căn khác không bằng. Bởi cố Phật tăng hắng và khảy móng tay, mật khiến mỗi người tự tỉnh, theo lỗ tai mà nhập vào Phật tri kiến.

Kinh Lăng Nghiêm có câu: Phương pháp này là lối dạy chân chánh về Thể, Thanh tịnh nằm tại chỗ nghe tiếng. Muốn nắm được Chánh định, thời nói thực, phải theo cái nghe mà được.

Kinh Lăng Nghiêm lại nói: “Chỉ dùng căn này (Nhĩ) mà tu cái Viên thông (Vô thượng giác), vượt khỏi Hữu dư Niết bàn”. Nhưng Phật không dùng Pháp âm để làm rõ Nhĩ căn, là tiêu biểu cho cái tướng “ly ngôn thuyết”. Dùng âm thanh của tăng hắng và khảy móng tay, là làm tỏ nhĩ căn, tiêu biểu cho cái tướng “ly tâm duyên”. Làm như thế, chỉ có một mục đích là chỉ cho thấy cái Chiếu sáng tròn đủ thông suốt (Viên chiếu đà đà) của Tánh nghe của Nhĩ căn mà thôi vậy.

Việc các đức Phật đồng phóng quang, thậm chí cùng tăng hắng và khảy móng tay, tiêu biểu cái lẽ mười phương chư Phật đều đồng một đạo vậy. Lại cũng để

làm tỏ rõ điểm này là cái Tánh: kiến văn giác tri” rất linh thiêng và sáng suốt của các hàng đệ tử đang nghe pháp (đương cơ) đều đồng một lúc bủa khắp mười phương thế giới chư Phật, thấu suốt vô ngại mà không tạp vậy.

Nên biết phẩm này (của Kinh Pháp Hoa) và chỗ trong Kinh Lăng Nghiêm nói về số lượng công đức của sáu căn, đều là để lựa coi trong sáu căn viên thông căn nào thông lợi hơn hết, để theo căn ấy mà vào (Phật tri kiến). Bởi vậy (trong Kinh Lăng Nghiêm) có việc đánh chuông để hiển cái Tánh nghe của Nhĩ căn, để làm rõ cái viên thông thường chiếu trọi hơn hết của Nhĩ căn (đối với các căn khác). Ở đây, Phật không đánh chuông mà tăng hắng và khảy móng tay, nhưng không ngoài ý vừa nói.

Kinh nói: “Chư Phật tăng hắng và khảy móng tay, tiếng ấy vòng quanh mười phương quốc độ đều nghe thấy, đất lại chấn động sáu cách. Trong câu này, quan trọng nhất là hai chữ “chu văn” (nghe vòng quanh). Tăng hắng lại còn có nghĩa là khiến mỗi người biết là mình đã quay đầu. Khảy móng tay, là ý quét sạch tất cả (vì) ở chỗ nguồn gốc, không có một pháp nào mà có thể nói được.

Đi ngay vào chỗ “linh minh chu văn động thập phương” của nhĩ căn, như vậy là đi ngay vào tự tánh bản

lai thanh tịnh của người vậy. Người nghe nên như thế mà ngộ nhập.

Ở đây, nên phân biệt có hai hạng Bồ tát: 1) hạng dưới đất vọt lên (tượng trưng cho những đức tướng trong tâm của mỗi chúng sanh); 2) hạng đương cơ, tức là những Bồ tát bằng xương bằng thịt, đang nghe Phật thuyết pháp.

Câu bạch ở đoạn đầu của hàng Bồ tát thứ nhất có nghĩa: “trong tâm nào (quốc độ) mà ánh sáng giác (phân thân Phật) tắt mất (diệt độ), nghĩa là bị vô minh che ánh, thời người tu muốn được thanh tịnh (pháp lớn chân tịnh) phải thọ trì, đọc tụng...Kinh Pháp Hoa để gieo trồng đức tướng. Có đức là có thanh tịnh.

Lưỡi rộng dài tiêu biểu cho tiếng Pháp (Pháp âm), tức như hiện nay chúng ta nói tiếng của lương tâm. Nghe được tiếng Pháp, trở thành sáng suốt hay giác ngộ (phóng quang).

Nghe được tiếng Pháp, tiếng của cõi lòng xa xôi, chỉ những người cột tâm trói ý hay nhập định (Phật ngồi dưới cây báu, ám chỉ lúc Đức Thích Ca ngồi dưới cội Bồ đề tư duy 49 ngày). Nghe được rồi, (rút lưỡi vô), thời sức nghe thấy phát triển lạ lùng (thần thông), đến nỗi nghe được những tiếng nhỏ nhất của cõi lòng (tăng hắng và khảy móng tay), và nghe lớn như những tiếng trời gầm, lan khắp vũ trụ vô biên và làm rung rinh quả đất. Còn cái thấy thì cũng thần thông lạ lùng: thấy tất cả chúng sanh

đều có Phật tánh (vô lượng ức Phật ngồi tòa sư tử trong cõi Ta bà), thấy Tâm nào (tháp báu) cũng đều có chứa đựng Ánh Giác (Thích Ca) và hằng sa đức tướng (Đa Bảo), lại thấy vô số chúng sanh đang tiến về Ánh Giác, trước sau thứ bậc Bồ tát, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di (tứ chúng).

Nghe thấy được như vậy là sanh tâm kính tín, như trong hư không có tiếng thúc giục, rồi tự nhiên mà niệm Phật, quy ngưỡng và cúng dường. Cúng dường hết sức mình, nghĩa là khi đã hiến trọn thân mình cho Phật, cho Giác ngộ, thì sự giác ngộ nơi mình trở thành bao la, soi thấy mười phương thế giới một cách thông suốt, không còn gì ngăn ngại nữa.

Tóm lại, trong Tâm (Như Lai) có tất cả pháp, tất cả thần lực tự tại, tất cả điều bí yếu huyền diệu. Và tất cả những cái ấy đều có nói rõ và đầy đủ trong Kinh Pháp Hoa. Vậy phải thọ trì, đọc tụng, ...và nhất là theo lời Kinh mà tu hành cho đúng.

Trên đây là ý nghĩa thâm huyền mà chúng tôi cảm thấy trong phẩm này. Trong cái nghe thấy thần thông nói ở đây, không gì khác hơn là chữ Huệ, hay nói đúng hơn, những diệu dụng của Huệ.





## PHẨM THỨ 22



### CHÚC LỤY<sup>(1)</sup> (Le dépôt)

Lúc bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni, từ pháp tòa đứng dậy, hiện sức thần lớn, dùng tay mặt xoa đầu vô lượng đại Bồ tát mà nói rằng:

- Trong vô lượng trăm ngàn muôn ức a tăng kỳ, ta đã tu tập pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác khó đặng này, nay đem giao phó cho các người; các người nên một lòng truyền bá để rộng thêm sự ích lợi.

Đức Phật ba phen xoa đầu các Bồ tát và ba phen lập lại câu nói trên.

Vì sao? Vì Như Lai có từ bi lớn không tham tiếc cùng không có điều sợ sệt, năng cho chúng sanh trí huệ của Phật, trí huệ của Như Lai, trí huệ tự nhiên. Như Lai là đại thí chủ<sup>(2)</sup> của tất cả chúng sanh, các người nên theo học pháp của Như Lai, chớ nên tham tiếc. Đời sau, nếu có trai lành gái thiện nào tin trí huệ của Như Lai thời các người nên vì những người ấy mà diễn nói Kinh Pháp

1. *Chúc lụy: Giao phó, gửi gắm.*

2. *Đại thí chủ: người cho nhiều, cho không tiếc.*

Hoa, để họ nghe biết mà được sự sáng suốt của Phật. Nếu gặp hạng chúng sanh không tin lãnh lời Kinh, thời nên dùng pháp khác trong các giáo pháp thâm diệu của Như Lai, mà chỉ dạy cho họ được lợi ích vui mừng. Làm được như thế là các người đã báo ân Phật rồi vậy.

Khi nghe Phật nói xong, các đại Bồ tát đều cảm thấy sự vui mừng lan khắp thân thể. Lòng thêm cung kính, các Bồ tát nghiêng mình cúi đầu, chấp tay hướng Phật đồng bạch:

- Chúng con sẽ làm đầy đủ theo lời Thế Tôn dạy, kính xin Thế Tôn chớ nên lo nghĩ.

Lúc bấy giờ, đức Phật Thích Ca dạy các phân thân Phật từ mười phương đến, đều trở về nước mình và nói rằng:

- Chư Phật mỗi vị tùy chỗ an trú của mình mà trở về vào tháp của Phật Đa Bảo như cũ.

Trong lúc Phật nói, mười phương vô lượng phân thân Phật đang ngồi trên tòa sư tử dưới cây báu, cùng Phật Đa Bảo với vô biên vô số Bồ tát như Xá lợi Phất v.v... hàng Thanh văn, bốn chúng và tất cả ba hạng chúng sanh lành là thiên, nhân, A tu la, nghe lời Phật nói đều rất vui mừng.

**Huyền nghĩa**

*CHỨC* là gửi, phó thác. – *LUY* (lẽ ra phải đọc là *LŨY*) có nghĩa là chồng chất. Bây giờ chúng ta nói: Ký thác, như ký thác vào một Ngân hàng, với nghĩa gửi bạc một khi một ít vào một Ngân hàng. Do đây, Ô. Burnouf dịch là “depôt”.

Ánh sáng ấy tạm gọi là Trí huệ của Phật. Thật sự Trí huệ ấy là của Như Lai tức là của Chân tâm, Phật tánh. Nói đúng hơn, đó là Trí huệ tự nhiên ở con người, khác với cái Trí huệ “hậu đắc” tức là cái trí huệ cần phải học hỏi mới có, như trí huệ của một nhà toán học, bác sĩ, chẳng hạn.

Như Lai là đại thí chủ có nghĩa là Tâm không bao giờ từ chối với ta một tia sáng trí huệ nào. Tại chúng ta nghe theo tình dục không hỏi Tâm nên Tâm không ban cho những lời chỉ bảo sáng suốt, chớ nào phải Tâm keo kiệt, bõn sẻn, tham tiếc. Vậy ai đã tìm thấy nguồn ánh sáng ấy nơi mình, thì nên theo lòng hào hiệp của Tâm mà ban bố ánh sáng ấy, không nên giữ riêng cho mình.

Nhưng tin rằng Tâm mình là Phật, trong Tâm mình có Kinh Pháp Hoa, nguồn Vô thượng giác, là một việc khó, phải là bậc Bồ tát mới làm được. Vì vậy, gặp những người “chưa tin trí huệ của Như Lai” thời nên dùng pháp khác trong vô lượng pháp thâm diệu của Như Lai (Tâm) mà khai mở cho họ được lợi ích.

“Chư phân thân Phật, mỗi vị tùy chỗ an trú của mình mà trở vào Tháp của Phật Đa Bảo như cũ” có nghĩa

*tất cả chúng sanh đều là Một, và Một ấy là Pháp (Đa Bảo) và Pháp là Tâm.*

*Nói tóm, Tâm chứa lấy đầy đủ Trí huệ, Giác ngộ, đó là nơi ký thác Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.*

## PHẨM THỨ 23



### DUỘC VƯƠNG BỒ TÁT BỒN SỰ

(Ancienne méditation de Chaichadjyarâdja)

Lúc bấy giờ, Bồ tát Tú Vương Hoa bạch Phật:

- Thế Tôn! Làm thế nào mà Bồ tát Dược Vương đạo nơi thế giới Ta bà? Bồ tát Dược Vương có bao nhiêu ngàn muôn ức hạnh khổ khó làm? Nguyện Thế Tôn giải nói một ít cho Thiên Long bát bộ, cho các hàng Bồ tát từ nước khác lại cùng bậc Thanh văn ở đây nghe, để tất cả đều đặng vui mừng.

Phật đáp:

- Trong quá khứ cách nay vô lượng hằng sa kiếp, có Phật hiệu Nhật Nguyệt Tinh Minh Đức. Ngài có tám mươi ức đại Bồ tát, bảy mươi hằng sa đại Thanh văn, thọ bốn muôn hai ngàn kiếp, chư Bồ tát cũng sống lâu như thế. Trong nước của đức Phật ấy, không có đàn bà, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la v.v... cũng chẳng có các khổ nạn. Đất bằng lưu ly, mặt phẳng như bàn tay, có trồng cây báu, trên có màn báu bao trùm, tràng phan hoa báu buông thông. Khắp nước, bình báu, lò hương đầy đầy. Cách mỗi cây, khoảng một lần tên có một đài bằng

bảy báu. Dưới những cội cây ấy, có chư Bồ tát, Thanh văn ngồi, còn trên mỗi đài thì trăm ức chư Thiên trở nhạc trời, hát múa cúng dường Phật.

Lúc bấy giờ, Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức nói Kinh Pháp Hoa cho Bồ tát Nhất Thế Chúng Sanh Hỷ Kiến cùng các hàng Bồ tát, Thanh văn nghe.

Bồ tát Hỷ Kiến ưa tu tập khổ hạnh, trong pháp của Phật Tịnh Minh Đức tinh tấn kinh hành, một lòng cầu thành Phật, (nhờ vậy) mà mãn một muôn hai ngàn năm đặng chánh định “hiện nhất thế sắc thân”. Bồ tát mới tự nói trong lòng: “Đặng chánh định này là nhờ sức nghe Kinh Pháp Hoa, vậy ta nên cúng dường Phật Tịnh Minh Đức và Kinh Pháp Hoa”. Tức thời Bồ tát nhập định, trong hư không rưới các thứ hoa hương cõi trời cúng dường Phật.

Cúng dường xong, Bồ tát xuất định và tự nói trong lòng: “Tuy ta đã dùng thần lực cúng dường Phật, nhưng sao bằng lấy thân cúng dường”. Bồ tát liền uống các chất thơm, kế uống dầu làm bằng các thứ hoa thơm mãn một ngàn hai trăm năm, rồi lấy dầu thơm thoa thân, dùng áo báu cõi trời quấn mình trước Đức Phật Tịnh Minh Đức, rưới các thứ dầu thơm lên áo và dùng sức nguyện thần thông mà tự đốt thân. Ánh sáng tỏa soi tám mươi ức hằng sa thế giới. Trong ánh sáng ấy, chư Phật đồng thời đều khen: “Lành thay! Lành thay! Như vậy mới thật là tinh tấn, mới thật là cúng dường Pháp. Các

lối cúng dường khác bằng hương hoa, chuỗi ngọc v.v... đều chẳng bằng, thậm chí đem cả một nước, thành quách, vợ con mà bố thí cũng chẳng bằng. Trong các lối bố thí, bố thí thân là bậc nhất”.

Nói xong, chư Phật im lặng. Lửa thân Bồ tát cháy trót một ngàn hai trăm năm, sau đó thân Bồ tát mới tận.

Cúng dường Pháp xong và sau khi mạng chung, Bồ tát Hỷ Kiến phục sinh trong nước Phật Tịnh Minh Đức, tại nhà vua Tịnh Đức, phục sinh một cách bỗng nhiên, trong trạng thái ngời kiết già. Hóa sanh xong bèn vì cha đọc bài kệ:

*Đại Vương nay nên biết:  
Nhờ kinh hành nơi ấy  
Túc thời đặng tất cả  
Chánh định trong các thân.  
Sau cần cố gắng hơn  
Nên bỏ thân yêu mến  
Dâng cúng dường Thế Tôn  
Để cầu huệ vô thượng.*

Nói xong, Bồ tát thưa với vua cha:

- Trước cúng dường Phật Tịnh Minh Đức xong, tôi “giải đặng tất cả đà la ni của tiếng nói chúng sanh”, kể lại nghe vô số kệ của Kinh Pháp Hoa. Nay Phật Tịnh Minh Đức vẫn còn, tôi xin cúng dường nữa”.

Bồ tát bèn ngồi lên đài bảy báu, bay lên hư không, qua đến chỗ Phật Tịnh Minh Đức, làm lễ và đọc một bài kệ khen Phật:

*Lạ lòng thay dung nhan  
Mười phương soi ánh sáng  
Tôi đã từng cúng dường  
Nay lại còn thân kiến.*

Nói kệ xong, Bồ tát Hỷ Kiến bạch Phật Tịnh Minh Đức:

- Thế Tôn còn ở thế chứ?

Đức Phật bảo:

- Giờ diệt tận đã đến, người nên sắp đặt giường đi, ta trong đêm nay sẽ nhập Niết bàn.

Phật lại nói thêm:

- Ta nay giao phó Phật Pháp và Vô thượng giác cho người, cho các Bồ tát và các đại đệ tử: Ta cũng giao cho người ba ngàn đại thiên thế giới bảy báu, các cây báu, đài báu và chư thiên hầu hạ. Sau khi ta diệt độ, ta cũng giao cho người tất cả xá lợi của ta, người nên lưu bố khắp nơi để cho đông người được xây nhiều tháp cúng dường.

Đến cuối đêm, Phật Tịnh Minh Đức nhập Niết bàn.



Bồ tát Hỷ Kiến dùng gỗ chiên đàn làm giàn hoá thiêu, tiêu xá lợi đựng vào 84.000 bình báu, xây 84.000 ngọn tháp cao ba thế giới.

Bấy giờ, Bồ tát lại tự nghĩ: Cúng dường xá lợi như thế chưa đủ. Bèn ở trước 84.000 tháp, đốt hai cánh tay được trang nghiêm bằng trăm phước, suốt bảy muôn hai ngàn năm, khiến vô số hạng cầu quả Thanh văn và vô lượng người phát tâm Vô thượng giác đều đứng vững trong chánh định “hiện nhất thế sắc thân”.

Các Bồ tát, trời, người, a tu la v.v... thấy vậy đều sầu khổ buồn thương. Bồ tát, trong đại chúng, bèn lập thệ: “Ta bỏ hai tay ắt sẽ đặng thân Phật. Nếu quả đúng như vậy, thời xin cho hai tay ta tự nhiên trở lại như cũ”. Thệ vừa xong, hai tay tự nhiên trở lại, ấy là nhờ phước đức và trí huệ thuần hậu của Bồ tát chấp lại.

\*\*\*

Đức Phật Thích Ca hỏi Bồ tát Tú Vương Hoa:

- Ý người nghĩ sao? Bồ tát Hỷ Kiến thuở xưa đâu phải ai lạ, chính nay là Bồ tát Dược Vương đó. Ông ấy đã xả bỏ, bố thí, vô lượng số thân như thế. Nay Tú Vương Hoa, ai phát tâm muốn đặng đạo vô thượng mà đốt một ngón tay hay một ngón chân cúng dường Tháp Phật, còn hơn người dùng nước, thành, vợ, con, cùng thân bảo trong ba ngàn đại thiên thế giới mà cúng dường. Còn ai dùng bảy báu trong khắp ba ngàn đại thiên thế

giới mà cúng dường Phật, Bồ tát, Duyên giác, La hán, cũng không có công đức bằng người thọ trì Kinh Pháp Hoa, dầu là một bài kệ bốn câu cũng vậy.

Tứ Vương Hoa, trong các dòng nước, biển là bậc nhất; cũng thế, trong các Kinh của Như Lai nói, Kinh Pháp Hoa là sâu lớn hơn hết.

Trong các thứ núi, núi Tu Di là bậc nhất; cũng thế, trong các thứ Kinh, Kinh Pháp Hoa là cao hơn hết.

Trong các tinh tú, mặt trăng là bậc nhất; cũng thế, trong các Kinh, Kinh Pháp Hoa là sáng soi hơn hết.

Như mặt trời nắng trừ mọi thứ tối tăm, Kinh Pháp Hoa phá tất cả những tối tăm của cái chẳng lành.

Trong các hàng Tiểu vương, Đại đế là bậc nhất; cũng thế, trong các Kinh, Kinh Pháp Hoa đáng tôn trọng hơn hết.

Như Đế Thích làm vua thống ngự 33 cõi trời, Kinh Pháp Hoa là vua các Kinh.

Như Phạm thiên là cha của tất cả chúng sanh, Kinh Pháp Hoa là cha của tất cả Hiền Thánh.

Trong hàng phàm phu, Tứ Thánh và Duyên giác là bậc nhất; cũng thế, trong tất cả các Kinh do Như Lai, Bồ tát Thanh văn nói, Kinh Pháp Hoa là bậc nhất. Ai thọ trì được là bậc nhất trong hàng chúng sanh.

Trong tất cả hàng Thanh văn và Duyên giác, Bồ tát là bậc nhất. Cũng thế, trong tất cả các Kinh, Kinh Pháp Hoa là bậc nhất.

Như Phật là vua các pháp, Kinh này là vua của các Kinh.

Tú Vương Hoa! Kinh này có thể cứu tất cả chúng sanh, làm cho chúng sanh xa rời các khổ não; Kinh này có thể cho chúng sanh nhiều lợi ích, làm thỏa mãn những mong cầu của chúng sanh, như ao nước trong có thể làm thỏa mãn người khát nước. Như người lạnh được lửa, như trần truồng được quần áo, như đi buôn gặp người dẫn mối, như con gặp mẹ, như muốn qua sông gặp thuyền, như bệnh gặp thầy, như tối được đèn, như nghèo được báu, như dân được vua, như khách buôn gặp biển, như đước trừ tối, Kinh Pháp Hoa này cũng thế, có thể làm cho chúng sanh xa lìa mọi thứ thống khổ, mọi thứ tật bệnh, có thể cởi mở sự trói buộc của sanh tử.

Ai nghe được Kinh này, hoặc tự mình chép, hoặc bảo người chép, thì được công đức nhiều đến nỗi trí huệ Như Lai cũng không ước tính được. Nếu chép Kinh này mà còn dùng các thứ hoa hương, đèn dầu cúng dường, thời cũng được vô lượng công đức như thế.

Tú Vương Hoa! Ai nghe phẩm “Bồ tát Dược Vương Bản Sự” này cũng được vô biên công đức, Nếu là đàn bà thì sau khi dứt báo thân, không còn trở lại làm đàn bà

nữa. Năm trăm năm sau Phật diệt độ, người nữ nào nghe Kinh này và tu hành đúng theo lời Kinh dạy, thời khi mạng chung, được vãng sanh qua cõi An lạc của Phật A Di Đà, hết bị tham, sân, si, mạn làm khổ nữa, được vô sanh pháp nhẫn và nhẫn căn thanh tịnh.

Bây giờ, các đức Phật đồng xa khen:

- Hay thay! Lành thay! Này thiện nam tử, người có thể trong pháp của Phật Thích Ca mà thọ trì, đọc tụng, suy gẫm Kinh Pháp Hoa và nói cho người khác nghe, người đặng công đức vô lượng vô biên, lửa chẳng đốt đặng, nước chẳng làm trôi, phá được giặc ma, đánh bại quân sanh tử, và diệt trừ các quân thù khác. Thiện nam tử, trăm ngàn đức Phật sẽ giữ gìn người, tất cả trời người, không ai bằng người và, trừ Như Lai, không Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn nào có trí huệ bằng người.

Ai nghe phẩm “Dược Vương Bản Sự” này mà biết tùy hỷ khen ngợi, thời người đó trong đời hiện tại, miệng thường thoảng mùi thơm hoa sen, và các lỗ chân lông thường tiết mùi trầm.

Tú Vương Hoa, ta giao phó phẩm “Dược Vương Bản Sự” cho người; năm trăm năm sau khi ta diệt độ, phải đem ra truyền bá nói rộng ở cõi Diêm phù đề, và đem sức thần thông mà giữ gìn, vì đây là phương thuốc hay cho người bệnh thế gian, ai bệnh mà nghe được Kinh này thời bệnh liền tiêu diệt, chẳng già, chẳng chết.

Thấy ai thọ trì Kinh này, Tú Vương Hoa nên dùng hoa sen xanh đựng đầy hương bột rải trên người ấy và nghĩ rằng: Người này chẳng bao lâu quyết định sẽ trải cỏ ngồi nơi Đạo Tràng, phá các ma quân, thổi ốc pháp, đánh trống pháp, độ thoát tất cả chúng sanh ra khỏi sanh già bệnh chết.

Lúc Đức Phật nói phẩm “Được Vương Bồ Sát” này có 8 muôn 4 ngàn Bồ tát đặng đà la ni “Giải nhất thế chúng sanh ngôn ngữ”.

Đức Phật Đa Bảo trong Tháp báu khen Tú Vương Bồ tát: Lành thay! Lành thay! Tú Vương Hoa, người thành tựu những công đức không thể nghĩ bàn mới hỏi được Đức Phật Thích Ca việc như thế, làm lợi ích vô lượng cho tất cả chúng sanh.

\*\*\*

## Huyền nghĩa

*Các phẩm trước chỉ cho thấy tất cả chúng sanh đều có Phật tánh*

*(Hiển Tánh), phẩm Được Vương này chỉ cách hành (Hiển Hành), tức phương pháp làm cho Phật tánh phát hiện.*

*Vậy “Được Vương Bồ tát Bồ Sát” có nghĩa là sự tích của phương thuốc chúa, (Được là thuốc, Vương là vua, là chúa).*

Hai câu hỏi của Bồ tát Tú Vương Hoa nêu ở đầu phẩm hàm chứa hai ý: 1) làm thế nào cho phương thuốc ấy được truyền khắp thế giới Ta bà? 2) phương thuốc ấy gồm có những hạnh khó làm nào?

Toàn phẩm đã đáp lại hai câu hỏi này bằng sự tích tượng trưng của Bồ tát Hỷ Kiến.

Phật Nhật Nguyệt Tinh Minh Đức ám chỉ đức Thanh Tịnh làm sáng tâm.

Có thanh tịnh là có sáng suốt, có sáng suốt là thấy Tánh được (minh tâm kiến tánh), và sự kiến Tánh ấy được nhân cách hóa (personnifié) ở đây bằng một vị Bồ tát có tên là “Nhất thế chúng sanh hỷ kiến”, có nghĩa là: Cái mà tất cả chúng sanh vui thấy, Thấy được Tánh là một sự vui mừng mà không chúng sanh nào không thưởng thức.

Thấy được Tánh, tức thấy luôn rằng Tánh ở trong (hiện) tất cả chúng sanh (sắc thân), cho nên Kinh nói là được chánh định “hiện nhất thế sắc thân”.

Muốn thấy Tánh (Hỷ kiến) phải tu tập khổ hạnh, tinh tấn, tham thiền (kinh hành) trong thanh tịnh, một lòng cầu giác ngộ (thành Phật). Như thế là vì Pháp mà hy sinh làm mọi cố gắng tinh thần (dùng thân thông cúng dường).

Nhưng cố gắng cho thế mảy mà còn nghĩ đến thân, còn luyến tiếc cái “ta” thì sự hy sinh chuta trọn vẹn. Do đây mà phải phá “ngã chấp” (dùng thân cúng dường).

*Xả bỏ thân, hy sinh thân, bằng cách cho nó uống các chất thơm, thoa các thứ dầu thơm (trong ngoài thanh tịnh thơm sạch) và dùng thân thông, tức sức mạnh của định mà thiêu đốt tất cả những ô trược. Sự thanh tịnh hóa ấy (purification) phải liên tục trong nhiều thời gian (thân cháy trót 1.200 năm), sau đó mới diệt tận các chất nhơ (thân tận).*

*Có chết với đời sống ô trược như thế, mới phục sanh trong Trong sạch (Tịnh Đức), ở mãi trong nhà trong sạch (nhà vua Tịnh Đức). Kết quả ấy toàn do sự tham thiền (ngồi kiết già hóa sanh).*

*Có thanh tịnh mới giải đặng nghĩa ẩn của lời nói chúng sanh (giải nhất thế chúng sanh ngữ ngôn) là những phương tiện diễn đạt chân lý hết sức eo hẹp, mới hiểu thâm sâu được những bài kệ tóm nghĩa Kinh Pháp Hoa, là những lời nói với Tâm chớ không phải với trí óc tầm thường. Nhưng nghĩa Kinh dầu hiểu, Tánh dầu đã thấy, vẫn phải cố gắng thêm (cúng dường) để thân chứng<sup>(1)</sup> Phật tánh (gặp Phật, thấy cho tận mặt).*

*Thân chứng được rồi là nắm đặng Phật Pháp và Chánh giác vô thượng (Phật giao phó).*

*Bây giờ đến giai đoạn chót là “đốt hai tay” chỉ biết làm phước thế gian, để được hai tay khác là phước đức và trí huệ (lưỡng túc tôn).*

---

1. Thân chứng = réaliser.

\*\*\*

*Cúng dường cho Phật Pháp như thế mới là lối hy sinh cao cả và chân chánh nhất. Lễ Phật, dâng hoa hương, tiền bạc mà không làm một cố gắng nào, không hy sinh thân tâm phàm phu mình cho Chánh Pháp (Phật), thời bất quá tạo phước để hưởng trong sanh già bệnh chết, sao bằng dùng món thuốc chúa nói trên để mưu sự giải thoát luân hồi (chẳng già, chẳng chết).*



## PHẨM THỨ 24



### DIỆU ÂM BỒ TÁT

(Le Bodhisattva Gadgadasvara)

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích Ca, từ nơi nhục kế, phóng một làn ánh sáng, từ giữa đôi lông mày phóng một đạo hào quang, khắp soi một trăm tám muôn ức na do tha Hằng hà sa thế giới chư Phật ở phương Đông. Xa hơn số thế giới này, có một thế giới tên là Tịnh Quang Trang Nghiêm. Tại nước ấy, có Phật hiệu Tịnh Hoa Tú Vương Trí đang thuyết pháp cho vô lượng vô biên Bồ tát cung kính vây quanh nghe. Hào quang lông mày của Đức Phật Thích Ca soi khắp nước Tịnh Quang.

Bây giờ trong nước Nhất Thế Tịnh Quang Trang Nghiêm có một Bồ tát tên là Diệu Âm, từ lâu đã trồng cội đức, cúng dường, gân gũ vô lượng chư Phật, cho nên đã thành tựu trí huệ rất sâu và được nhiều thứ tam muội (chánh định) là: diệu tràng, pháp hoa, tịnh đức, túc vương trí, vô duyên, trí ấn, giải nhất thế chúng sanh ngữ ngôn, tập nhất thế công đức thanh tịnh, thần thông du hí, huệ cự, trang nghiêm vương, tịnh quang minh tịnh tạng, bất cộng và nhật triền. Bồ tát Diệu Âm được trăm ngàn muôn ức Hằng hà sa đại tam muội như thế. Thân tám

trong ánh sáng đức Phật Thích Ca, Bồ tát Diệu Âm liên bạch với Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí:

- Thế Tôn! Tôi sẽ sang thế giới Ta bà, lễ bái, gần gũi, cúng dường Phật Thích Ca cùng ra mắt các Bồ tát Văn Thù, Dược Vương, Đông Thích, Tú Vương Hoa Thượng Hành Ý, Trang Nghiêm Vương và Dược Vương.

Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí nói với Bồ tát Diệu Âm:

- Người chẳng nên xem rẻ nước kia (thế giới Ta bà) mà tưởng là thấp yếu. Nay thiện nam tử, thế giới Ta bà cao thấp không bằng phẳng, đầy đầy núi đất, núi đá và những nhơ xấu, thân Phật thấp nhỏ, hình các Bồ tát cũng nhỏ như vậy, còn thân người thời cao đến 4 vạn 2 ngàn do tuần, thân ta đến 6 trăm 8 mươi vạn do tuần; thân người (còn) đoan chánh bậc nhất, được trăm ngàn muôn phước làm cho hết sức rạng rỡ. Vì vậy sang đến Ta bà, chớ nên khinh nước này, đừng sanh lòng cho Phật, Bồ tát cùng tất cả nước này là thấp thỏi, yếu đuối.

Bồ tát Diệu Âm bạch :

- Thế Tôn! Con nay qua cõi Ta bà là do sức thần Như Lai, do thần thông du hí của Như Lai, do công đức trí huệ trang nghiêm của Như Lai.

Lúc ấy, Bồ tát Diệu Âm không rời khỏi chỗ ngồi, thân chẳng lay động, nhập chánh định, dùng sức mạnh

của chánh định, tại núi Kỳ xà quật, cách chỗ Bồ tát ngồi không xa, hóa ra 8 muôn 4 ngàn hoa sen báu, cọng bằng vàng diêm phù đàn, cành bằng bạc, nhụy bằng kim cương, và đài bằng báu chân thức ca.

Bồ tát Văn Thù thấy vậy mới bạch với Đức Thích Ca:

- Thế Tôn! Do đâu mà có điềm tốt này?

Đức Phật đáp:

- Đó là điềm lành Bồ tát Diệu Âm, từ nước của Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí muốn cùng 8 muôn 4 ngàn Bồ tát đến cõi Ta bà, để cúng dường, gần gũi, lễ lạy ta và cũng muốn cúng dường nghe Kinh Pháp Hoa.

Bồ tát Văn Thù bạch:

- Thế Tôn! Bồ tát đó trông cội lành gì, tu công đức gì mà đặng sức đại thần thông như thế? Cúi xin Thế Tôn nói cho chúng con biết tên tam muội đó vì chúng con muốn tu tam muội ấy để thấy được sắc tướng và oai nghi tối, dùng của Bồ tát Diệu Âm. Khi Bồ tát tới, cúi xin Thế Tôn dùng sức thần thông làm cho chúng con thấy được Bồ tát.

Đức Thích Ca đáp:

- Đức Đa Bảo Như Lai đã diệt độ từ lâu, sẽ vì các người mà hiện bày thân tướng của Bồ tát Diệu Âm.

Tức thời Phật Đa Bảo bảo Bồ tát Diệu Âm:

- Thiện nam tử hãy đến đây, Văn Thù muốn thấy thân của người đấy.

Bấy giờ Bồ tát Diệu Âm đang ẩn mặt ở nước kia, bèn cùng 8 muôn 4 ngàn Bồ tát đồng qua cõi Ta bà. Trải qua các nước, đâu đâu đất cũng chuyển động 6 cách, hoa sen bảy báu rưới như mưa, trăm ngàn nhạc trời chẳng trở tự kêu, mắt của Bồ tát như cánh hoa sen xanh rộng lớn, diện mạo tốt đẹp hơn trăm ngàn muôn mặt trăng hợp lại, thân sắc vàng ròng trang nghiêm bằng vô lượng công đức, oai đức rất thanh, ánh sáng chói rực, đầy đủ các tướng như thân bền chắc của Na la Diên.

Bồ tát Diệu Âm vào đài bảy báu, bay lên hư không cách đất bảy cây đa la và cùng chư Bồ tát vây quanh, đến núi Kỳ xà quật ở cõi Ta bà. Tới nơi rồi, Bồ tát xuống đài, lấy chuỗi ngọc giá trị trăm ngàn cúng dường đức Phật Thích Ca mà bạch rằng:

- Thế Tôn! Đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí có lời hỏi thăm Thế Tôn ít bệnh, ít buồn, đi đứng thơi thới và hoạt động trong sự an lạc không? Bốn đại (thân) có điều hòa chăng? Việc đời nhần được chăng? Chúng sanh dễ độ chăng? Không có nhiều tham dục, giận hờn, ngu si, ganh ghét, bỗ sển, kiêu mạn, phải vậy chăng? Không còn điều bất hiếu với cha mẹ, chẳng kính sa môn, tà kiến, tâm chẳng lành, chẳng nhiếp năm tình chăng? Thế Tôn! Chúng sanh có năng hàng phục các ma oán chăng? Đa Bảo Như Lai đã diệt độ từ lâu và ở trong tháp bảy

báu, có đến nghe pháp chẳng? Đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí lại dặn tôi hỏi thăm Đa Bảo Như Lai có an ổn, ít buồn, hay chịu đựng và ở lâu được chẳng? Thế Tôn! Tôi muốn thấy thân Phật Đa Bảo, cúi xin Thế Tôn chỉ cho con được thấy.

Lúc đó Đức Phật Thích Ca nói với Phật Đa Bảo:

- Bồ tát Diệu Âm muốn ra mắt Ngài.

Đức Phật Đa Bảo liền nói với Bồ tát Diệu Âm:

- Hay thay! Hay thay! Để cúng dường Phật Thích Ca, cùng nghe Kinh Pháp Hoa và thấy Văn Thù v.v... người lại đến đây.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Hoa Đức bạch Phật Thích Ca:

- Thế Tôn! Bồ tát Diệu Âm trông cội lành gì, tu công đức nào mà có sức thần thông như thế?

Đức Phật đáp:

- Thuở quá khứ có Phật hiệu Vân Lô Âm Vương, nước tên là Hiện Nhất Thế Thế Gian, kiếp tên Hỷ Kiến. Suốt một muôn hai ngàn năm, Bồ tát Diệu Âm dùng mười muôn thứ kỹ nhạc cúng dường Phật Vân Lô Âm cùng dựng tám muôn bốn ngàn bát báu. Do nhân duyên quả báu đó mà nay được sanh tại nước của Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí và có sức thần như thế. Nay Hoa Đức, người nghĩ sao? Diệu Âm Bồ tát thuở đó, chính nay là Bồ tát Diệu Âm đây. Bồ tát Diệu Âm này đã từng cúng dường, gần gũi vô lượng đức Phật, từ lâu trông đức,

lại gặp Hằng hà sa đức Phật. Nay Hoa Đức, người chỉ thấy thân hình của Diệu Âm ở tại đây, chẳng dè Bồ tát ấy hiện các thứ thân hình, nơi nơi đều vì chúng sanh mà nói kinh điển này. Diệu Âm có thể hiện thân Phạm Vương, Đế Thích, Tự tại thiên, Đại tự tại thiên, Thiên đại tướng quân, Tỳ sa môn thiên vương, Chuyển luân thánh vương, Tiểu vương, trưởng giả, cư sĩ, tể quan bà la môn, tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di, hoặc hiện thân vợ tể quan, bà la môn, hoặc hiện thân con trai, con gái, trời, rồng, dạ xoa... người, cùng không phải là loài người v.v... mà nói Kinh này. Bao nhiêu địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và ở đâu có tai nạn, Diệu Âm đều có khả năng cứu giúp, thậm chí đến trong hậu cung vua chúa, Bồ tát cũng biến làm thân người nữ mà nói Kinh này.

Hoa Đức, Bồ tát Diệu Âm này hay cứu độ các chúng sanh trong cõi Ta bà, hiện các thứ thân ở cõi Ta bà vì chúng sanh mà nói Kinh Pháp Hoa, tuy thân thông biến hóa như thế mà trí huệ không hề hao bớt. Bồ tát dùng ngàn ấy trí huệ sáng soi cõi Ta bà, khiến tất cả chúng sanh, mỗi mỗi đều đặng sự hiểu biết của mình, còn trong Hằng hà sa thế giới mười phương cũng đều được như vậy. Nếu phải dùng hình Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát hay Phật để độ thoát chúng sanh, thời Diệu Âm liền hiện ra hình ấy mà nói Pháp. Thậm chí phải diệt độ để độ thoát chúng sanh thời cũng thị hiện diệt độ.

Bồ tát Hoa Đức bạch Phật:

- Thế Tôn! Bồ tát Diệu Âm ở trong tam muội nào mà có thể biến hiện ở các nơi trong nhiều hình như thế?

Phật đáp:

- Tam muội đó gọi là “Hiện nhất thế sắc thân”.

Lúc nói phẩm “Diệu Âm Bồ tát” này, 8 muôn 4 ngàn Bồ tát cùng đi với Bồ tát Diệu Âm, đều đặng tam muội “Hiện nhất thế sắc thân”.

Khi Bồ tát Diệu Âm cúng dường Đức Phật Thích Ca và tháp Đa Bảo xong rồi trở về nước mình, các nước của Bồ tát trải qua đều chấn động, trên có mưa hoa sen báu, nhạc trời tự trở như lúc đi. Về đến nước rồi, Bồ tát cùng 8 muôn 4 ngàn Bồ tát vây quanh đến trước Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí bạch rằng:

- Thế Tôn! Con đã đến cõi Ta bà làm lợi ích cho chúng sanh, đã ra mắt lễ lạy, cúng dường đức Phật Thích Ca, ra mắt tháp Phật Đa Bảo, lại gặp các Bồ tát Văn Thù, Dược Vương, Đắc Cần Tinh Tấn Lực, Đồng Thí, và cũng đã làm cho 8 muôn 4 ngàn Bồ tát này đặng tam muội “Hiện nhất thế sắc thân”.

Lúc nói phẩm “Bồ tát Diệu Âm tới lui” này, 4 muôn hai ngàn người cõi thiên được vô sanh pháp nhẫn, còn Bồ tát Hoa Đức được tam muội Pháp Hoa.

\*\*\*

## Huyền nghĩa

*Diệu âm là tiếng huyền diệu (Voix mystérieuse). Tiếng ấy phát xuất ở đâu? Ở thế giới Tịnh quang trang nghiêm, tức là ở tâm đã được thanh tịnh và sáng suốt, có một trí huệ sáng hơn các vì tinh tú (Tú vương: reine des constellations).*

*Tiến huyền diệu ấy chỉ trở lên ở những tâm, ở những người đã từ lâu trồng cội lành, gần gũi, hy sinh cho Chân lý (Phật) và sống vững trong Chánh định.*

*Nhưng đừng tưởng chúng sanh Ta bà không có tiếng huyền diệu ấy. Tuy họ còn sống trong xao xuyến, trong nhơ xấu, họ vẫn có ánh sáng nơi lòng, họ vẫn có các công đức, chỉ hiềm ánh sáng lòng của họ còn nhỏ, chưa khắp chiếu (thân Phật nhỏ) và các công đức của họ cũng còn ít oi (thân Bồ tát nhỏ).*

*Tiếng huyền diệu ấy ở cõi Ta bà này mà trở lên được (Bồ tát Diệu Âm qua cõi Ta bà) là khi nào con người dùng được sức mạnh của tâm (sức thần của Như Lai), khi nào con người không còn một trở ngại nào trong tâm (thần thông du hí của Như Lai), khi tâm đã được công đức và trí huệ trang nghiêm.*

*Phải có chánh định, tiếng ấy mới phát xuất. Tuy nói phát xuất, thật ra không rời khỏi tâm (Bồ tát Diệu Âm không rời khỏi tòa) và tuy chưa thật đúng là tiếng của Chân lý tuyệt đối (cách pháp tòa chẳng xa), vẫn là tiếng*



*của cái phàm đã thành Thánh, cái dơ đã thành trong sạch (84.000 hoa sen báu).*

*Ai nghe được tiếng ấy (khi Diệu Âm qua đến cõi Ta bà) phải trải qua nhiều cuộc thay đổi chấn động trong tâm hồn (các nước trải qua đều chấn động 6 diệu, mưa hoa, nhạc trời), những chấn động tốt đẹp, êm ái. Tiếng đó là tiếng của Ánh Sáng (trăm ngàn muôn mặt trăng không bằng), là tiếng của cái Thường tồn (thân sắc vàng ròng), của cái Bất hoại (như thân Na la diên bền chắc), nói trắng là của Tâm.*

*Sau đây là những điều kiện làm phát sanh tiếng huyền diệu ấy:*

*- Ít bệnh, ít lo, thơ thới an vui trong mọi trạng thái, trong mọi việc làm*

*- Thân tứ đại điều hòa*

*- Nhẫn được việc đời, không nóng nảy, bực dọc*

*- Chế ngự dễ dàng tư tưởng của mình (chúng sanh dễ độ)*

*- Không có nhiều tham dục, giận hờn, ngu si, ganh ghét, bòn sẻn, kiêu mạn*

*- Không trái đạo hiếu, không thất lễ với người xuất gia, không còn tà kiến, không còn tâm chẳng lành, không còn thu nắm những gì mắt, tai, mũi, lưỡi, thân cảm xúc (5 tình)*

- Hàng phục được tất cả các sự thù oán
- Thích nghe biết sự thật (nghe pháp) và dám chịu mệt nhọc, an vui mà nghe pháp.

Nói tóm, muốn cho tiếng của cõi lòng thanh tịnh xuất phát, phải biết hy sanh cho sự Giác ngộ (cúng dường Phật Thích Ca), phải nghe Pháp (Kinh Pháp Hoa), phải thấy cho được, nghĩa là hành trí huệ (Văn Thù) phải thực hiện các phương thuốc trừ tâm bệnh (kiến Dược Vương), phải mạnh dạn bỏ thí xả bỏ mọi của cải thế gian (kiến Đông Thích) v.v.....

Tâm ai cũng có, vì bởi ai cũng có Tiếng huyền diệu. Gom các tiếng ấy lại thành tiếng sấm trên mây (Vân Lô Âm). Vậy mỗi tiếng chia rẽ cần phải góp phần vào cái Tiếng chung kia, bằng cách hy sanh cho cái chung ấy (cúng dường Lô Âm Như Lai). Có cúng dường (hy sanh) là được Thanh tịnh Trí huệ (sanh tại nước của Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí).

Vì ai cũng có tâm, do đó mà có luôn tiếng huyền diệu của “lượng tâm”. Kinh bảo Diệu Âm có khả năng hiện trong các thân hình và ở mọi nơi, trong hàng phú quý, cũng như trong hàng bần cùng hạ tiện, trong nam cũng như trong nữ, trong người lớn cũng như trong con trẻ. Ai nói được lời nói đạo đức, ai nghe được tiếng thúc dục lành sạch của chân tâm, Bồ tát Diệu Âm đã hiện trong thân người ấy. Thậm chí trong những kẻ quá ác, quá nhiều tội lỗi (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh), hay trong

*chỗ trác táng xa hoa, dâm dục (trong hậu cung), tiếng nói diệu huyền cũng có thể trở lên để thức tỉnh những con người sa ngã.*

*Tuy nhiên, vì trình độ của mỗi người mỗi khác, cho nên tiếng ấy có khi trở lên như tiếng hoặc của giáo pháp Thanh văn, hoặc của Duyên giác, hoặc của Bồ tát, hoặc của Phật. Nhưng có khi lại không trở (diệt độ) mà cũng vẫn có hiệu nghiệm giải thoát, như người mắng mình mà mình làm thình nhận chịu. Cái làm thình đó đủ làm tỉnh kẻ mắng mình.*

*Vì tiếng diệu huyền ấy ở trong mọi thân, Kinh quyền nói Bồ tát Diệu Âm ở trong tam muội “Hiện nhất thể sắc thân”, nghĩa là thân nào, người nào cũng có thể làm trở dậy tiếng của tâm mình, nếu mình giữ tâm chánh định (tam muội).*

\*\*\*

*Ý kinh ở đây dạy phải cố gắng nghe cho được tiếng của nội tâm. Tiếng đó huyền diệu lạ lùng vì không phải dùng hai lỗ tai phàm và trong cảnh bất thanh tịnh mà nghe được. Phải có những điều kiện như trên, tiếng ấy mới nói và chúng ta mới nghe được. Và tiếng ấy có thể phát ra ở những người mà “**Phật và Bồ tát còn nhỏ**”. Nói một cách khác, dầu thấp kém đến đâu về mặt đạo đức, sáng suốt, thanh tịnh, vị tha, con người đều có thể nghe được tiếng của cõi lòng chân tịnh cả.*

## PHẨM THỨ 25



### QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN (Le récit parfaitement heureux)

Lúc bấy giờ, Bồ tát Vô Tận Ý lễ Phật bạch rằng:

- Thế Tôn! Do nhân duyên nào mà Bồ tát Quán Thế Âm có tên là Quán Thế Âm?

Phật bảo:

- Vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng sanh đang bị khổ não mà nghe (nói đến) Bồ tát Quán Thế Âm rồi “nhất tâm” xưng niệm danh hiệu của Bồ tát, thì Bồ tát xem thấy tiếng xưng niệm và tất cả chúng sanh ấy đều được giải thoát khổ não.

Người nắm giữ danh hiệu của Bồ tát Quán Thế Âm, thì nhờ oai thần của Bồ tát mà:

1. Vào lửa, lửa chẳng cháy
2. Trôi dưới nước, đừng vào chỗ cạn
3. Đi thuyền tìm châu báu trong biển lớn, bị giông trôi tấp vào nước quỉ La sát, thoát đặng nạn quỉ La sát

4. Sắp bị người dùng dao gậy chém đánh, thời dao gậy bị gãy từng khúc
5. Khởi bị Dạ xoa và La sát làm hại, vì chúng không dám ngó người xưng hiệu Bồ tát Quán Thế Âm.
6. Bị xiềng xích gông cùm, dầu có tội, dầu không bị tội, thời xiềng xích gông cùm ấy thấy đều đứt rã
7. Gặp đường hiểm trở, đặng thoát khỏi và không lòng sợ sệt..

Lại nữa, chúng sanh nào nhiều dâm dục, nhiều giận hờn, nhiều ngu si, mà thường cung kính niệm danh hiệu Bồ tát Quán Thế Âm thời liền đặng lìa dục, lìa sân, lìa si.

Này Vô Tận Ý, Bồ tát Quán Thế Âm oai thần mạnh lớn như thế, cho nên chúng sanh phải một lòng tưởng nhớ.

Người nữ nào lễ bái, cúng dường Bồ tát Quán Thế Âm để cầu con trai thời đặng con trai phước đức trí huệ; còn muốn cầu con gái thời đặng con gái hình tướng xinh đẹp, tâm nhiều cõi phước, người người kính mến.

Phước đức cung kính lễ bái Quán Thế Âm không bao giờ mất và nhiều như phước đức của người niệm danh hiệu và cúng dường sáu mươi hai ức Hằng hà sa Bồ tát.

Vô Tận Ý bạch:

- Thế Tôn! Bồ tát Quán Thế Âm làm thế nào mà đạo khắp Ta bà? Sức phương tiện của Bồ tát như thế nào?

Phật bảo:

- Nếu có chúng sanh quốc độ nào mà cần phải dùng một thân Phật mới độ thoát họ được, thời Bồ tát Quán Thế Âm liền hiện thân Phật mà thuyết pháp cho họ nghe. Nếu phải cần thân Duyên giác, thân Thanh văn, thân Phạm vương, thân Đế Thích, thân Tự Tại thiên, thân Đại Tự Tại Thiên, thân Thiên Đại Tướng Quân, thân Tỳ sa môn, thân Tiểu vương, thân Trưởng giả, thân Cư sĩ, thân Tể quan, thân Bà la môn, thân Tỳ khuê, Tỳ khuê ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, thân của vợ Trưởng giả, Cư sĩ, Tể quan, Bà la môn, thân con trai con gái, thậm chí đến thân Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la đà, thân loài người cùng không phải loài người để độ thoát chúng sanh của một quốc độ nào đó, thì Bồ tát Quán Thế Âm, tùy trường hợp mà hiện thân ấy.

Vô Tận Ý, Bồ tát Quán Thế Âm thành tựu công đức như thế, dùng các thứ thân hình, đạo cùng các nước mà độ thoát chúng sanh, vì vậy chúng người phải “nhất tâm” cúng dường. Bồ tát Quán Thế Âm còn được cõi Ta bà gọi là “Người bố thí vô úy” vì trong hoàn cảnh sợ hãi tai nạn nguy cấp, Bồ tát có khả năng làm cho hết sợ.

Vô Tận Ý bạch Phật:

- Thế Tôn! Con xin cúng dường Bồ tát Quán Thế Âm.

Nói xong, liền mở chuỗi ngọc đang đeo nơi cổ, giá trị trăm ngàn lượng vàng, đem dâng cho Bồ tát Quán Thế Âm mà nói rằng:

- Xin Ngài nhận món pháp thí bằng châu báu này.

Bồ tát Quán Thế Âm không chịu nhận. Vô Tận Ý lại thưa:

- Xin Ngài thương xót chúng tôi mà nhận cho.

Bấy giờ Phật bảo Bồ tát Quán Thế Âm:

- Ông nên thương xót Vô Tận Ý và hàng tứ chúng cùng Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la đà, loài người và không phải người v.v... mà nhận chuỗi ngọc.

Tức thời Bồ tát Quán Thế Âm thương xót hàng tứ chúng, Trời, Rồng v.v... nhận chuỗi ngọc và chia làm hai phần: một phần dâng đức Phật Thích Ca, một phần dâng cúng tháp của Phật Đa Bảo.

Vô Tận Ý đọc một bài kệ hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn, con xin hỏi lại: Vì nhân duyên nào mà Phật tử có tên là Quán Thế Âm?

Đức Phật cũng dùng kệ đáp lại:

- Người đã nghe những hạnh của Quán Âm và sự ứng hiện ở các nơi của Bồ tát, ấy là vì Quán Âm đã phát

thệ lớn sâu như biển cả và không thể nghĩ bàn được đâu có trải qua nhiều kiếp. Lời thệ ấy là hầu hạ nhiều ngàn ức Đức Phật và đạt đến sự thanh tịnh tuyệt đối. Hãy nghe đây, ta sẽ vì người mà nói sơ lược cho nghe danh hiệu và thấy thân Quán Âm.

Ai không phạm cái lỗi trong tâm trống rỗng (nghĩa là không tưởng nhớ đến Bồ tát), thời có khả năng trừ diệt các thứ khổ não.

Thí dụ ý muốn làm hại nổi lên, làm cho mình rơi xuống hầm lửa, nhờ sức mạnh của sự tưởng nhớ Quán Âm mà hầm lửa biến thành ao. Hoặc trôi dạt biển cả, bị nạn quỷ cá rồng, nhờ sức tưởng nhớ Quán Âm mà không bị sóng nhấn chìm. Hoặc từ chót núi Tu di bị người xô rớt xuống, nếu tưởng niệm Quán Âm, thời như mặt trời treo giữa hư không (không rớt). Hoặc bị người dữ rượt đuổi, rơi khỏi núi Kim cang, nhờ sức niệm Quán Âm mà chẳng mất một mảy lông. Hoặc gặp kẻ thù bao vây, tay cầm dao quyết hại, nhờ sức niệm Quán Âm mà những kẻ thù liền sanh lòng lành. Hoặc gặp nạn phạm phép vua, khi sắp bị hành hình, nhờ sức niệm Quán Âm, dao chém gãy từng đoạn. Hoặc bị xiềng trong tù, tay chân mang gông cùm, nhờ sức niệm Quán Âm, đương nhiên được giải thoát. Hoặc bị trù ếm hay thuốc độc, nhờ sức niệm Quán Âm mà bùa chú, thuốc độc kia trở lại làm hại người muốn hại. Hoặc gặp các loài quỷ, nhờ sức niệm Quán Âm, các quỷ không dám hại. Hoặc bị thú dữ bao



vây, nanh vuốt nhọn đáng sợ, nhờ sức niệm Quán Âm mà chúng vội vàng bỏ chạy. Khí độc của rắn, bò cạp, dẫu có bốc lên như khói lửa, nhờ sức niệm Quán Âm mà theo tiếng niệm bỏ đi. Hoặc gặp cơn sấm sét, mưa to mưa đá, nhờ sức niệm Quán Âm mà tất cả đều tiêu tán.

Chúng sanh thời bị vô lượng khổ não bức bách thân thể, còn Quán Âm thời trí huệ diệu huyền cho nên hay cứu thế gian, lại thêm đầy đủ sức thần thông và rộng tu trí phương tiện, cho nên khắp cõi nước mười phương, không nước nào chẳng hiện, và lần hồi làm cho dứt hết những khổ não sanh, già, bệnh, chết của chúng sanh trong ba đường dữ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

- Quán Âm xem xét đúng với Chân thực (Chơn quán)

- Quán Âm xem xét đúng với lòng trong sạch (thanh tịnh quán)

- Quán Âm xem xét đúng với trí huệ rộng lớn (quảng đại trí huệ quán)

- Quán Âm xem xét đúng với lòng từ bi (Bi quán cập từ quán)

Vì vậy phải hết sức chiêm ngưỡng.

Quán Âm là Ánh sáng trong sạch, không nhớ, là mặt trời Huệ có khả năng phá trừ mọi hắc ám, hàng phục mọi tai nạn khói lửa và khắp soi sáng thế gian.

Quán Âm là lòng Đại bi ngăn cấm sự sấm sét.

Quán Âm là đám mây lành che chở do ý Đại bi kết thành.

Quán Âm rưới mưa pháp cam lồ làm dứt trừ lửa phiền não.

Dầu kiện thưa chổ công đường hay giữa trận chiến để làm sợ sệt, sự tưởng niệm Quán Âm làm cừ oán đều lui tan.

Tiếng xét thấy khắp thế gian là Tiếng Diệu huyền, là Tiếng của vua cõi Trời (Phạm âm), là tiếng của sóng biển, không tiếng thế gian nào bằng, vì vậy phải thường tưởng nhớ.

Trong mỗi niệm, chớ sanh nghi: Quán Âm là Thánh của Thanh tịnh, là nơi nương tựa của đời khổ não, chết chóc. Đầy đủ mọi công đức, trông chúng sanh với đôi mắt lành, Quán Thế Âm là biển phước lớn khôn lường, vì vậy phải nên quì lạy.

Bấy giờ Bồ tát Trì Địa đứng dậy lễ Phật bạch:

- Thế Tôn! Chúng sanh nào mà nghe được phẩm Quán Thế Âm này là phẩm nói về đạo nghiệp tự tại và sức thần thông ứng hiện khắp nơi, thời nên biết công đức người ấy chẳng phải ít.

Lúc Phật nói phẩm Phổ môn này, trong đại chúng có tám muôn bốn ngàn chúng sanh đều phát tâm cầu Vô thượng giác.

\*\*\*

### Huyền nghĩa

*Trong Hán văn có danh từ “Quán đài” là cái đài cao để trông xa. Lại nữa, trong Phật học có danh từ “Quán tưởng” là xét thấy trong tư tưởng, bằng tư tưởng (voir par l’imagination).*

*Thế là thế gian, Âm là tiếng.*

*Vậy Quán Thế Âm là xét thấy, xét nghe tiếng của thế gian đau khổ, lo sợ.*

*Huyền Bá Thiên sư trong sách Truyền tâm Pháp yếu nói: “Quán Âm tiêu biểu cho Đại bi”. Vậy tuy nói Bồ tát Quán Thế Âm, tựu trung Kinh muốn đề cập đến mức Đại từ Đại bi của Phật. Như thế niệm Quán Thế Âm, là niệm Phật nhưng đứng về khía cạnh Đại từ Đại bi.*

\*\*\*

*Xưng tán đức Đại từ Đại bi trong phẩm 25 Kinh Diệu Pháp, chư Tổ thường nhắc nhở đến 3 điểm đặc biệt sau đây: 1- Thất nạn, 2- Nhị cầu, 3- Tam thập nhị ứng.*

**Thất nạn** là bảy nạn của thế gian: lửa, nước, sát hại (la sát), đánh chém, vô minh (ma quỷ), mất tự tại (gông cùm) và thù cướp.

**Nhi cầu** (2 sự cầu xin) là cầu con trai và con gái.

**Tam thập nhị ứng** là 32 lối hiện thân để độ thoát chúng sanh, như trong Kinh có nói.

Về huyền nghĩa trong thất nạn, xin xem chi tiết ở đoạn sau. Đây xin sơ lược:

1- Vào lửa mà lửa không thiêu là như thế nào?

Người đời lầm lạc, khổ não là tại cái “thấy biết” (tri kiến); thấy thuộc về mắt, biết thuộc về tâm. Thấy biết tánh nóng, vì hay xúi giục, thúc đẩy con người làm theo sự càn dỡ của vọng tưởng, cho nên ví như lửa.

2- Tam Tạng Pháp Số viết: “Quán thính tánh động tắc thuộc ư thủy”: thấy nghe tánh động cho nên thuộc nước. Giọng xuyễn tiếng đàn có thể lôi cuốn người như nước.

3- La sát là loài quỷ ăn thịt người, thí dụ cho những tai nạn gặp kẻ hung bạo muốn giết mình.

4- Về nạn dao gậy, Tam Tạng Pháp Số viết: “Lục căn hại nhân, bình nhĩn vô dị”: Sáu căn hại người chẳng khác binh khí. Vậy tuy nói dao gậy, thực ý Kinh muốn nói đến những cái hại của “lục nhập”.

5- Nạn ma quỷ ám chỉ sức cảm dỗ của tham, sân, si, mạn, nghi.

6- Nạn gông cùm ám chỉ những trói buộc do mê lầm tạo nên.

7- Thù cướp chỉ những sự thù oán mà vì vô minh, ta đã kết tạo và những sự cướp giết mà kẻ tham mong làm.

Tất cả những nạn ấy, đều thuộc thân, đều thuộc tâm, đều có thể diệt trừ được bằng pháp môn niệm danh hiệu Quán Thế Âm một cách “nhất tâm”.

Niệm mà đến chỗ nhất tâm (cũng như niệm Phật A Di Đà) mà lòng trở thành thanh tịnh: Quán Thế Âm Tịnh Thánh). Có thanh tịnh là có định, có định là có huệ, có huệ là có Từ bi, mà Từ bi là Chân thể (vraie essence) của con người, là đức chính của Phật tánh. Vậy niệm Quán Thế Âm là tưởng nhớ đức nhất đến cái Chân thể, đến vị Phật ở nơi mình, nhờ đó mà lần hồi mình bỏ được cái lối sống theo vọng tưởng vô minh, mà sống theo lối mới của Chân thể thanh tịnh và từ bi, trí huệ. Có những đức này thì được giải thoát các nạn nói trên.

Cầu nam thời được con trai **phước đức trí huệ**, cầu gái thời được con gái **đoan chánh**. Hai sự cầu xin này là lấy sự cầu xin của thế gian mà thí dụ, chớ người tu hành mà cầu con cái làm gì? Vậy ý Kinh dạy: muốn cầu phước đức, trí huệ, đoan chánh là được như sở nguyện. Ấy là nhờ sức mạnh của sự niệm Phật, niệm Bồ tát mà tâm trở

*nên thanh tịnh, chánh định... như đã nói, rồi làm phát sanh những kết quả trên, chẳng khác con là do sự thai nghén của mẹ.*

*Quán Thế Âm đã là tiêu biểu cho đức Đại từ Đại bi của Phật tức của Tâm, mà tâm thời ai cũng có, cho nên đức ấy có thể hiển hiện bất luận trong một chúng sanh nào, từ cõi thiên xuống tới cõi người và A tu la (ba cõi thiện) để độ thoát những chúng sanh trong ba nẻo dữ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh).*

*Thật ra chúng sanh của ba cõi chót cũng có tâm, nghĩa là cũng có từ bi, nhưng vì quá bị vô minh vọng tưởng che ánh, nên có của báu mà không biết đem dùng tự độ, hà huống đi độ người.*

*Tam thập nhị ứng còn có nghĩa đức từ bi thị hiện mà có hiệu quả, là khi nào hợp với hoàn cảnh. Nếu là trường hợp của người đại trí, thí dụ, thì phải một người đại trí mới khuyến hóa được. Do đây nói, nếu cần phải hiện thân Phật để thuyết pháp, thì hiện thân Phật. Ở các giai cấp khác cũng vậy, thậm chí gặp cảnh của nữ nhân, thì cũng phải một người nữ mới nói cho nhau nghe.*

\*\*\*

*Mấy câu trong đoạn chót của bài kệ, bắt đầu từ câu “Chân quán, thanh tịnh quán” cho đến hết, cần phải suy gẫm nhiều. Ta xem đời, xử sự với đời như thế nào? Xem đúng với sự Chân thật hay theo vọng tưởng? Ngó với đôi*

mắt thanh tịnh hay dơ đục bởi lục đục thất tình? Xét một cách sáng suốt (trí huệ) hay một cách đen tối? Có lấy lòng thương xót đãi người đãi vật hay với một lòng ác độc? Có thương xót mới ngăn được những cơn giận sấm sét của mình (Bi thể giới lôi chấn); chỉ có lòng từ bi mới tạo cho mình một vầng mây lành che chở cho mình (Từ ý diệu đại vân), chớ đừng tưởng tưởng cao chớ dữ mà mình được an ổn...

Ba tiếng Quán Thế Âm đã có thần lực đem nhiều sự lợi ích cho ta như thế, thì ở thế gian có tiếng nào bằng mà không bỏ những tiếng này để tai chỉ nghe tiếng kia mà thôi? Đó là tiếng của Tâm ta (Diệu âm), đó là tiếng của cái Chí Thiện (Phạm âm), đó là tiếng của Pháp (Hải triều âm), đó là tiếng của Phật (Giác ngộ).

Vì tiếng ấy có thể xuất phát mọi nơi, phát nơi kẻ lành để cho người dữ nghe, nên nói là thị hiện ở khắp các cửa, các nhà (phổ môn).

\*\*\*

Những công đức thường được xưng tán ở Bồ tát Quán Thế Âm là: Thất nạn, nhị cầu, tam thập nhị ứng, thập tứ vô úy.

Trước đã nói về ba cái đầu, nay xin nói về cái chót là thập tứ vô úy (14 cái “không sợ”).

Theo sách Tam Tạng Pháp Số thì tên và nghĩa của Thập tứ vô úy như sau:

**1- Bất tự quán âm, dĩ quán quán dã. – Bất tự quán âm giả, vị bất tùy thanh trần sở khởi tri kiến dã. – Dĩ quán quán giả, vị phản chiếu tự tánh dã – Bất khởi trí kiến, tắc vô sở vọng; phản chiếu tự tánh, tắc nhất thể chân tịch, vô phục khổ não, cố linh thọ khổ chúng sanh mộng thử chân quán, tức đắc giải thoát, thị vi vô úy.**

**Bất tự quán âm** là nói không để cho cái “thấy biết” tùy theo cảnh vật (trần) và tiếng tăm (thanh) bên ngoài làm phát lên. – **Dĩ quán quán** là nói dùng cái tánh thấy quay lại soi xét tự tánh mình. – Thấy nghe bên ngoài mà không khởi lên một “trí kiến” nào thì không có vọng (illusion); quay lại sáng soi tự tánh, thì tất cả ắt phải chân thật và vắng lặng (chân tịch). Như thế thì không khổ não trở lại. Chúng sanh thọ khổ vâng chịu lối xem xét chân chánh này (chân quán) ắt được giải thoát, vì vậy nên gọi là Vô úy.

Nói tóm: không ngó ra bên ngoài mà cứ ngó ngược vào trong để thấy cái giá trị và chân tướng của sự vật. Thấy rõ rồi thì không còn phân biệt tốt xấu, hay dở, ngọt đắng v.v... (trí kiến), làm cho mình bị mê hoặc, lầm lạc (vọng tưởng). Hết vọng tưởng tức không còn say đắm cảnh giả dối của thế gian, và như thế là giải thoát. Đã giải thoát thì đâu còn sợ thiếu ăn ngon, không mặc đẹp, thậm chí đến không còn sợ cái chết nữa. Không sợ là vô



úy. Kinh nói: “Quán kỳ âm thanh, tức đắc giải thoát”, là nghĩa này.

**2- Tri kiến triền phục. – Tại tâm viết tri, tại nhãn viết kiến. Tri kiến tánh nhiệt, tắc thuộc ư hỏa. Vị Bồ tát năng triền chuyển tri kiến, dĩ phục chân không, năng linh chúng sanh, thiết nhập hỏa nạn, tự bất năng thiêu, thị vô úy.**

*Cái biết (tri) thuộc về tâm; cái thấy (kiến) thuộc về mắt. Tánh của “thấy biết” là nóng, vậy là thuộc về lửa. Đây Kinh muốn nói Bồ tát có khả năng xoay đổi cái “thấy biết”, đã từng phục “chân không” khiến chúng sanh (bắt chước làm theo) để có gặp lửa, tự mình không để cho lửa thiêu.*

*Nói tóm không để cho ngọn lửa “tri kiến” nung đốt lòng mình. Ngọn lửa ấy là ngọn lửa tham muốn do cái thấy nhóm lên. Đây là chỗ trong Kinh nói: “Thiết nhập đại hỏa, hỏa bất năng thiêu”. Không còn sợ (vô úy) lửa tham dục đốt là vậy.*

**3- Quán thính triền phục. – Quán thính tánh động, tắc thuộc ư thủy. Vị Bồ tát năng triền chuyển quán thính, dĩ phục chân không, năng linh chúng sanh, thiết vi đại thủy sở phiêu, tự bất năng một, thị vi vô úy.**

*Nghe thấy tánh động, vì vậy thuộc nước (tỷ như nước). Ở đây Kinh muốn nói Bồ tát có khả năng xoay đổi cái nghe, bắt nó tuân theo chân không (Réalité –*

*Vacuité*), vì vậy khiến được chúng sanh, dầu có trôi dạt trong nước “nghe thấy” cũng không tự mình nhận chìm mình. Do đây nói là không sợ.

Vấn tất, chuyển được cái nghe, không còn để cho nó chạy theo âm thanh giả dối của thế gian và bắt nó quay lại nghe cho được cái tiếng bề trong của con người, là tiếng của cái Chân cái Không, thì khỏi còn sợ sự lôi cuốn, nhận chìm của “nước nghe biết”.

**4- Đoạn diệt vọng tưởng, tâm vô sát hại. – Vọng tưởng tác nghiệp, dĩ sát vi thủ. Vị Bồ tát chứng ngộ Thực tánh, đoạn diệt vọng tưởng, đại từ tâm phát, vô sát hại niệm, năng linh chúng sanh, nhập bỉ La sát qui quốc, qui tự diệt ác, thị vi vô úy.**

Vì vọng tưởng mà sanh hành động (tác nghiệp) mà trong các hành động, sự sát sanh đứng đầu là trọng nhất. Ý Kinh muốn nói rằng, nhờ chứng ngộ Thực tánh, Bồ tát diệt được vọng tưởng và tâm thương xót phát khởi, vì vậy mà có khả năng khiến chúng sanh gặp phải kẻ ác (La sát), thì kẻ ác tự chúng hết ác. Đây là cái “không sợ” thứ tư.

Vọng tưởng hết, từ tâm sanh, không còn những tư tưởng sát hại đối với người khác, loài khác, thì đâu còn ai là kẻ thù mà tất cả đều là bạn, là thân với ta, vì vậy không còn sợ “qui” sát hại.

**5- Huân văn thành văn, lục căn sảo phục, đồng ư thanh thính. – Vị huân văn thuộc tư, tư ký sở văn vô tánh khả đắc, tắc thành Chân văn. Lục căn hại nhân, binh nhân vô dị. Bồ tát lục căn, ký giai tiêu diệt, dĩ phục Chân không, nhất thế trần cảnh, đồng ư thanh thính, năng linh chúng sanh, đương bị hại giả, đao nhân sở gia, đoạn đoạn chiết hoại, thị vi vô úy.**

*Hun chất cái nghe (cái học, cái biết) thuộc về suy gẫm; suy gẫm thấy những tiếng tăm mình nghe không phải thực có (vô tánh), nhờ vậy mà cái nghe sai trước kia trở thành cái nghe chân tánh (Chân văn). Sáu căn hại người (trong đó cái nghe là một) không khác gì binh khí. Nay sáu căn ở Bồ tát đã tiêu diệt và tuân theo Chân không, thì tất cả ngoại cảnh đều như những tiếng nghe kia (nghĩa là bị nhận là không thực có, không giá trị gì), nhờ vậy mà Bồ tát có khả năng khiến chúng sanh tránh khỏi nạn “binh khí” nói trên, như chúng tự gãy ra từng đoạn. Không sợ là như vậy.*

*Đây là đoạn trong Kinh nói : Lâm đương bị hại, đao đoạn đoạn hại.*

*Lóng nghe được tiếng của tâm thanh tịnh (Văn), nghe cho lâu ngày (huân), tức phải có suy gẫm (tư) và nhờ suy gẫm mà thấy âm thanh và tất cả tiền trần là giả dối (vô tánh khả đắc). Cái nghe do đó chỉ còn nghe cái*

*chân thật (tâm), không còn nghe cái giả dối nữa, cho nên “không sợ” sự cám dỗ của lục căn nữa.*

### **6- Văn huân tinh minh, minh biến pháp giới.**

**- Vị Bồ tát từng văn huân tập, sở thành huệ tánh. Ký đắc tịnh minh, minh chiếu thập phương, chu biến pháp giới, u ám tức tiêu, năng linh chúng sanh, tuy bị Dạ xoa chư ám giả lai cận kỳ trắc, tự thọ minh đạt, tự bất năng thị, thị vi vô úy.**

*Cái nghe thành chân, tức là có định; có định rồi là phát huệ, sáng xét, sáng thấy sự thật trong cả mười phương pháp giới, thì bao nhiêu u ám dù có đến gần, đều bị cái sáng ấy làm tan, như gặp quỷ mà quỷ không dám ngó, đừng nói làm hại. Lại một cái “không sợ” khác mà người tu hành đạt đến.*

### **7- Âm tánh viên tiêu, quán thính phản nhập.**

**- Vị thọ hư vọng thanh trần hệ phược, bất di cấm hệ già tỏa. Bồ tát dĩ động tĩnh, chi tánh cụ diệt, tắc kỳ quán thính phản vọng nhập chân, thanh trần giải thoát, năng linh chúng sanh, cấm hệ đẳng sự, bất năng trước thân, thị vi vô úy.**

*Để cho ngoại cảnh sắc thanh giả dối cám dỗ, thì con người bị dính níu với chúng có khác nào bị trói buộc giam cầm. Bây giờ cái nghe biết đã bỏ vọng về Chân, con người giải thoát với tiếng tăm của đời, như người thoát*

*khởi gông cùm xiềng xích, “không sợ” sự lôi cuốn, cột trói nữa. Đây là chỗ Kinh nói: **Cấm hệ già tỏa, sở bất năng trước.***

**8- Diệt âm, viên văn, biến sanh từ lực, - Vị Bồ tát tiêu diệt âm thanh, viên thanh văn huệ, tắc biến sanh từ lực, năng dĩ đại lợi, linh bỉ đắc lạc, thị dĩ chúng sanh kinh ư hiểm lộ, như hành thản đồ, hoặc ngộ ác khẩu, tự bất năng kiếp, thị vi vô úy.**

*Chẳng những sửa đổi cái nghe mà còn làm cho sức mạnh của lòng Từ lan rộng khắp cùng, thành ra đi đường nguy hiểm cũng như đi đường rộng rãi, còn gặp quân cướp ác, tự chúng bỏ ý cướp giết. Đây là cái “không sợ” do lòng từ bủa khắp ban cho và chỗ trong Kinh nói: **Kinh quá hiểm lộ, tắc bất năng kiếp.***

**9- Huân văn ly trần, sắc bất năng kiếp. – Vị Bồ tát dĩ tư (tư duy) huệ huân văn thành Tánh, ly chư trần vọng, bất bị sắc trần sở kiếp, năng linh nhất thế tánh đa dâm nhân, tham dục bất sanh, thị vi vô úy.**

*Cái sáng suốt (huệ) đã hun đúc thành Tánh rồi, ắt phải vĩnh viễn xa lìa những vọng tưởng của trần thế, không để cho sắc đẹp cướp đoạt cái sáng suốt của mình, cho nên tham dục không sanh, “không sợ” sắc đẹp nữa.*

**10- Thuần âm vô trần, căn cảnh viên dung. – Vị Bồ tát âm tánh thuần tịnh, ly chư vọng trần, căn cảnh tương nhập, viên dung vô ngại, năng linh hoài phần hận nhân, sân khuể bất sanh, thị vi vô úy.**

*Ý Kinh nói: Tâm đã thuần tịnh, xa lìa vọng tưởng của tiền trần, thì ý và cảnh nhập làm một, ta là người, người là ta, ta là cảnh, mà cảnh cũng là ta, thì không còn nuôi lòng giận hờn nữa. Như vậy là “không còn sợ” cái giận nữa.*

**11- Tiêu trần, triền minh. – Vị Bồ tát trừ ám tiêu trần, triền phục tính minh, năng linh nhất thể hỗn độn vô thiện tâm nhân, si ám viễn ly, thị vi vô úy.**

*Bồ tát đã trừ khử mọi đen tối (trừ ám), tiêu diệt mọi thứ bụi đời (tiêu trần), chuyển biến tánh tối thành sáng, hóa ra xa lìa được si mê. Nhờ đó mà “không sợ” bệnh Si nữa.*

**12- Dung hình phục văn. – Vị dung hình, tắc ngại diệt, phục văn, tắc tánh chân, cố thiết nhập thế gian, nhi bất hoại thế gian chi tướng, năng biến thập phương cúng dường vi trần số Phật, bảm thừa kỳ pháp, các vi pháp tử, dĩ thủ vô úy, thí chư vô tử chúng sanh, dục cầu nam giả, linh đắc sanh nam.**

*Ý nói: Các hình tướng đã nấu chảy hết thành một chất loãng duy nhất, thời sự sai khác trước kia làm trở ngại bị tiêu diệt, lại nghe được tiếng của Tâm thì Tánh trở thành chân, hết vọng. Bởi có, giao tiếp với thế gian mà không làm hỏng các tướng của thế gian, năng đi khắp mười phương, cúng dường vô số Phật, vâng chịu giáo*

*pháp và làm con của Pháp. Do đó mà sanh lòng “không sợ”, thí như người không con trai thời được con trai.*

*Theo thiển ý tôi, câu con trai ở đây là ý Kinh nói câu phúc đức và trí huệ, vì Kinh nói: đắc sanh phước đức trí huệ chi nam.*

**13- Lục căn viên thông, minh chiếu vô ngại. – Vị Bồ tát lục căn viên dung, thông đạt vô ngại, hàm nhiếp pháp giới, như Đại Viên cảnh, minh chiếu vô ngại, do thử cố, năng thừa thuận pháp môn, thọ lãnh vô thất. Dĩ thử vô úy, thí chư vô tử chúng sanh, dục cầu nữ giả, tức đắc sanh nữ.**

*Sáu căn đã hoàn toàn, suốt thông không ngại, bao gồm pháp giới như một chiếc Gương to, sáng soi tất cả như một vật một, do đó có khả năng xuôi theo cửa pháp, nhận lấy đầy đủ không rơi không mất. Đây là một cái “không sợ” khác. Thí như người không con, cầu con gái, được con gái.*

*Theo ngụ ý, câu con gái ở đây là cầu sự đoan chánh (đoan trang, nghiêm chánh).*

**14- Ngã nhất danh dữ lục thập nhị Hằng hà sa danh đẳng vô hữu dị. – Vị Bồ tát đắc chân viên – thông, năng linh cầu phúc chúng sanh, đản trì ngã chi danh hiệu, dữ bỉ câu trì vô số Bồ tát danh hiệu chi nhân, giáo lượng sở đắc phúc đức, đẳng vô hữu dị, thị vi vô úy.**

*Ý Kinh nói : Bồ tát đạt đến cảnh Chân một cách thông suốt trọn vẹn, thì có thể khiến những chúng sanh cầu phước được phước đồng như người cùng cầu phước mà trì danh hiệu của vô số Bồ tát.*

*Đây là đoạn Kinh nói: **Năng linh chúng sanh, trì ngã danh hiệu, dữ bỉ cộng trì lục thập nhị Hằng hà sa chư pháp vương tử, nhị nhân phước huệ, chánh đẳng vô dị.***

\*\*\*



## TỔNG LUẬN



*Trước chúng ta đã học phẩm “Diệu Âm” tiếng nói huyền diệu, tức là tiếng của Tâm thanh tịnh.*

*Nghe được tiếng ấy chỉ có những người thanh tịnh, mà thanh tịnh được là vì có định, càng định lại càng thanh tịnh. Định có là huệ phát sanh cùng với Huệ là Tâm từ bi.*

*Trước muốn nghe tiếng “diệu” phải gần như bịt tai với tiếng đời, xoay cái nghe bề ngoài vào trong để nghe bề trong. Nay nghe bề trong xong rồi, phải quay trở ra mà nghe tiếng đời (quán thế âm) để mà cứu vớt chúng sanh trong đau khổ. Đó là thể hiện Tâm Đại Từ Đại Bi mà Bồ tát Quán Thế Âm là tượng trưng. Đại Từ Đại Bi là Phật, hay nữa là đức tướng căn bản của Phật.*

*“Thất nạn” và “nhị cầu” nêu rõ những hiệu lực của việc “trì niệm” danh hiệu Quán Thế Âm, tức Đức Đại Từ Đại Bi. Pháp môn trì niệm này đồng một tánh chất với pháp môn “trì niệm” A Di Đà Phật chẳng hạn, nhưng có chỗ đặc biệt là đứng hẳn về phương diện Từ bi.*

“Tam thập nhị ứng”, chỉ Từ bi có thể xuất phát ở mọi chúng sanh, trừ ba hạng địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là hạng vô minh sâu dày.

Thập tứ vô úy là cốt nói: chúng sanh nào mà tâm đã thanh tịnh, giác ngộ, sáng suốt và từ bi phát khởi thì không còn sợ vọng tưởng, tham, sân, si lôi cuốn, thiêu đốt hay đắm chìm, cũng không còn sợ kẻ oán người thù.

Trì A Di Đà đắc thanh tịnh. Trì Quán Thế Âm vừa đắc thanh tịnh, vừa đắc Từ bi.

## PHẨM THỨ 26



### ĐÀ LA NI

(Les Formules Magiques)

Lúc bấy giờ, Bồ tát Dược Vương đứng chấp tay hưởng Phật bạch rằng:

- Thế Tôn! Nếu có trai lành gái tốt thọ trì được Kinh Pháp Hoa này, hoặc đọc tụng thông suốt hiểu mau, hoặc biên chép thành quyển, họ được bao nhiêu phước đức?

Phật đáp:

- Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân cúng dường tám trăm muôn ức na do tha Hằng hà sa Phật, ý ông nghĩ sao, họ đặng phước đức nhiều chăng?

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều.

Phật nói:

- Nếu có trai lành gái tốt nào đọc tụng, giải nghĩa và tu hành đúng như lời, thời đầu chỉ là một bài kệ bốn câu trong Kinh này, công đức của họ còn nhiều hơn (những người trước kia).

Lúc đó, Bồ tát Dược Vương bạch Phật:

- Thế Tôn! Con nay sẽ cho người nói Kinh Pháp Hoa một bài đà la ni để làm chú giữ gìn họ.

Bồ tát liền đọc bài chú: **“An nhĩ, mạn nhĩ, ma nễ, ma ma nễ, chỉ lệ, giá lê đê, xa mế, xa lý đa vĩ chuyên đế...”**

Bồ tát tiếp nói:

- Thế Tôn! Thần chú này là của sáu mươi hai ức Hằng hà sa Phật nói. Ai xâm phạm hủy hoại Pháp sư này (người đọc chú), thời là xâm hủy các đức Phật rồi đó.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca khen Bồ tát Dược Vương:

- Hay thay! Hay thay! Dược Vương, vì thương tưởng muốn ủng hộ Pháp sư ấy mà nói bài chú, người sẽ giúp ích rất nhiều cho chúng sanh.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Đồng Thí bạch Phật:

- Thế Tôn! Con cũng xin vì người đọc tụng thọ trì Kinh Pháp Hoa mà nói đà la ni. Đặng chú này rồi, thời Pháp sư không bị Dạ xoa, La sát hoặc Phú đờn na, Kiết giá, Cưu bàn trà, nạ quỷ tìm thấy chỗ ở của mình nữa.

Nói xong, Bồ tát đọc bài chú: **“Toa lệ, ma ha toa lệ, úc chỉ...”**.

Rồi nói tiếp:

- Thế Tôn! Thần chú này là của Hằng hà sa Phật nói và cũng đều tùy hỷ. Ai xâm phạm Pháp sư tức xâm phạm chư Phật rồi vậy.

Bấy giờ Thiên vương Tỳ Sa Môn là một vị Thiên che chở cho thế gian, bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Con cũng vì lòng thương chúng sanh mà ủng hộ Pháp sư bằng đà la ni này.

Liên nói bài chú: **“A lê, a na lư, na lý, câu na lý”**.

Lại bạch:

- Thế Tôn! Đã dùng thần chú ủng hộ Pháp sư, thời cũng tự ủng hộ người trì Kinh này, làm cho họ được trong khoảng trăm do tuần khỏi điều tai nạn.

Bấy giờ, Thiên Vương Trì Quốc ở trong pháp hội cùng với ngàn muôn ức na do tha Càn thất bà chấp tay bạch Phật:

- Thế Tôn! Chúng con cũng dùng thần chú đà la ni ủng hộ người trì Kinh Pháp Hoa.

Liên nói chú: **“A đà nễ, đà nễ, cù lợi, càn đà lợi, chiên đà lợi, ma đẵng kỳ thường cầu lợi, phù lâu tá nĩ, ác đế”**.

Lại nói:

- Thế Tôn! Thần chú này là của bốn mươi hai ức Phật nói, ai xâm hủy Pháp sư là xâm hủy các đức Phật rồi đó.

Bấy giờ mười La sát cùng với bảy quỷ, cả lẫn con đều đồng bạch Phật:

- Thế Tôn, chúng con cũng muốn ủng hộ người đọc tụng thọ trì Kinh Pháp Hoa và trừ sự khổ hoạn cho họ, còn nếu có kẻ rình tìm chỗ dở của Pháp sư, thời khiến cho đừng tìm được.

Nói xong liền đọc bài chú: **“Y đề, y đề vẫn, y đề lý, a đề lý...”**.

Lại tiếp:

- Các Dạ xoa, La sát, nga quỷ... hoặc quỷ làm bệnh nóng, từ một tối bảy ngày, hay làm bệnh nóng luôn, các nam nữ, con trai con gái, tà trò lên đầu chúng con, chớ không có thể làm hại Pháp sư, dầu là trong giấc chiêm bao.

Mười La sát và bảy quỷ liền trước Phật nói bài kệ:

*Ai chẳng thuận chú ta,*

*Náo loạn người nói pháp*

*Thời đầu vỡ bảy phần*

*Như nhánh cây A lê*

*Như tội giết mẹ cha*

*Cũng như họa ép dầu<sup>(1)</sup>  
 Như lường cân tráo đấu  
 Như Điều Đạt phá Tăng<sup>(2)</sup>  
 Kẻ nào phạm Pháp sư  
 Sẽ mắc họa như thế.*

Nói kệ xong, các nữ La sát bạch Phật:

- Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ tự mình ủng hộ người thọ trì đọc tụng Kinh này, làm cho họ đặng an ổn, xa lìa các sự khổ hoạn, tiêu các thuốc độc.

Phật bảo các La sát:

- Hay thay! Hay thay! Chỉ ủng hộ người thọ trì tên Kinh Pháp Hoa, chúng người đặng phước chẳng thể lường được, huống là ủng hộ người thọ trì toàn bộ và dùng mọi thứ hoa hương, chuỗi ngọc, tràng phan, kỷ nhạc... cúng dường Kinh. Nay Cao Đẽ<sup>(3)</sup> các người cùng quyến thuộc phải nên ủng hộ các Pháp sư như thế.

- 
1. *Yểm du = Ép dầu. Người Ấn Độ muốn ép dầu, trước phải giã nhỏ mè, đậu ủ cho sanh trùng rồi mới ép, như thế là sát hại nhiều sanh mệnh, nên phải bị họa ương (lời giải của T.T. Trí Tịnh).*
  2. *Điều Đạt là Đề bà đạt đa, mắc tội lớn vì phá Tăng, hãm hại Phật.*
  3. *Cao Đẽ = Kunti, tên của một quỷ Dạ xoa (Râkchasis).*

Lúc Phật nói phẩm đà la ni này, có sáu muôn tám ngàn người đặng “vô sanh pháp nhãn”.

\*\*\*

## Huyền nghĩa

### 1- Lời giải của ngài Hải Ấn:

*Đà la ni là tâm ấn của Phật, có một thần lực “gia trì” không thể nghĩ bàn, thí như bí phù của vua, một khi trao cho vị đại tướng thì không kẻ nghịch nào mà đại tướng không khắc phục.*

*Người tu hành khi đã tập diệu hạnh (chỉ quán, diệu âm, quán thế âm), vẫn chưa đầy đủ điều kiện để chống vững định, huệ. Vì sao? Vì tạng thức sâu kín (hay tiềm thức) nhiễm huân đã nhiều kiếp, tập khí tiềm phục nhiều đời, nếu không có một định lực thật kiên cố thì không sao khắc phục những ác chủng tiềm phục trong thức A lại da, tức Tạng thức.*

*Vậy trì chú là một phương chỉ quán “vô phân biệt”.*



## 2- Lời giải của ngài Minh Chánh:

*Tu thấy được bốn lai thanh tịnh tâm thể, nên biết rằng tâm ấy vốn đầy đủ Hằng sa công đức, vô lượng pháp môn. Y theo đó tu hành thì viên cụ lực độ, vạn hạnh. Nay thêm việc đọc chú sẽ có thần lực giúp sức, mau chóng nhập A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.*

*Trì đà la ni thì tâm “vô phân biệt”, không còn vọng tưởng, thì dứt bỏ vọng về Chân. Mà Chân thì vốn vắng lặng (trạm tịch), cho nên không còn thấy ba cõi (tam giới), bảy thú (thất thú) và tất cả những tướng hữu vi nữa. Bởi vậy chư Bồ-tát, chư Thiên, quỷ thần đều đọc Đà-la-ni.*

*Vậy trì đà-la-ni là để đạt đến tâm “vô phân-biệt” là cái tâm không thể đo lường, so sánh và bàn luận được, tâm ấy vượt khỏi vòng ngữ-ngôn, văn-tự, nghĩa-lý.*

*Kinh Kim Cang có câu: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư-vọng”, duy linh linh yên, tịch tịch yên, đà đà bất biến. Cố vô hữu năng diễn giải chú trung chi nghĩa giả. Đản tín thọ trì, thần lực mạc trắc.*

**3- Lời giải của dịch giả.** – Đã đành đà la ni có công năng “vô phân biệt” như thế, nhưng nếu theo mạch Kinh mà nói thì chúng ta có thể hiểu như thế này: Ai thực hành được Kinh Pháp Hoa (Pháp sư) hoặc chỉ đọc tụng đi nữa, đều được tăng tiến như có sức thần ủng hộ. Sự ủng hộ ấy tùy trường hợp:

- Nếu đọc tụng, giải nghĩa, y như lời Kinh mà tu hành thí đặc pháp, thâm nhập được lời Phật, tự nhiên tâm

bệnh được trừ, như người bệnh được thuốc hay (đây là đoạn Dược Vương đọc chú).

- Nếu đọc tụng, thọ trì, thì không còn chỗ hở để cho các loài quỷ (lục dục) xâm chiếm vào tâm (Đoạn Đông Thí Bồ tát).

- Ai trì được Kinh Pháp Hoa thì được chư Thiên ủng hộ, nghĩa là tránh được áp lực của những niệ-m ác (Đoạn Tỳ Sa Môn và Trì Quốc Thiên Vương).

- Ai trì được Kinh Pháp Hoa thì trừ được dâm dục (Đoạn 10 La sát nữ và bảy quỷ mẹ, quỷ con).

- Thọ trì, đọc tụng, theo Kinh tu hành thì đâu còn vương vấn với thế sự, nhờ vậy mà lần hồi tâm được thanh tịnh, trí huệ phát sanh (Dược vương), từ bi đột khởi (Đông thí), thiện căn được trồng (Thiện vương), ác thú (mauvaises tendances) được trừ nhờ vậy mà cái ác không còn xâm nhập và cái thiện ngày lại thêm, như có sức gia hộ. Lại nữa, nếu suy theo việc đời, thì sự gia hộ ấy rất có thể có, tỷ như có người nghèo nhưng chân chính, lo làm lo ăn, thì thường được người cảm mến và giúp đỡ, mà kẻ dữ cũng không nỡ làm hại.

## PHẨM THỨ 27



### DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BỔN SỰ (Ancienne méditation du Roi Cubhavyuha)

Lúc bấy giờ, Phật bảo đại chúng:

- Thuở xưa, cách đây vô lượng vô biên kiếp, có đức Phật hiệu Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí, tại nước Quang Minh Trang Nghiêm, vào kiếp có tên là Hỷ Kiến.

Tại pháp hội của đức Phật đó, có một nhà vua tên là Diệu Trang Nghiêm, phu nhân tên là Tịnh Đức và hai con tên là Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn.

Hai người con đó có sức thần thông lớn về phước đức và trí huệ, từ lâu tu tập mười phép ba la mật, thậm chí rành cả 37 phẩm trợ đạo, lại đặng các môn tam muội của Bồ tát, như: Nhật tinh tú, Tịnh quang, Tịnh sắc, Tịnh chiếu, Trường trang nghiêm, Đại oai đức.

Lúc đó, vì muốn dẫn đường cho vua Diệu Trang Nghiêm và cũng vì lòng thương chúng sanh, Phật Vân Lô Âm nói Kinh Pháp Hoa này.

Bấy giờ, Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn đến chỗ mẹ ở, chấp tay thưa: “Xin mẹ đến chỗ Phật Vân Lô Âm ngự, chúng con cũng sẽ theo hầu để gần gũi và cúng dường

Phật. Vì sao? Vì Phật đang vì Trời, Người nói Kinh Pháp Hoa, nên phải nghe và tin nhận”.

Phu nhân bảo hai con: “Cha chúng con tin theo ngoại đạo, sâu nhiễm pháp Bà la môn, các con nên qua thưa với cha chúng con để cùng nhau đồng đi”.

Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn thưa: “Chúng con là con của Vua Pháp, sao lại sanh vào nhà tà kiến?”.

Phu nhân dạy: “Các con nên thương tưởng cha các con mà hiển phép thần thông biến hóa, thấy đặng phép ấy, ắt lòng cha con thanh tịnh, hoặc nghe lời chúng ta mà qua đến chỗ Phật ở”.

Ngay lúc đó, hai người con vì tưởng nhớ đến cha, bay vọt lên hư không cao bằng bảy cây đa la, hiện các món thần thông như đi, đứng, ngồi, nằm trong hư không, trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, hoặc hiện thân lớn đến choán hết hư không rồi hiện lại nhỏ, nhỏ lại hiện ra lớn, ẩn mất trong hư không rồi bỗng hiện ra trên đất, vào đất như vào nước, đi trên nước như đi trên đất.

Thấy thần lực của con như vậy, vua cha lòng rất vui mừng, như đặng vật chưa từng có, bèn chấp tay hướng về phía con mà nói rằng: “Thầy của các con là ai? Các con là đệ tử của ai?”.

Hai con thưa: “Đức Phật Lô Ít Âm Tú Vương Hoa Trí kia, hiện đang ngồi trên pháp tòa dưới cây Bồ đề bằng bảy báu, trong đám trời, người trên thế gian, rộng nói

Kinh Pháp Hoa, là thầy của chúng con đó; chúng con là đệ tử của Ngài”.

Vua cha nói: “Ta nay cũng muốn ra mắt thầy các con, vậy chúng ta cùng đi”.

Khi đó hai người con, từ hư không xuống, đến chỗ mẹ ở, chấp tay thưa: “Phụ vương nay đã tin hiểu, có thể kham phát tâm Vô thượng giác. Chúng con đã vì cha mà làm xong Phật sự rồi, vậy mong mẹ bằng lòng cho chúng con xuất gia tu hành nơi chỗ đức Phật Lô Ít Âm”.

Nói xong, hai người con lại đọc bài kệ:

*Xin mẹ cho các con,  
Xuất gia làm Sa môn.  
Cho con theo Phật học.  
Gặp hoa Ưu đàm khó,  
Gặp Phật còn khó hơn,  
Khỏi các nạn cũng khó,  
Nên cho con xuất gia.*

Mẹ liền bảo: “Cho các con xuất gia, vì Phật khó gặp vậy”.

Hai con liền thưa: “Thưa cha mẹ, như thế thì hay lắm! Chúng con xin liền qua chỗ Phật Vân Lô Ít Âm để gần gũi cúng dường. Khó cho người gặp hoa Linh thoại,

khó cho rùa một mắt gặp bông cây nổi<sup>(1)</sup>, gặp được Phật cũng khó như thế. Chúng ta phước đức đời trước sâu dày nên mới sanh đời này gặp Phật pháp, bởi vậy xin cha mẹ nghe chúng con mà xuất gia. Các đức Phật khó gặp, thời kỳ gặp Phật cũng khó có”.

Lúc đó, nơi hậu cung vua Diệu Trang Nghiêm có tám muôn bốn ngàn người đều có thể thọ trì được Kinh Pháp Hoa này. Còn Bồ tát Tịnh Nhãn và Bồ tát Tịnh Tạng vì muốn làm cho tất cả chúng sanh xa lìa các đường dữ, nên Tịnh Nhãn đã từ lâu thông đạt nơi “Pháp Hoa Tam muội”, và Tịnh Tạng từ vô lượng kiếp đã thông đạt môn “Ly chư ác thứ tam muội”.

Phu nhân của vua đặng môn “Chư Phật Tập Tam muội”, năng biết tạng bí mật của chư Phật.

Nhờ hai con dùng sức phương tiện khéo hóa độ như thế, lòng vua tin hiểu, ưa mến Phật pháp.

Bấy giờ, nhà vua với quần thần quyến thuộc, Tịnh Đức phu nhân với thế nữ nơi hậu cung, hai vương tử với 4 muôn 2 ngàn người đồng một lúc đi qua chỗ Phật Lô Âm ở. Đến nơi rồi, tất cả đều làm lễ rồi đứng qua một

---

1. Để thí dụ những việc lâu xa khó gặp, Kinh nói: Biển rộng, cây bông 100 năm mới một lần trôi qua, rùa mù lại 100 năm mới nổi lên một lần, chực chui được vào bông cây, khó lắm.

bên. Phật vì vua nói pháp, chỉ dạy điều lợi ích, vui mừng, nhà vua lấy làm vui đẹp.

Bấy giờ, vua Diệu Trang Nghiêm cùng phu nhân mở chuỗi trân báu giá trị trăm ngàn đang đeo ở cổ, tung rãi trên đức Phật. Trong hư không, chuỗi ấy hóa thành đài báu bốn trụ, trên đài có giường báu lớn, trăm ngàn muôn thiên y phủ lên, trên đó có Phật ngồi kiết già, phóng hào quang sáng lớn. Nhà vua mới nghĩ rằng: “Thân Phật ít có, đoan trang, nghiêm chỉnh hết sức đặc biệt, thật là một sự thành công vi diệu bậc nhất về mặt hình tướng!”.

Bấy giờ Phật Lô Âm bảo bốn chúng: “Các người thấy Diệu Trang Nghiêm chấp tay đứng trước ta đó chẳng? Nhà vua, ở trong pháp ta, làm Tỳ kheo siêng ròng tu tập các pháp trợ Phật đạo, sẽ đặng làm Phật, hiệu là Ta La Thọ Vương, nước tên Đạt Quang, kiếp tên Đại Cao Vương. Phật Ta La Thọ Vương có vô lượng Bồ tát và vô lượng Thanh văn, nước đó bình chánh, công đức như vậy”.

Vua Diệu Trang Nghiêm tức thời giao nước cho em, rồi cùng phu nhân, hai người con và các quyến thuộc, ở trong Phật pháp xuất gia tu hành.

Xuất gia rồi, trong 8 muôn 4 ngàn năm, thường xuyên tinh tấn tu hành Kinh Diệu Pháp, sau đó đặng tam muội “Nhất Thế Tịnh Công Đức Trang Nghiêm”. Đặng

Tam muội xong, liền bay lên hư không, cao bảy cây đa la mà bạch Phật: “Thế Tôn! Hai người con của con đây đã làm Phật sự, dùng thần thông biến hóa, xoay tâm tà của con, khiến con an trụ trong Phật pháp, được thấy Thế Tôn. Hai người con ấy là thiện tri thức của con, vì muốn phát khởi căn lành đời trước, làm lợi ích cho con, nên đến sanh vào nhà con”.

Phật Vân Lô Âm bảo nhà vua: “Đúng thế! Đúng thế! Quả như lời ông nói, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào trồng cội lành, thời đời đời được gặp hàng thiện tri thức hay làm Phật sự, chỉ dạy cho sự lợi ích vui mừng, khiến vào đường Vô thượng giác.

Đại vương nên biết: Nhân duyên lớn nào mà giáo hóa, diu dắt làm cho đặng thấy Phật, phát tâm Vô thượng giác, thời đó là thiện tri thức.

Đại vương! Đại vương thấy hai người con này chẳng? Hai người ấy đã từng cúng dường sáu mươi lăm trăm ngàn muôn ức Hằng hà sa đức Phật, thân cận cung kính chư Phật, **nơi chỗ chư Phật ở**, thọ trì Kinh Pháp Hoa thương tưởng những chúng sanh tà kiến mà khiến cho họ trụ trong chánh kiến”.

Vua Diệu Trang Nghiêm, từ trên hư không xuống tán thán công đức Như Lai xong, liền bạch Phật: ‘Thế Tôn! Thật là chưa từng có, Pháp của Như Lai đầy đủ vì diệu những công đức xây dựng (thành tựu) không thể nghĩ bàn, dạy răn việc làm, khiến được an ổn rất hay. Từ



nay con nguyện không còn theo ‘tâm hành’ của mình nữa, chẳng sanh lòng tà kiến, ngạo nghễ, giận hờn”.

Thư xong, vua làm lễ rồi lui ra.

Phật bảo đại chúng:

- Ý các người nghĩ sao? Vua Diệu Trang Nghiêm đâu phải người nào lạ, chính nay là Bồ tát Hoa Đức hiện ở trước Phật đó. Hai người con là Bồ tát Dược Vương và Dược Thượng vậy. Hai Bồ tát này đã thành tựu các công đức lớn như thế, ai mà biết danh tự của hai Bồ tát đó thời đáng cho nhân dân lễ lạ.

Lúc Phật nói phẩm “Diệu Trang Nghiêm Vương Bổn Sự” này, có tám muôn bốn ngàn người xa trần lụy, rời cấu nhiễm, ở trong các pháp đăng pháp “nhãn tịnh”.

## Huyền nghĩa

*Trước xin nhắc hai lời giải của:*

### 1- Hải Ấn Đại sư:

*Diệu Trang Nghiêm là Như Lai tại thiên, tiêu biểu cho Bát thức tâm vương.*

*Tịnh Tạng (Ý thức), Tịnh Nhãn (Mạt na thức), tiêu biểu cho “chuyển nhiễm thành tịnh”.*

*Phu nhân nhu thuận nội trợ, tiêu biểu cho “Chỉ quán nội huân” (Tịnh trị vô minh, cố danh Tịnh Đức).*

*Hai con xin xuất gia trước, tiêu biểu cho điều kiện phải bắt đầu chuyển đệ lục và đệ thất thức nhiên hậu mới làm cho Bốn giác xuất triển (Cha xuất gia đi tu).*

*Tóm: Dùng chỉ quán lực để đặng “vô phân biệt tâm”, có “vô phân biệt tâm” thời cùng với chư Phật có một trí dụng tương ứng. Y pháp lực tu hành, Chân như huân tập, diệt vô minh, nên kêu là pháp lực gia trì, còn phẩm trước là “thần lực gia trì”.*

## **2- Minh Chánh Thiền sư:**

*Khéo giữ tâm mình, biện minh tà chánh, chớ thấy được như vậy mà cho là đủ rồi sanh lười biếng. Vì vậy:*

*- Diệu Trang Nghiêm là tiêu biểu cho tâm của người tu hành.*

*- Tịnh Đức phu nhân tiêu biểu cho Chánh Trí huệ.*

*- Tịnh Tạng tiêu biểu cho Chánh trí.*

*- Tịnh Nhãn tiêu biểu cho Chánh kiến.*

*Tu hành mà năng y theo Chánh Trí Huệ, Chánh Trí, Chánh Kiến ấy và lấy đó làm thiện tri thức, thời đó là “khéo giữ tự tâm”, đả phá sự che đậy của thức (Tu hành nhân năng y thử Chánh Trí Huệ, Chánh Trí, Chánh Kiến, dĩ vi bốn thiện tri thức, thử giả thiện hộ tự tâm phá thức âm).*

*Theo lối giải từ trước tới nay của tôi và cũng theo mạch Kinh, nghĩa huyền của phẩm 27 hình như sau đây.*

*Kinh bảo, hồi đời lâu xưa vô cùng vô tận, tại nước Quang Minh, có Phật hiệu Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí. Nếu chúng ta phân tách danh hiệu này, chúng ta sẽ thấy có ba đoạn:*

- *Vân Lô Âm (tiếng của mây sấm hay của sấm chập chông như mây đùn).*

- *Tú Vương (vua của các tinh tú).*

- *Hoa Trí (tinh hoa của các trí: fleur des intelligences, tức Bát nhã trí).*

*Vậy theo phương pháp tượng trưng, chúng ta có thể hiểu đoạn đầu của Kinh như thế này: Tâm nào (nước) có Ánh sáng (Quang Minh), thời ở đấy có Tiếng Sấm liên tục (Vân Lô Âm), có một vì sao chúa các tinh tú (Tú Vương), có Hoa Trí huệ (Hoa Trí). Đó là tâm trạng, là đời sống tinh thần của những người tu hành đã giác ngộ, nói đúng hơn: đã trở về với bản tâm, bản tánh của mình. Tiếng sấm tiêu biểu cho tiếng Pháp (Voix du Dharma) hay Diệu Âm đã nói ở một phẩm trước.*

*Còn sau đây là nghĩa ẩn của toàn phẩm.*

*Người “vua” nào mà lấy cái hiệu “diệu” (spiritualité) mà trang nghiêm **thân**, thời trong có đức Tịnh, mà có Tịnh, là có sanh Tịnh tạng, Tịnh nhãn là hai kết quả của Thanh tịnh. Tịnh tạng là Phước đức, Tịnh nhãn là Chánh kiến là Trí Bát nhã.*

*Nhưng chưa đủ, còn cần phải đạt đến chỗ tiếng Sám liên hồi, tức tiếng Pháp bất tuyệt.*

*Và muốn nghe được tiếng Pháp ấy, phải thấy cho được cái Vô ngại (đi đứng ngồi nằm trong hư không), cái Biến hóa (trên nước dưới lửa, trên lửa dưới nước) cái Vô cùng Vô cực (lớn hiện ra nhỏ, nhỏ hiện ra lớn) cái Ẩn hiện vô chừng (Ẩn là Non manifesté, Hiện là Manifesté), và cái Khấp cùng (vào đất như vào nước, đi trên nước như đi trên đất) của cái mà Kinh, ngay ở phẩm đầu đã chỉ, gọi là “Nhất chân pháp giới” bình đẳng – l’Univers – Un-Réel-Identique: Tâm Sắc là Một.*

*Cái thấy ấy, không cần học với ai hơn là học với ông Phật Vân Lô Âm của mình, với Tâm Pháp của mình. Vậy mình là đệ tử của mình.*

*Có 4 điều kiện cần thực hiện nếu muốn đến chỗ Vân Lô Âm: toàn thân (vua và quần thân) phải được “điều trang nghiêm” (giữ giới), toàn tâm (phu nhân và thể nữ) phải hoàn toàn thanh tịnh (tịnh đức), toàn thức (Ý thức tức Tạng thức và Tiền ngũ thức do Nhãn đại diện) phải được thanh tịnh, và chót hết là cúng dường tự Phật, tán thán tự pháp. – Lễ Phật Lô Âm là lễ tự tâm, và muốn Giác ngộ (thành Phật) phải ở trong pháp Phật (Tâm thanh tịnh) mà tác sự, bao nhiêu việc thế đều xả (giao nước cho em), không theo những “hành” của tâm tà kiến, ngạo nghệ, giận hờn.*

## PHẨM THỨ 28



### PHỔ HIỀN BỒ TÁT KHUYẾN PHÁT

(Satisfaction de Samantabhadra)

Lúc bấy giờ, Bồ tát Phổ Hiền dùng sức thần thông tự tại, cùng vô lượng vô số Bồ tát và chư Thiên, Long... đến núi Kỳ xà quật côi Ta bà, làm lễ và bạch Phật:

- Thế Tôn! Con ở nơi nước của Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương, xa nghe ở cõi Ta bà này có thuyết Kinh Pháp Hoa, nên cùng vô lượng Bồ tát đến nghe lãnh, cúi mong Thế Tôn vì chúng con, nói Kinh cho nghe! (Lại nữa), sau khi Như Lai diệt độ, các trai lành gái tốt làm thế nào mà đặng Kinh Pháp Hoa?

Phật bảo Bồ tát Phổ Hiền:

- Sau khi Như Lai diệt độ, thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn đặng Kinh Pháp Hoa thời trước phải thành tựu 4 pháp (hội đủ 4 điều kiện) là:

- 1- được chư Phật hộ niệm
- 2- trồng các cội công đức
- 3- vào trong chánh định
- 4- phát tâm cứu tất cả chúng sanh.

Bồ tát Phổ Hiền bạch Phật:

- Thế Tôn! Năm trăm năm về sau, trong đời ác trước, nếu có người thọ trì Kinh Pháp Hoa, con sẽ bảo bọc họ, trừ các suy tổn, hoạn họa, làm cho họ đặng an ổn và khiến các loài ma quỷ đều không có dịp tiện làm hại. Ai trong lúc đi đứng mà giữ đọc tụng Kinh này, thời con sẽ cõi tượng trắng cùng chư đại Bồ tát, hiện ra trước người đó để cúng dường, bảo bọc và an ủi tâm người đó, bởi lẽ phải cúng dường kinh Pháp Hoa. Nếu người đó ngồi suy gẫm nghĩa Kinh, thời con cũng cõi voi trắng hiện ra cùng người ấy chung đọc tụng và làm cho họ thông thuộc nếu có quên mất một câu hay một bài kệ của Kinh. Người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa mà đặng thấy thân con, thời lòng rất vui mừng, lại thêm tinh tấn và đặng tam muội cùng các “triền đà la ni”, “pháp âm đà la ni”, v.v...

Thế Tôn! Năm trăm năm về sau, trong đời ác trước, trong hàng tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di, nếu có người cầu tìm, thọ trì, đọc tụng, biên chép Kinh này và muốn tu tập, thời trong 21 ngày phải một lòng tinh tấn. Mãn 21 ngày rồi, con sẽ cõi voi trắng sáu ngàn cùng vô lượng Bồ tát vây quanh, hiện ra trước người đó để nói pháp chỉ dạy sự lợi ích vui mừng và cho chú đà la ni. Đặng chú này rồi, thời không có loài phi nhân (ma quỷ) nào có thể phá hoại được, cũng không bị nữ nhân hoặc loạn.

Bạch xong, Bồ tát Phổ Hiền đọc bài chú và tiếp thưa:

- Thế Tôn! Bồ tát nào nghe đặng chú này, phải biết đó là sức mạnh thần thông của Phổ Hiền vậy. Ai thọ trì đặng Kinh Pháp Hoa, thời đó là nhờ sức oai thần của Phổ Hiền. Ai thọ trì, đọc, tụng ghi nhớ chân chính, hiểu nghĩa lý và thú hưởng của Kinh và đúng theo lời Kinh mà tu hành, thời người đó tu hạnh của Phổ Hiền, ở nơi vô lượng Phật sâu trồng cội lành và được chư Như Lai lấy tay xoa đầu. Nếu chỉ biên chép không, thời khi mệnh chung, sẽ sanh lên trời Đao Lợi, được Thiên nữ trời nhạc đón rước, vui chơi khoái lạc, đầu đội mũ bảy báu. Còn ai thọ trì, đọc tụng, giải nghĩa, thời khi mạng chung được ngàn đức Phật đưa tay (tiếp dẫn), khiến chẳng sợ sệt, chẳng đọa vào nẻo dữ, liền lên cung trời Đâu Suất chỗ Bồ tát Di Lạc ở, sanh vào hội của Bồ tát Di Lạc mà thành phần là chư đại Bồ tát và trăm ngàn muôn ức thiên nữ.

Thế Tôn! Con xin đem sức thần thông thủ hộ Kinh Pháp Hoa, để sau khi Như Lai diệt độ, tại cõi Diêm phù đề, làm cho Kinh này được rộng lưu truyền, không cho đoạn tuyệt.

Lúc bấy giờ, đức Thích Ca khen:

- Hay thay! Hay thay! Phổ Hiền! Ông có khả năng hộ trợ Kinh này, làm cho chúng sanh đặng an vui lợi ích.

Vì đã thành tựu nhiều công đức không thể nghĩ bàn, vì tâm từ bi của ông đã được sâu lớn, vì từ lâu xa ông đã phát tâm cầu Vô thượng giác, cho nên nay mới năng phát nguyện thần thông thủ hộ Kinh này. Ta sẽ dùng sức thần thông mà bảo vệ người thọ trì danh hiệu của Bồ tát Phổ Hiền.

Này Phổ Hiền! Ai thọ trì, đọc tụng, sửa đổi những nhớ tưởng của mình cho chân chính, tu tập, biên chép Kinh Pháp Hoa này, nên biết người ấy ắt thấy Phật Thích Ca và nghe lời Kinh như tự miệng Phật Thích Ca nói ra; nên biết người ấy cúng dường Phật Thích Ca; nên biết người ấy được Phật khen ngợi; nên biết người ấy được Phật Thích Ca lấy tay xoa đầu; nên biết người ấy được Phật Thích Ca lấy áo trùm thân. Người như thế thời không còn trở lại ham mê những vui sướng của thế gian, chẳng ưa thích kinh sách của ngoại đạo, kẻ ác, hàng thịt, người nuôi heo, dê, gà, chó, hoặc thợ săn, kẻ buôn nữ sắc. Người đó tâm ý chân chất, ngay thẳng, những nhớ tưởng đều chân chính, có phước đức mạnh. Người đó chẳng bị ba món độc (tham, sân, si) làm não hại, cũng chẳng bị tật ganh ghét, ngã mạn, tà mạn, tăng thượng mạn làm não hại. Người đó ít ham muốn, biết đủ, có khả năng tu hạnh Phổ Hiền.

Phổ Hiền! Năm trăm năm sau khi Phật diệt độ, thấy người thọ trì đọc Kinh Pháp Hoa, thời phải nghĩ rằng người ấy chẳng bao lâu sẽ đến đạo tràng, phá các



thứ ma, thành Vô thượng giác, chuyển pháp luân, đánh trống pháp, thổi loa pháp, rưới mưa pháp, sẽ ngồi trên pháp tòa sư tử trong đám trời người.

Phổ Hiền! Ở đời sau, ai thọ trì đọc tụng Kinh này thời người đó chẳng còn ham ưa về quần áo, giường nằm, ăn uống, nói tóm là không còn thiết tha với những vật cần cho sự sống, còn có mong ước gì thời cũng không mong ước những việc hư huyễn, lại ngay trong hiện đời đăng phước báo của những giải thoát vừa nói.

Thấy người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa mà chê là làm việc điên cuồng, rốt cuộc không lợi ích gì, ai phạm tội ấy sẽ có báo ứng là đời đời không mắt. Trái lại, ai cúng dường khen ngợi, thời ngay trong hiện đời được quả báo tốt.

Thấy người thọ trì đọc tụng mà vạch bày lỗi lầm của người ấy, dầu có dầu không, thời ngay hiện đời phải mắc bệnh cùi. Còn khinh cười thì đời đời răng nướu thưa thiếu, môi xấu, mũi xẹp, tay chân cong queo, mắt lé, thân thể hôi dơ, ghẻ độc máu mủ, bụng thủng, thổ ngược và các bệnh nặng khác. Vì vậy, này Phổ Hiền, nếu thấy người thọ trì Kinh này thời phải đứng dậy ra xa tiếp rước, như kính đón Phật vậy.

Lúc Phật nói phẩm “Phổ Hiền Bồ tát khuyến phát” này, có Hằng hà sa số Bồ tát đăng muôn ức đa la ni, còn chư Bồ tát đông như bụi trong ba ngàn đại thiên thế giới đăng đầy đủ hạnh Phổ Hiền.

\*\*\*

## Huyền nghĩa

*Phổ Hiền tiêu biểu cho Đại hạnh, như Văn Thù tiêu biểu cho Đại Trí. Có trí mà không hành – không có những hạnh xứng với trí – thì không đi đến đâu hết, huống chi có hành mới thâm nhập diệu nghĩa, diệu cảnh (acquérir la spiritualité).*

*Vì lẽ này mà Kinh mượn lời hỏi của Phổ Hiền để cho Phật dạy cách “hành” khả dĩ giúp sự thâm nhập vào diệu nghĩa của Kinh Pháp Hoa (đắc Pháp Hoa).*

*Muốn thâm nhập phải thực hiện 4 điều kiện (tứ Pháp):*

- 1. Giữ mãi Ánh sáng trong lòng (được Phật hộ niệm).*
- 2. Làm việc phúc đức (trồng các căn lành).*
- 3. Tu cho được chánh định, nghĩa là giữ tâm không tán loạn, không để ngoại cảnh làm xúc động.*
- 4. Phát tâm Đại bi, nguyện cứu muôn loài.*

*Tóm lại, phải trau dồi trí Bát nhã, hành thiện, chánh định và phát đại bi tâm.*

*Đó là nguyên tắc, bây giờ đến phương tiện thực hành. Đại khái như sau:*

- a. Thọ trì (nắm giữ lời Kinh dạy)*

- b. Vừa thọ trì mà vừa đọc tụng trong lúc đi đứng (có như vậy mới nhập tâm)
- c. Vừa thọ trì, đọc tụng mà còn suy gẫm để hiểu nghĩa Kinh.

Thọ trì không thời tâm an ổn, xa lánh được sự cảm dỗ của tình dục (ma quỷ). Thêm vào sự đọc tụng để ghi nhớ mãi thì được thêm nhiều công đức (thấy Phổ Hiền và chư Bồ tát). Lại thêm vào sự suy gẫm thời thêm sáng suốt và trí nhớ, ngoài ra còn đặng sự vui sướng, thêm tinh tấn và chánh định.

Nhưng muốn tu tập cho đúng phép, thời phải tu tập liên tiếp trong 21 ngày, luôn luôn tinh tấn không một lúc nào giải đãi. Mãn 21 ngày sẽ thấy hiệu nghiệm là kiên cố trong chỗ tu hành và nhờ kinh nghiệm đó mà sẽ có những kinh nghiệm khác, khiến cho mình tránh khỏi mọi nguy hiểm của tình dục và nữ sắc.

Đó là kết quả của công phu bên ngoài. Còn sau đây là kết quả của công phu bên trong (Phật thủ hộ) nhờ sức bên ngoài làm phát sanh:

- Tâm sáng thấy tánh (như thấy Phật, như nghe Phật thuyết pháp)

- Trừ ba độc, tật đố (ganh ghét), phách lối (ngã mạn), cố chấp những kiến giải sai lầm của mình (tà mạn), tu hành chưa đến đâu lại tự hào là đã chứng (tăng thượng

*mạn). Lại được bớt ham muốn, biết an phận thủ thường (tri túc: biết đủ).*

*- Không lâu sẽ tu hành đắc Đạo (đến đạo tràng phá ma quân, thành Chánh giác).*

*Thọ trì Kinh Pháp Hoa thời có nhiều ích lợi, lớn nhỏ tùy công phu sâu cạn của mỗi người. Trái lại, ai khinh chê người thọ trì đọc tụng...thời có nhiều họa hoạn, sống mãi trong đen tối (không mắt), trong bất chánh (tay chân cong queo, mắt lé, mũi xẹp).*

## TỔNG KẾT KINH PHÁP HOA



Đứng về mặt văn từ mà xét, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa thuộc về loại Kinh Đại thừa, gọi là “Đại phương đẳng” hay “Đại phương quảng”. Sao gọi là “Đại phương quảng”? Sách Thám Huyền Nghĩa Ký viết: “...**Tuyên thuyết quảng đại thậm thâm pháp cố, danh vi phương quảng**” (Bày nói Pháp rộng lớn và hết sức sâu, bởi lẽ đó lấy tên là phương quảng). Theo ông E.Burnouf, “đại phương quảng” có nghĩa là “à grands développe-ments” (giải rộng ra). Chúng tôi nghĩ ý kiến của ông E.Burnouf có lẽ đúng. Thật vậy, nếu “phương quảng” có nghĩa là “bày nói Pháp rộng lớn và hết sức sâu” thì Kinh Đại thừa nào không nhắm vào chủ đích đó. Đặc tính của Kinh Diệu Pháp như chúng ta đã thấy là lối trình bày mà chúng tôi xin sám hối nói là “trường thiên đại hải”, nghĩa là có thể trình bày vắn tắt, nhưng Kinh lại nói dông dài. Thí dụ, thay vì khuyên người đời đừng tự khinh khả năng thành Phật của mình, Kinh lại đưa ra sự tích Bồ tát Thường Bất Khinh, vừa dài vừa khó hiểu. Nhưng có dài có khó như thế này, người đọc học mới có cố gắng tìm hiểu và khi hiểu được rồi, cái ghi nhớ mới thâm thúy và dẻo dai.

Lại nữa, bao nhiêu chân lý tuyệt vời trong Kinh thường trình bày dưới hình thức những tỷ dụ (paraboles), có giá trị như những câu chuyện ngụ ngôn (fables) mà người đọc cần phải nhận định và tìm hiểu cái nghĩa ẩn chứa đựng ở trong, chớ không nên tin theo mặt chữ. Những tỷ dụ, những ngụ ngôn ấy, Phật gọi là phương tiện (moyens), mà phương tiện thuộc về thế gian. Vậy lối trình bày trong Kinh Diệu Pháp là lối “dĩ huyền độ Chân”, dùng sự huyền hoặc (illusion) để đưa đến chỗ chân thật (Réalité), gần như lấy việc đời mà giải lý Đạo. Tại sao thế? Tại vì Đạo “ly ngôn, tuyệt tướng”, hễ là Đạo thì tuyệt đối, là vô tướng, cho nên không thể lấy lời mà giải, vì lời là khí cụ để diễn đạt cái tương đối và cái hữu hình hữu tướng. Để cho chúng sanh có một khái niệm về cái Chân thật tuyệt đối ấy, không còn phương pháp nào khác hơn là dùng những tỷ dụ.

Đây là hai điểm quan trọng mà thiết nghĩ người đọc Kinh Pháp Hoa cần ghi nhớ và áp dụng trong công phu tìm hiểu nghĩa huyền của Kinh. Không hiểu được Phật muốn nói gì, muốn chỉ gì trong những câu chuyện, sự tích... ghi trong Kinh thì dễ cho Kinh nói chuyện hoang đường, hay dễ tin nhảm như tin những chuyện đấu phép trong tiểu thuyết xưa của Trung Hoa. Trước khi nói Kinh, Phật đã dùng dăng và để cho Xá lợi Phất phải ba phen ai cầu mới chịu mở lời. Thái độ ấy chỉ rằng những gì Phật sắp nói thuộc về Chân lý tuyệt đối khó nghe, khó

hiểu, khó nhận, nói ra chỉ làm cho **“tất cả Trời Người kinh sợ, còn hàng tu sĩ tự hào sẽ sa vào hầm tội lỗi”**. Khó hiểu, khó nhận vì cái “thấy biết” (tri kiến) của Phật vượt lên khỏi cái tầm hiểu biết của thế nhân (dépasser l'en tendement humain). Nhưng rồi Phật cũng nói, sau khi căn dặn: **“Không phải lấy óc suy lường và phân biệt mà hiểu được Pháp, vì vậy phải dùng vô số phương tiện như nhân duyên, lời lẽ, tỷ dụ mà diễn nói”**. Đức Phật còn dặn: **“Hãy nghe kỹ, hãy nghe kỹ, và suy gẫm cho khéo”**.

\*\*\*

## MỤC TIÊU CỦA KINH



Mỗi một bộ Kinh là một bài giảng của Phật, mà hề là bài giảng thì phải có chủ đích. Vậy chủ đích của Kinh Diệu Pháp (Le Dharma Sublime, Merveilleux) hay Pháp Hoa (La Fleur du Dharma) là gì?

Là chỉ cái “Tướng Thật và cái Cảnh Chân” (Thật tướng Chân cảnh) mà mắt phàm không thấy, ngược lại với cái tướng không thật và cái cảnh không chân trong đó thế nhân đang sống và lầm tưởng là chân thật. Không chân thật là “Irréel”; Chân thật là “Réel” và cái Chân thật là “la Réalité”.

Chúng ta chia có vật chất và tinh thần, có sắc có tâm, có muôn loài sai biệt (trí phân biệt: esprit discrimina-teur). Chúng ta lầm vì chúng ta không thấy được mọi mặt, mọi khía cạnh của pháp giới hay vũ trụ vô biên. Chúng ta là những người mù rờ voi, ai rờ đâu biết đó mà thôi.

Phật đã đạt đến chỗ thấy hoàn toàn, cho nên Phật nhận rằng phân biệt như trên là sai. Đứng với sự thật, thời **“Tất cả là Một, Một là Tất cả, tinh thần và vật chất là Một, sắc và tâm là Một”**.



Thấy được cái Một ấy, sẽ thấy rằng:

1- Toàn thể pháp giới là Nhất, Chân, Bình đẳng, nghĩa là toàn thể vũ trụ vô biên với tất cả những sự vật sai biệt, hữu hình vô hình, hữu tướng vô tướng chứa chất trong ấy, ngang nhau, là Một, và cái Một ấy chân thật và luôn luôn như thế mãi, không biến đổi (l'Univers est UN, réel et identique à soi-même).

2- Toàn thể đã là Một thời chúng sanh và Phật như nhau, vô minh và Giác ngộ như nhau, không hai không khác (Sanh, Phật bình đẳng vô nhị) (L'ignorance et l'Eveil ne sont pas deux choses différentes).

Tuy chúng sanh sống trong chỗ thân tâm động loạn bởi sự tiếp xúc giữa căn và trần gây ra (ngũ quan và ngoại cảnh), chúng sanh không hề tách ra và lìa khỏi cái “Sáng Khắp Cùng” (Phổ Quang), Phổ Quang này đồng thời cũng là cái “Trí Sáng” (Minh Trí). Đây là chỗ Kinh điển Hán văn nói: “Chúng sanh động loạn căn trần, bất ly Phổ Quang Minh Trí”. Cái Ánh Sáng Trí Huệ ấy (Lumière Sagesse) là Tâm, là Phật tánh, là Như Lai, là Phật, là Đa Bảo...

## **NHẤT, CHÂN, BÌNH ĐẲNG PHÁP GIỚI**

Với cái trí óc hữu hạn (intellect), với cái tâm luôn luôn dao động (mental), với cái biết tâm thường hay Thức (conscience), chúng sanh không bao giờ nhận thấy được cái “Pháp giới nhất, chân, bình đẳng” được. Muốn nhận thấy được, cần phải:

1- Hướng trí mình về chỗ vô lượng vô biên, tức là chỗ tuyệt đối (absolu), đó là nghĩa chỗ Phật nói Kinh Vô lượng nghĩa;

2- Đứng vững trong chỗ tuyệt đối mà ngó, mà xét, mà thấy, đó là nghĩa của chỗ Phật “nhập Vô lượng nghĩa xứ”;

3- Phải dùng mắt trí huệ (Ceil de l’Intelligence ou de la Sagesse) mà chiếu soi (tượng trưng bằng sự phóng hào quang).

Đây là nghĩa huyền của phẩm thứ nhất.

Cảnh giả thời có sanh, có diệt. Cảnh thật không sanh, không diệt, như Phật đã chỉ trong phẩm 11 (Hiện Bảo Tháp): Trong tháp có thân Phật Đa Bảo, tuy tịch diệt từ lâu, nhưng còn nguyên vẹn.

Tất cả đã là Một, thời không có hai cảnh riêng biệt, một Tịnh, một Uế. – Ba phen biến Ta bà thành Tịnh độ và cho mắt phàm thấy mười phương chư Phật ngay đây (phẩm 11), đó là nghĩa của chân lý: Uế là Tịnh, Tịnh là Uế.

Cũng vì Tất cả là Một, cho nên trong vũ trụ vô biên, mọi sự mọi vật có một sự liên hệ mật thiết, đây động là toàn pháp giới đều động (Tăng hắng và khảy móng tay là vang động 10 phương – phẩm 21: Như Lai thần lực). Có biết rằng tất cả đều liên hệ với nhau, dính chùm với nhau, con người mới thấu rõ cái lẽ không thể sống riêng tư, không thể làm hại người mà chẳng có sự phản ứng lại cho tự mình, luôn cả cái lẽ hễ làm vui cho người là làm vui cho mình.

## SANH, PHẬT BÌNH ĐẲNG, VÔ NHI

Tất cả là Một, thời tất cả đều bình đẳng như nhau. Bình đẳng trên nguyên thể, ở chỗ nguồn cội, trên Tánh, trên Tâm, trên cái Bất sanh, Bất diệt chung cho muôn loài. Vì vậy nên nói chúng sanh và Phật là bình đẳng. Nhưng đã là ngang nhau, tại sao lại chia có chúng sanh và Phật? Trên bản thể thời Một là bình đẳng, nhưng trên hiện tượng, trạng thái, thời có hai, nhưng cái tánh vượt thời có một cho cả nước và sóng, nhưng về mặt hình tướng thì có hai cái mà mắt phàm thấy khác nhau là nước và sóng. Cũng thế, chỉ có một bản thể, nhưng nếu bản thể ấy ứng hiện trong Tịnh, Giác ngộ, Giải thoát thời gọi là Phật, ngược lại thời gọi là chúng sanh.

Để chứng minh sự thật ai cũng có tánh Phật và giàu công đức như nhau, Kinh đã đưa ra cái tỷ dụ người “Cùng tử” trong phẩm thứ 4. Cái lầm ở chúng sanh là không biết và không dám tự nhận là con nhà giàu sang cao cả, như chàng cùng tử, và cũng quên luôn rằng mình là một người **“say trong vạt áo có hòn ngọc quý”** (phẩm 8).

Vì tất cả chúng sanh đều đồng một Tánh Giác như nhau, cho nên dầu có lạc loài ti tiện đến đâu, một ngày kia nhất định phải trở về với quê cha đất tổ, với cái sự nghiệp to lớn của mình, nghĩa là tất cả, cuối cùng, sẽ thành Phật. Nếu không phải vậy, thời Phật đã không thọ ký cho Xá lợi Phất (Phẩm 3), cho 4 đại đệ tử (Phẩm 6), cho 500 đệ tử (Phẩm 8), cho hàng Thanh văn đã hoặc chưa đắc quả La hán (Phẩm 9). Thậm chí đến nữ nhân cũng có phân thành Phật (Phẩm 13, thọ ký cho Kiều Đàm và Da Thân), đến người trẻ tuổi cũng vậy (Phẩm 12 – Long nữ).

Nam, nữ, trẻ, già đều là cái tướng bề ngoài, còn cái thể trắng trong ở nội giới, thời ai cũng như ai.

\*\*\*

Trên đây, là hai chân lý tuyệt vời, khó nghe, khó hiểu mà Phật đã giải bày trong Kinh Diệu Pháp, vào lúc mà Phật thấy các hàng đệ tử đã đủ điều kiện thọ lãnh

**(Chư Phật Như Lai đúng lúc mới nói Pháp mầu, như hoa Ưu Đàm, đúng tiết mới nở một lần).**

## **NHỮNG THỰC TƯỢNG CHÂN CẢNH LÀ GÌ?**

Là Tâm, là Như Lai v.v... như đã nói.

Tuy biết tinh thần không là vật chất (la matière n'est pas différence de L'Esprit), sắc không khác tâm (sắc bất dị không) nhưng trong vòng tương đối, tinh thần hay tâm vẫn siêu việt, vì vậy nên nói và ví Bảo Tháp từ đất vọt lên và lơ lửng trên hư không (Phẩm 11). Tuy siêu việt, nhưng không phải xa cách, riêng biệt cho nên nói từ đất (tâm) vọt lên; vì siêu việt nên nói ở trên hư không.

Tâm ngậm chứa tất cả, ngoài Tâm không có gì và phàm Thánh đều ở trong Tâm, do đây mà trong phẩm 1, tất cả đều hiện ra trong ánh sáng từ giữa đôi lông mày phóng ra (tượng trưng cho trí huệ).

Trong tâm có đầy đủ khả năng tự giải thoát (Phật từ khước sự giúp đỡ của Bồ tát các phương khác) – Phẩm 15). Bồ tát các phương khác tượng trưng cho tha lực. Từ khước tượng trưng cho tự lực đầy đủ.

Trong tâm cũng có đủ mọi công đức, có vô số Bồ tát (tượng trưng cho các đức), do đây mà nói vô số Bồ tát từ đất hiện lên (Phẩm 15).

Tâm cũng là Trí Huệ vô biên, là Tự tại vô ngại (Liberté absolu), là Thần thông vô cùng (Pouvoirs illimités) là Vô úy, can đảm vô hạn.

Tâm bất sanh bất diệt, không tới không lui, đâu cũng là Tâm, cho nên gọi là Như Lai (không do đâu mà đến, cũng không hướng về đâu mà đi). Vậy Tâm là hiện tại thường hằng (le Présent éternel).

Tuy nói nhiều tâm, nhiều Phật, thật sự chỉ có Một. Mà Tâm, Phật cũng là Pháp, cho nên Hằng sa Phật chỉ nói có một Pháp. Lại nữa, tuy nói nhập Niết bàn, Phật vẫn hằng ở thế gian (Phẩm 15 và phẩm 16: Như Lai thọ lượng), vì Pháp bất ly thế gian pháp, Chân lý ở ngay trong mọi sự mọi vật của mọi thời gian và mọi phương hướng.

## LÝ DO LẬP BA THỪA

Sự thật là như trên, nhưng vì khó giải và nan lường cho nên lúc đầu, Phật phải tạm lập ra ba Thừa, để lần hồi khuyến hóa, dẫn dắt chúng sanh ra khỏi ba cảnh đời

lửa đốt là: 1- cảnh đời của thân vật chất (monde physique, matériel), 2- cảnh sống của tình cảm, tham dục (monde sentimental, émotionnel), 3- là cảnh sống của lo nghĩ, tính toán, khái niệm (monde de la conscience, de la conceptualisation). Hán văn gọi tam giới: dục giới, sắc giới và vô sắc giới mà trong phẩm 2, Phật ví như nhà lửa, nhà bị cháy. – tuy tạm chia có ba trình độ, ba phương thế Giải thoát, thật ra chỉ có một, vì dầu nói đặc quả Thanh văn, Duyên giá, Bồ tát, tất cả những quả ấy đều như những trụ đá đánh dấu trên con đường duy nhất là con đường Phật (Phật đạo). Do đây, tuy hứa cho mỗi đứa con một chiếc xe khác nhau, rốt cuộc ông cha cho có một thứ xe vừa to, vừa đẹp (Phẩm 2 – Hỏa trạch).

Đường có Một, nhưng vì diệu viễn, sợ chúng sanh chán nản ngã lòng, cho nên lại quyền mà hứa Niết bàn với hàng Thanh văn. Nay đem sự thật tuyệt đối ra dạy, Phật phải điều chỉnh mà nói rằng Niết bàn ấy chưa phải là mức cuối cùng (Phẩm 6).

## LÀM THẾ NÀO ĐỂ THẤY SỰ THẬT TUYỆT ĐỐI?

**Phải: 1- Triệt lục căn, tứ đại chi chướng ngại,**  
nghĩa là phải dẹp bỏ tất cả những chướng ngại do sáu

căn và xác thịt xây dựng án Mắt Trí. Phải bỏ cái “thấy biết” hữu hạn và sai lạc của “tâm thức”, tức là cái thấy biết tương đối (Phẩm 1: Phi tâm thức khả tri).

**2- Phải có đầy đủ sáng suốt**, nghĩa là phải có Trí Huệ viên mãn (Phóng quang trong phẩm 1), vì “phi Trí bất nhập”.

## PHƯƠNG PHÁP HÀNH

Làm thế nào để triệt lục căn và phóng quang?

A- Ngoài:

- Phải đọc tụng Pháp Hoa, để lấy đức trang nghiêm Phật mà trang nghiêm tự thân,

- Phải sanh lòng kính tín (phẩm 10)

- Phải chọn nơi giao thiệp (phẩm 14 – Thân-cận xứ, An-lạc hạnh)

B- Trong:

- Phải vào nhà Như Lai (có từ bi)

- Phải mặc áo Như Lai (có nhẫn nhục)

- Phải ngồi chỗ Như Lai ngồi (đứng vững trong cái lý Không ‘Pháp Không’)



Phải diễn đạt Pháp trong tư tưởng, lời nói, việc làm (Phẩm 19 – Pháp sư công đức)

- Phải dùng khinh khả năng thành Phật Giải thoát của mình (Phẩm 20)

- Phải luôn luôn hy vọng và tin tưởng ở bước huy hoàng cuối cùng, vì dữ cho mấy rồi cũng hóa hiền và mỗi hoàn cảnh ngang trái là một bài học giác ngộ, người thù ta là bạn ta (Phẩm 12 – Đề bà đạt đa)

- Phải cố gắng luôn luôn (Phẩm 13 – Trì)

- Phải hướng nội, đi sâu vào Diệu cảnh để

- Đắc Thanh tịnh, vì Tịnh trị Vô minh, phá ngã chấp và pháp chấp (Phẩm 23)

- Giải tất cả lời nói của thâm tâm và theo đó mà làm (giải nhất thế ngữ ngôn, dĩ vô tác diệu lực tác chư Phật sự - Phẩm 24: Diệu âm)

- Phát đại bi tâm, ứng hiện khắp cùng, cứu khổ cho mọi loài (Phổ môn thị hiện, tầm thanh cứu khổ – Phẩm 25: Quán thế âm)

## **TIN LÀM NHƯ THẾ CÓ LỢI ÍCH GÌ ?**

Tin làm như thế, sẽ đặng:

- Nhẫn nại, nắm giữ tánh định, thích nói Pháp, biện tài vô ngại, giải thoát, tinh tấn, thanh tịnh, sanh lòng cầu Chánh giác

- Trí huệ là công đức to lớn hơn hết trong sáu ba la mật

- Không thấy chúng sanh mà thấy Phật, không thấy Ta bà mà thấy Tịnh độ

## KẾT LUẬN

Được như thế là đã “minh tâm, kiến tánh, thành Phật”, sống trong Ánh Sáng thanh tịnh và từ bi của Tự tâm. Và đến đây, chủ đích thuyết Kinh Pháp Hoa (khai, thị, ngộ, nhập) của Phật cũng hoàn mãn.

- HẾT -

## PHỤ CHÚ VỀ CHỮ TÂM

Chữ “Tâm” dùng trong Kinh Diệu Pháp đồng nghĩa với chữ Tuyệt đối (Absolu) của triết học.

Tâm ở đây không chỉ là một cái gì riêng biệt đang ẩn nấp trong mỗi xác thịt, mà chỉ có một cái nhìn chung cho tất cả chúng sanh. Tâm cũng không có nghĩa một chất gì đó hay một quyền năng nào đó có tài uốn nắn, hóa sanh muôn vật.

Tâm đã là Tuyệt đối thì không thể nói Tâm là thế này hay là thế nọ được. Thí dụ, không được nói Tâm là vô cùng tận, vì hễ nói Tâm là vô cùng tận thì những cái gì có giới hạn phải bị gạt bỏ ra ngoài Tâm, trong khi chỉ có Tâm mới là cái Chân thật (Réalité) duy nhất: ta và ngoại cảnh (núi sông, cây cối, cầm thú...) mà ta tiếp xúc, nhận biết được nhờ ngũ quan làm môi giới, tất cả những cái ấy không gì khác hơn là Tâm. Nếu bảo Tâm là vô cùng cực, tức là để Tâm ra một bên và những cái không phải vô cùng tận như núi, sông, cầm thú, thảo mộc... ra một bên khác, hai đàng không dính líu với nhau, thí như nói nước là riêng và sóng là riêng, trong khi nước tức là sóng, sóng tức là nước.

Lại nữa, luận đến Tâm mà nói “có”, nói “không” cũng là sai. Phải hiểu vấn đề “hữu, vô” như thế này. Đứng về phương diện tuyệt đối mà xét thì tất cả là Một và Một đây là Tâm. Muôn vật mà chúng ta nhờ ngũ

quan nhận biết được, trong tuyệt đối, không thật có. Đó chẳng qua là những cái gì chất chứa, tổ hợp tạm thời trong một giai đoạn ngắn ngủi, để rồi tan rã như bọt nước, như sương mai. Thuyết “tương đối” và thuyết “vạn vật do nguyên tử hợp thành” của Khoa học ngày nay chứng tỏ điều này. Sở dĩ có hợp, có tan là do nhân duyên. Mỗi vật (pháp) là kết quả của vô lượng nguyên nhân nối tiếp nhau như một dây chuyền mà không sao tìm ra đầu mối được. Vậy không có một vật nào thường còn mãi mãi, hay tự hóa tự sinh mà không do một nguyên nhân nào đó. Vạn vật chỉ có trong tương đối và vì vậy mà Kinh sách Đại thừa thường hay gọi là “phi hữu” (chẳng phải có) rồi tiếp ngay theo, lại nói “phi vô” (chẳng phải không).

Để cho dễ hiểu, chúng ta có thể nói thẳng người (être humain) có ba phần: một là xác thịt, hai là cái “ta” hay “ngã” (le moi), ba là “chân ngã”, cái “ta thật” (le soi réel). Xác thịt không khác gì mọi vật xung quanh ta, không chân thật, vì là một hiện tượng giả tạm, do nhân duyên cấu tạo. Cái gọi là “ta” cũng thế, là một trò huyền thuật, do năm thứ tích tụ mà thành (sắc, thọ, tưởng, hành và thức). Cái “chân ngã” mới là Sự thật tuyệt đối, nó ở ngoài sự nhận biết của ngũ quan, nó là Lý tuyệt đối, trong đó không có sự phân biệt, vì vậy cái “chân ngã” ấy cũng là cái “Thực Thể” chung của tất cả chúng sanh. Chân ngã ấy là Tâm. Ai bảo tôi có tâm tôi, anh có tâm anh, là sai. Chỉ có một Tâm mà thôi.

Không có cái giả riêng biệt và cái chân riêng biệt. Tất cả muôn sự muôn vật trước mắt ta đều là Tâm cả; tuy là hiện tượng tương đối, nhưng đều nằm trong cái Tuyệt đối cả. Vậy cố tâm xô đuổi hay phá tan cái “vọng” là một việc làm không ăn thua vào đâu: làm sao tách sóng ra khỏi nước được?

Ta với Tâm (cái Tuyệt đối) đã là một ngay trong lúc này rồi, **cũng như anh cùng tử và người con của ông nhà giàu là một chứ không phải là hai**. Vì không tự nhận, tự biết mình là công tử nên phải sống đời sống cùi đày, dơ bẩn: chúng sanh khổ não, bất tịnh, cũng chỉ vì không tự nhận là Phật, là Tâm, là cái Tuyệt đối.

Nhận được là hết chúng sanh, là thành Phật.

Nhưng nếu Phật không chỉ dạy (**khai thị**) cho thì làm sao chúng ta biết được? Lại nữa, biết chưa đủ, còn cần phải nhận rõ cái sự thật chúng sanh và Phật, không khai (**ngộ**) và đi ngay vào cuộc sống trong cái sự thật ấy (**nhập**).

## MỤC LỤC

Kính gửi độc giả	7
Lời nói đầu 11	
<b>Phẩm thứ 1 :</b> Tự (Le sujet)	19
<b>Phẩm thứ 2 :</b> Phương tiện (L'habileté des moyens)	28
<b>Phẩm thứ 3 :</b> Thí dụ (La Parabole)	35
<b>Phẩm thứ 4 :</b> Tín giải (Les inclinations)	43
<b>Phẩm thứ 5:</b> Dược thảo dụ (Les plantes médi-cinales)	51
<b>Phẩm thứ 6 :</b> Thọ ký (Les Prédications)	57
<b>Phẩm thứ 7:</b> Hóa thành dụ (L'ancienne application)	61
<b>Phẩm thứ 8:</b> Ngũ bách đệ tử thọ ký (Prédiction relative aux 500 Religieux)	73
<b>Phẩm thứ 9 :</b> Thọ Học, Vô Học nhân ký (Prédiction relative à Ananda, à Râhula et aux 2.000 Religieux)	78
<b>Phẩm thứ 10 :</b> Pháp sư (L'Interprète de la Loi)	84

<b>Phẩm thứ 11 :</b>	Hiện Bảo Tháp (L'apparition d'un stupa)	90
<b>Phẩm thứ 12 :</b>	Đề bà đạt Đa	101
<b>Phẩm thứ 13 :</b>	Trì (L'Effort)	111
<b>Phẩm thứ 14 :</b>	An lạc hạnh (La position commode)	120
<b>Phẩm thứ 15 :</b>	Tùng địa đồng xuất (Apparition des Bodhisattvas)	130
<b>Phẩm thứ 16:</b>	Như Lai thọ lượng (La durée de la vie du Tathâgata)	142
<b>Phẩm thứ 17 :</b>	Phân biệt công đức (Proportion des mérites)	152
<b>Phẩm thứ 18 :</b>	Tùy hỷ công đức (Indication du mérite de la satisfaction)	162
<b>Phẩm thứ 19:</b>	Pháp sư công đức (Le Perfectionnement des sens)	166
<b>Phẩm thứ 20:</b>	Thường Bất Khinh Bồ tát (Le Religieux Sadâparibhuta)	175
<b>Phẩm thứ 21:</b>	Như Lai thần lực (Effect de la puissance surnaturelle du Tathâgata)	181
<b>Phẩm thứ 22:</b>	Chúc lụy (Le depôt)	195



<b>Phẩm thứ 23:</b>	Dược Vương Bồ tát bốn sự (Ancienne méditation de Chaichadjyârâdja)	119
<b>Phẩm thứ 24:</b>	Diệu Âm Bồ tát (Le Bodhisattva Gadgadasvara)	212
<b>Phẩm thứ 25:</b>	Quán Thế Âm Bồ tát phổ môn (Le récit parfaitement heureux)	224
<b>Phẩm thứ 26:</b>	Đà La Ni (Les Formules Magiques)	248
<b>Phẩm thứ 27:</b>	Diệu Trang Nghiêm Vương bốn sự (Ancienne méditation du roi Cubhavyuha)	256
<b>Phẩm thứ 28:</b>	Phổ Hiền Bồ tát khuyến phát (Satisfaction de Samantabhadra)	267
Tổng kết Kinh Pháp Hoa		275
Phụ chú về chữ Tâm		290